

1535	2021347859	Lê Nhân	Ái	24/05/1995	K20PSU-DLH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1536	2010714245	Lê Nguyễn Kim	Châu	08/07/1996	K20PSU-DLH	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	K	
1537	2020348060	Ngô Thị	Diệp	16/01/1996	K20PSU-DLH	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.5	K	
1538	2021348197	Mai Thế	Duy	22/03/1995	K20PSU-DLH	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1539	2020714875	Hồ Hương	Giang	02/04/1996	K20PSU-DLH	8.0	8.0	5.0	6.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1540	2021717796	Ngô Quốc	Hải	30/11/1996	K20PSU-DLH	8.0	7.0	6.0	6.8										KĐĐK	
1541	1920710977	Nguyễn Thị Thu	Hương	19/07/1995	K20PSU-DLH	7.0	8.0	8.0	7.7	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.4	K	
1542	2020345393	Nguyễn Ngọc	Linh	27/04/1996	K20PSU-DLH	8.0	8.0	5.0	6.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1543	2020346977	Lê Thị Khánh	Linh	12/10/1995	K20PSU-DLH	8.0	8.0	5.0	6.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1544	2020253651	Nguyễn Minh	Ngọc	12/04/1996	K20PSU-DLH	8.0	9.0	6.0	7.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1545	2020345391	Nguyễn Thị Thục	Nhi	16/02/1996	K20PSU-DLH	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1546	2020348212	Huỳnh Thị Lan	Nhi	09/11/1996	K20PSU-DLH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1547	2020714757	Võ Thị	Quý	02/03/1996	K20PSU-DLH	8.0	8.0	9.0	8.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	7.9	K	
1548	2020348139	Trần Thúy	Quỳnh	24/06/1996	K20PSU-DLH	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	7.0	K	
1549	2010713158	Nguyễn Thị Đan	Tâm	22/05/1993	K20PSU-DLH	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.4	K	
1550	2021357032	Võ Nhật	Tân	31/03/1996	K20PSU-DLH	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK	
1551	2020345305	Lê Thị Minh	Trang	04/10/1996	K20PSU-DLH	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1552	2021358049	Phạm Minh	Triết	08/01/1996	K20PSU-DLH	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1553	2020348201	Ngô Phương	Trinh	16/12/1995	K20PSU-DLH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K	
1554	2021714973	Nguyễn Thành	Trung	19/09/1996	K20PSU-DLH	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.4	TBK	
1555	2021717735	Trương Quốc	Trung	24/08/1996	K20PSU-DLH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1556	2020346990	Đậu Thanh	Tú	12/10/1995	K20PSU-DLH	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.2	K	
1557	2020714560	Trương Tú	Uyên	30/09/1996	K20PSU-DLH	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.4	K	
1558	2020346981	Phạm Quách Tường	Vi	17/02/1996	K20PSU-DLH	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.7	TBK	
1559	2020728242	Nguyễn Hoàng Khánh	Vy	10/08/1995	K20PSU-DLH	8.0	8.0	8.0	8.0					8.0	7.0	7.0	7.3		KĐĐK	
1560	2020724205	Huỳnh Thị Kim	Yến	21/09/1996	K20PSU-DLH	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.5	K	
1561	2021717905	Hồ Phú	An	01/08/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1562	2020717221	Lê Hữu	Ân	12/06/1995	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1563	2020264901	Trần Thị Tú	Anh	23/10/1995	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1564	2020714328	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	09/08/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1565	2020716748	Lê Hà	Anh	08/07/1996	K20DLK	7.0	7.0	5.0	6.0	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	6.6	TBK	
1566	2020713513	Nguyễn Lê Nguyệt	Ánh	18/01/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.4	K	
1567	2020716754	Ngô Thị Hồng	Ánh	06/12/1996	K20DLK	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1568	2020717926	Bùi Thị Thu	Bà	15/06/1996	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1569	2021714524	Huỳnh Thái	Bảo	19/08/1996	K20DLK	7.0	7.0	5.0	6.0	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	6.6	TBK	
1570	2021713723	Nguyễn Quang	Biên	26/03/1996	K20DLK	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.9	TBK	
1571	2021717100	Đặng Văn	Bìn	05/06/1995	K20DLK	7.0	6.0	6.0	6.3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK	
1572	2020223914	Nguyễn Thị Thanh	Bình	16/01/1996	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1573	2020714115	Nguyễn Thị Như	Bình	15/02/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1574	2020713618	Phan Bảo	Châu	29/08/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1575	2020717332	Nguyễn Thị	Chi	09/02/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1576	2021127279	Mai Huỳnh	Chuyên	21/02/1996	K20DLK	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.7	TBK	
1577	2021355852	Tôn Thất Hoàng	Đang	19/03/1996	K20DLK	7.0	6.0	8.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	6.0	6.6	6.8	TBK	
1578	2020714233	Nguyễn Thị Anh	Đào	16/01/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	8.0	7.8	7.3	K	
1579	2020713135	Nguyễn Tiến	Đạt	10/07/1996	K20DLK	7.0	8.0	5.0	6.2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1580	2021710515	Huỳnh Quân	Đạt	27/07/1996	K20DLK	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
1581	2021716736	Trương Duy	Đạt	03/04/1996	K20DLK	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1582	2020713608	Nguyễn Thị	Đông	17/06/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1583	2020713538	Lê Thùy	Dung	19/09/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K	
1584	2020713568	Trương Thị Thùy	Dung	15/05/1995	K20DLK	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.4	K	
1585	2020714714	Trần Thị Thùy	Dung	12/12/1996	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1586	2020727366	Nguyễn Phan Ngọc	Dung	14/04/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K	
1587	2021713807	Nguyễn Ngọc Quang	Dũng	15/05/1996	K20DLK	7.0	6.0	6.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1588	2020716614	Nguyễn Thị Thùy	Dương	07/11/1996	K20DLK	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1589	2020717322	Thái Thị	Dương	20/03/1996	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1590	2020713014	Hoàng	Duy	12/03/1996	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
1591	2021713848	Ngô Đức	Duy	16/01/1996	K20DLK	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1592	2020713749	Lê Thị Ngọc	Duyên	06/10/1995	K20DLK	7.0	6.0	6.0	6.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.8	7.3	K	
1593	2020713926	Nguyễn Thị Thùy	Duyên	01/05/1996	K20DLK	7.0	7.0	8.0	7.5	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1594	2020713971	Nguyễn Trần Bảo	Duyên	26/06/1996	K20DLK	7.0	9.0	7.0	7.4	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K	

1595	2020713975	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	28/10/1996	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1596	2020715111	Huỳnh Ngọc Mỹ	Duyên	29/05/1996	K20DLK	7.0	8.0	5.0	6.2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.5	7.6	6.7	TBK	
1597	2020716452	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	15/04/1995	K20DLK	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
1598	2020717052	Ngô Mỹ	Duyên	25/05/1996	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1599	2020717116	Huỳnh Thị Mỹ	Duyên	16/02/1996	K20DLK	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1600	2020726405	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	20/09/1995	K20DLK	7.0	8.0	8.0	7.7	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K	
1601	2020713560	Nguyễn Thị Hương	Giang	22/05/1996	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1602	2020715789	Nguyễn Thị Hương	Giang	09/05/1996	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1603	2020727331	Vương Thị Trà	Giang	27/02/1996	K20DLK	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1604	2020218135	Đỗ Phương	Hà	29/04/1996	K20DLK	7.0	8.0	5.0	6.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
1605	2020713827	Nguyễn Hoàng Nhật	Hạ	04/07/1996	K20DLK	7.0	8.0	5.0	6.2	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
1606	2010348144	Phan Thị Việt	Hằng	29/09/1996	K20DLK	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
1607	2020714437	Phạm Thị Bích	Hằng	30/10/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1608	2020715042	Huỳnh Nguyễn Thanh	Hằng	12/01/1996	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1609	2020717357	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	28/09/1996	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1610	2020345320	Nguyễn Bà Mai	Hậu	14/04/1996	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
1611	1920524738	Trần Diệu	Hiền	19/6/1995	K20DLK	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1612	2020713063	Nguyễn Thái Thùy	Hiền	31/10/1996	K20DLK	7.0	8.0	5.0	6.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
1613	2021176741	Phạm Phú	Hiền	25/02/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	7.0	7.1	7.0	K	
1614	2021726541	Kiều Phúc	Hiệp	31/10/1996	K20DLK	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1615	2020725872	Hồ Thị Bích	Hiếu	04/08/1996	K20DLK	7.0	8.0	8.0	7.7	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.4	K	
1616	2021716262	Phan	Hiếu	22/04/1996	K20DLK					8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3		KĐĐK	
1617	2020214459	Trần Thị Tuyết	Hoa	09/12/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1618	2020714247	Trần Thị Kim	Hoa	03/07/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1619	2020717942	Vũ Việt	Hòa	24/10/1996	K20DLK	7.0	8.0	8.0	7.7	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K	
1620	2021717112	Nguyễn Thái	Hòa	15/07/1996	K20DLK	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K	
1621	1920715792	Nguyễn Thị Lệ	Hoài	25/10/1995	K20DLK	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	7.0	6.0	6.5	6.8	TBK	
1622	2020716513	Lê Thị	Hoài	14/08/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1623	2021713605	Vũ Quang	Hoàn	11/06/1996	K20DLK	7.0	7.0	5.0	6.0	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	7.0	7.1	6.6	TBK	
1624	2020218241	Nguyễn Thị My	Hoàng	11/12/1995	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1625	2021723716	Phan Huy	Hoàng	17/06/1996	K20DLK					8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8		KĐĐK	
1626	2020510701	Phạm Thị Bích	Hồng	14/05/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	7.3	K	
1627	2021714545	Hồ Nguyễn Nhật	Hùng	13/09/1996	K20DLK	7.0	6.0	6.0	6.3	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1628	2021715703	Võ Hoàng Minh	Hùng	05/08/1996	K20DLK	7.0	5.0	5.0	5.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
1629	2021714469	Hồ Duy	Hưng	05/06/1996	K20DLK	7.0	8.0	5.0	6.2	7.0	6.0	6.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.6	TBK	
1630	2020713344	Nguyễn Thị	Hương	26/10/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1631	2020713061	Nguyễn Tấn	Huy	26/04/1996	K20DLK	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	7.2	K	
1632	2021713806	Lê Quang	Huy	22/10/1996	K20DLK	7.0	7.0	5.0	6.0	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	8.0	7.8	6.8	TBK	
1633	2021715841	Nguyễn Hồ	Huy	09/09/1996	K20DLK	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK	
1634	2021718157	Trần Trung	Huy	19/03/1996	K20DLK	7.0	8.0	8.0	7.7	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K	
1635	2020714146	Phạm Anh	Huyền	19/04/1996	K20DLK	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	6.9	TBK	
1636	2020718095	Lê Tuyết	Kha	16/06/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K	
1637	2021716416	Nguyễn Đăng	Khánh	05/12/1996	K20DLK	7.0	7.0	5.0	6.0	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
1638	2020713136	Nguyễn Hữu	Lâm	31/12/1996	K20DLK	7.0	8.0	5.0	6.2	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
1639	2020716548	Phạm Thị Thùy	Liên	29/02/1996	K20DLK	7.0	9.0	6.0	6.9	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1640	2020215780	Phan Thị Trúc	Linh	10/04/1995	K20DLK	7.0	8.0	5.0	6.2	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
1641	2020348104	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	27/06/1993	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2										KĐĐK	
1642	2020355505	Nguyễn Thị Nhật	Linh	27/07/1996	K20DLK					8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3		KĐĐK	
1643	2020710609	Châu Thảo	Linh	17/09/1996	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1644	2020714958	Nguyễn Thị Thùy	Linh	02/02/1996	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
1645	2020716018	Hà Thị Gia	Linh	09/02/1996	K20DLK	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1646	2021714237	Nguyễn Minh	Lộc	29/06/1996	K20DLK	7.0	7.0	5.0	6.0	8.0	6.0	6.0	6.6	6.0	7.0	6.0	6.2	6.3	TBK	
1647	2021714375	Nguyễn Văn	Lộc	04/07/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	K	
1648	2021716132	Huỳnh Quốc	Lợi	08/11/1996	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1649	2020714134	Trần Thị	Long	04/06/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1650	2021713876	Nguyễn Cửu	Long	25/10/1996	K20DLK	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK	
1651	2021715007	Hà Nguyễn Nhật	Long	26/10/1996	K20DLK	7.0	7.0	5.0	6.0	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
1652	2021715623	Lê Mã	Long	27/06/1996	K20DLK	7.0	8.0	8.0	7.7	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K	
1653	2020714319	Phan Thị Xuân	Ly	28/01/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1654	2020717774	Hoàng Thị Thanh	Mai	26/07/1996	K20DLK	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K	

1655	2021713720	Nguyễn Thế	Mạnh	09/08/1995	K20DLK	7.0	7.0	5.0	6.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1656	2020717634	Nguyễn Thị Ngọc	Minh	02/02/1995	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1657	2021713951	Trương Tuấn	Minh	13/12/1996	K20DLK	7.0	6.0	6.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	6.9	TBK	
1658	2021714911	Hoàng Nhật	Minh	16/01/1996	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1659	2020213696	Phạm Thị Hoàng	My	29/08/1995	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1660	2020340798	Nguyễn Thị Thanh	My	10/02/1996	K20DLK	7.0	8.0	8.0	7.7	8.0	8.0	8.5	8.3	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	G	
1661	2020713768	Đặng Thị Kiều	My	23/09/1996	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1662	2021714746	Nguyễn Hà Uyên	My	23/06/1996	K20DLK	7.0	8.0	5.0	6.2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1663	1920718513	Phạm Thị	Mỹ	09/01/1994	K20DLK	7.0	8.0	8.0	7.7	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K	
1664	2020716032	Huỳnh Thị Chi	Na	02/06/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1665	2021348236	Bùi Hải	Nam	18/04/1993	K20DLK	5.0	7.0	5.0	5.4	7.0	7.0	6.0	6.5						KDDK	
1666	2021710968	Võ Tôn Đình	Nam	18/06/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K	
1667	2021718303	Nguyễn Văn	Nam	27/11/1996	K20DLK					8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3		KDDK	
1668	2020713243	Đặng Thị Nguyệt	Nga	31/05/1996	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1669	2020713576	Nguyễn Thùy Hồng	Nga	04/04/1996	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1670	2020713767	Đinh Thị Thúy	Nga	18/01/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1671	2020714800	Ngô Thị Thùy	Nga	11/05/1996	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1672	2020716128	Ngô Thị Thanh	Nga	19/05/1996	K20DLK	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	7.0	K	
1673	2020717076	Hoàng Thị Ánh	Nga	15/01/1996	K20DLK	7.0	8.0	8.0	7.7	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.4	K	
1674	2020713584	Nguyễn Trần Tuyết	Ngân	30/09/1995	K20DLK	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1675	2020714065	Cao Thị Diệu	Ngân	22/03/1996	K20DLK	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1676	2020716252	Huỳnh Thị Hà	Ngân	29/05/1996	K20DLK	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.4	K	
1677	2021345308	Lê Quang	Nghĩa	18/09/1996	K20DLK	7.0	7.0	5.0	6.0	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	7.0	7.1	6.6	TBK	
1678	2021715590	Lê Tuấn	Nghĩa	17/10/1996	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1679	2020713580	Trần Thị	Ngọc	10/04/1995	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K	
1680	2020716521	Lê Huỳnh	Ngọc	12/02/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1681	2020726504	Trần Thị Bảo	Ngọc	30/12/1995	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1682	2020714163	Phan Lê Khánh	Nguyễn	21/04/1995	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.9	TBK	
1683	2020715871	Nguyễn Thị Thảo	Nguyễn	25/06/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1684	2020715944	Kiều Thảo	Nguyễn	15/09/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K	
1685	1920716791	Trần Thị	Nguyệt	13/8/1995	K20DLK	7.0	6.0	5.0	5.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
1686	2020714313	Trần Thị Ánh	Nguyệt	20/03/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1687	2020716711	Võ Thị Minh	Nguyệt	14/04/1995	K20DLK	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1688	2020345361	Nguyễn Phương	Nhi	22/10/1996	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1689	2020710524	Đinh Thị Hồng	Nhi	08/04/1996	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1690	2020715840	Đinh Hoài	Nhi	06/04/1996	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1691	2020716084	Trần Thị Yến	Nhi	08/10/1995	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1692	2020717075	Kính Thị Bảo	Nhi	25/06/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1693	2020717954	Trịnh Thị Yến	Nhi	23/02/1996	K20DLK	7.0	7.0	8.0	7.5	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1694	2020723381	Nguyễn Thị Yến	Nhi	22/04/1995	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1695	2020714216	Nguyễn Thị	Như	12/03/1996	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1696	2020253963	Võ Thạch Thảo	Nhung	16/11/1996	K20DLK	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1697	2020716188	Bùi Thị Bích	Nhung	24/07/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1698	2020713455	Phạm Thị	Ny	01/05/1996	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
1699	2020713254	Nguyễn Thị Kim	Oanh	02/06/1996	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK	
1700	2020713962	Đinh Thị Hoàng	Oanh	08/03/1996	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1701	2020714392	Hồ Thị Kiều	Oanh	07/10/1996	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K	
1702	2020715724	Đinh Thị Hoàng	Oanh	08/03/1996	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1703	2020723517	Nguyễn Kiều Bảo	Oanh	15/11/1995	K20DLK	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1704	2021613743	Nguyễn Lâm	Phong	08/08/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.9	TBK	
1705	2021714236	Dương Đình	Phong	19/07/1996	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1706	2020714107	Nguyễn Quang	Phước	02/10/1996	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1707	2020715926	Lê Thị Hoài	Phương	13/08/1995	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1708	2020716280	Trần Thị Lan	Phương	04/01/1996	K20DLK	7.0	6.0	6.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
1709	2020717467	Phạm Thị	Quà	13/03/1996	K20DLK	7.0	8.0	8.0	7.7	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.4	K	
1710	2021714282	Hồ Ngọc	Quân	03/07/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.0	K	
1711	2021715907	Nguyễn Hữu Minh	Quân	13/08/1995	K20DLK	7.0	7.0	5.0	6.0	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
1712	2021713740	Hồ Thanh	Quốc	30/01/1996	K20DLK	7.0	8.0	8.0	7.7	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.1	K	
1713	2021714912	Phạm Văn	Quốc	22/07/1995	K20DLK	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1714	2021714269	Đặng Đức	Quý	09/04/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	

1715	2020716058	Nguyễn Ngọc Hồng	Quyên	12/10/1996	K20DLK	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1716	2020714181	Lê Thị Như	Quyên	21/09/1996	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1717	2020716048	Võ Thị Như	Quyên	17/01/1996	K20DLK	7.0	8.0	5.0	6.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
1718	2020717330	Phan Lê Thúy	Quyên	28/03/1995	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
1719	2021716335	Nguyễn Thị Như	Quyên	15/12/1996	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1720	2021713899	Nguyễn Minh	Sâm	08/11/1996	K20DLK	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.0	K	
1721	2021713850	Nguyễn Thái	Son	15/06/1996	K20DLK	7.0	6.0	5.0	5.8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	6.6	TBK	
1722	2020716007	Lê Đình Thảo	Suong	31/10/1996	K20DLK	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.7	TBK	
1723	2021713779	Lữ Lê Tấn	Tài	20/03/1995	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1724	2021714321	Huỳnh Đình	Tài	21/01/1995	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1725	2021714530	Bùi Đức	Tài	16/07/1995	K20DLK	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1726	2021345388	Phan Văn	Tại	13/04/1996	K20DLK	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
1727	1921718970	Khúc Thừa	Tâm	28/8/1994	K20DLK	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1728	2010237347	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	30/05/1995	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1729	2020324485	Lê Thị Thanh	Tâm	17/05/1996	K20DLK	7.0	8.0	5.0	6.2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1730	2020715723	Phạm Thị Thanh	Tâm	05/08/1996	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1731	2020716008	Bùi Thanh	Tâm	08/03/1996	K20DLK	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1732	2020716083	Ngô Thị Thanh	Tâm	01/08/1996	K20DLK	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K	
1733	2020716685	Hoàng Thị	Tâm	19/03/1996	K20DLK	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1734	2020710814	Trương Thị Thanh	Thắm	25/02/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1735	2020714523	Trần Thị Ngọc	Thanh	13/01/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1736	2020712772	Lê Tiến	Thành	08/04/1995	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.9	TBK	
1737	2021724907	Đặng Văn	Thành	01/02/1995	K20DLK	7.0	6.0	8.0	7.3	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.7	TBK	
1738	2021713772	Nguyễn Văn	Thạnh	11/04/1996	K20DLK	7.0	7.0	5.0	6.0	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
1739	2020324159	Nguyễn Lý Thu	Thảo	01/01/1996	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1740	2020714834	Đặng Thị Nhật	Thảo	11/01/1996	K20DLK	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
1741	2020715626	La Thị Xuân	Thảo	27/10/1995	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1742	2020715695	Lê Thị Ngọc	Thảo	13/04/1995	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1743	2020716763	Nguyễn Doãn Như	Thảo	25/10/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1744	2020717595	Đặng Thị Thanh	Thảo	06/01/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1745	2020726827	Doãn Hoàng Phương	Thảo	27/07/1996	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K	
1746	2020345409	Võ Thị Thảo	Thiện	02/09/1996	K20DLK	7.0	7.0	5.0	6.0	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
1747	2020714761	Nguyễn Công	Thịnh	04/11/1996	K20DLK	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1748	2021716817	Phan Xuân	Thịnh	03/07/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1749	2020256902	Lê Thị Kim	Thoa	10/12/1996	K20DLK	7.0	6.0	5.0	5.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.6	TBK	
1750	2021714124	Nguyễn Ngọc	Thông	27/03/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1751	2020713823	Nguyễn Ánh Đan	Thư	21/07/1996	K20DLK	7.0	8.0	5.0	6.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
1752	2020716573	Nguyễn Thị Anh	Thư	14/10/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1753	2020713721	Nguyễn Phan Hoài	Thương	13/05/1996	K20DLK	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1754	2021714745	Nguyễn Công	Thương	03/09/1996	K20DLK	7.0	8.0	5.0	6.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
1755	2020710886	Đậu Thị	Thúy	14/09/1996	K20DLK	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	8.0	7.8	7.1	K	
1756	2020714287	Trần Ngọc	Thúy	08/03/1996	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1757	2020346979	Nguyễn Thị Thu	Thúy	15/08/1996	K20DLK	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K	
1758	2020712940	Phùng Thị	Thúy	18/11/1996	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1759	2020717205	Lê Thị Hương	Thúy	10/10/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1760	2021715635	Nguyễn Vinh	Thúy	30/04/1995	K20DLK	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1761	2020714324	Lê Ngọc Hoàng	Tiên	10/12/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1762	2021716519	Trần Việt	Tiên	08/02/1996	K20DLK	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1763	2020224678	Lê Thị Thanh	Tình	28/07/1996	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1764	2020713110	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	28/12/1996	K20DLK	7.0	8.0	5.0	6.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
1765	2020713786	Nguyễn Cửu Ngọc	Trâm	26/12/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	8.0	7.8	7.1	K	
1766	2020716702	Trần Thị Thiên	Trâm	05/09/1996	K20DLK	7.0	8.0	8.0	7.7	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K	
1767	2020717326	Trần Dương Thùy	Trâm	25/10/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1768	2020726304	Huỳnh Thị Ngọc	Trâm	23/04/1996	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1769	2020335218	Nguyễn Thị Thùy	Trang	26/09/1995	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K	
1770	2020345408	Phan Nữ Thùy	Trang	22/01/1995	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1771	2020713577	Nguyễn Thị Thùy	Trang	16/01/1995	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1772	2021717854	Nguyễn Tấn	Triết	29/07/1992	K20DLK	7.0	8.0	8.0	7.7	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	7.6	K	
1773	2020710724	Phan Thị Phương	Trình	18/11/1996	K20DLK	7.0	7.0	5.0	6.0	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
1774	2020714924	Trần Thị	Trình	20/03/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	

1775	2020716427	Trương Lưu Tuyết	Trình	03/07/1996	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1776	2020716823	Nguyễn Thị Thùy	Trình	27/10/1995	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K	
1777	2020717325	Hoàng Mỹ Cát	Trình	03/09/1995	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1778	2020718240	Trần Thùy	Trình	21/07/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K	
1779	2021613603	Đỗ Văn	Trường	25/12/1996	K20DLK	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	6.8	TBK	
1780	2020716674	Trần Thị Thanh	Tú	29/06/1996	K20DLK	7.0	6.0	5.0	5.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	6.8	TBK	
1781	2021327083	Lê Văn	Tú	03/08/1995	K20DLK	7.0	7.0	5.0	6.0	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	7.0	7.1	6.6	TBK	
1782	1911717291	Dư Viễn	Tường	26/07/1995	K20DLK	7.0	6.0	5.0	5.8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	6.6	TBK	
1783	2020714299	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	25/09/1996	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1784	2020718223	Phạm Thị Ngọc	Tuyết	01/01/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1785	2020714183	Nguyễn Hoàng Minh	Uyên	31/03/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K	
1786	2020714593	Nguyễn Hạnh	Uyên	18/03/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1787	2020716112	Lê Thị Bảo	Uyên	08/12/1996	K20DLK	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1788	2020717376	Nguyễn Thành Mẫn	Uyên	24/03/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1789	2020324235	Đào Thị Hồng	Vân	24/05/1996	K20DLK	7.0	8.0	5.0	6.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
1790	2020324266	Huỳnh Bá Tường	Vi	08/02/1995	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1791	2020714171	Đỗ Thị Thúy	Vi	24/01/1996	K20DLK	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1792	2020715614	Trần Mai Thúy	Vi	02/07/1996	K20DLK	7.0	8.0	5.0	6.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	6.9	TBK	
1793	2021123769	Trần Nguyên	Việt	16/01/1996	K20DLK	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.7	TBK	
1794	2021713480	Nguyễn Hồng	Vinh	25/06/1996	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1795	2021714666	Nguyễn Văn	Vinh	11/02/1995	K20DLK	7.0	8.0	5.0	6.2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	6.9	TBK	
1796	2021154610	Trần Quang	Vũ	22/03/1996	K20DLK	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	6.0	6.0	6.6						KĐĐK	
1797	2021714984	Nguyễn Văn Huy	Vũ	19/04/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.4	K	
1798	2020710707	Ngô Tường	Vy	05/04/1996	K20DLK	7.0	8.0	5.0	6.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
1799	2020714894	Lý Thảo	Vy	11/10/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1800	2020715889	Trần Thị Hà	Vy	03/08/1996	K20DLK	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1801	2020716077	Nguyễn Đan	Vy	29/10/1996	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1802	2021314766	Hoàng Thị Tường	Vy	01/01/1995	K20DLK	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.9	TBK	
1803	2020717359	Dương Thị Như	Ý	13/09/1996	K20DLK	7.0	8.0	5.0	6.2	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
1804	2020716859	Đào Thị Hải	Yến	21/08/1995	K20DLK	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1805	2020716864	Nguyễn Thị Kim	Yến	28/08/1996	K20DLK	7.0	7.0	5.0	6.0	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
1806	2020717994	Nguyễn Thị Hải	Yến	25/05/1996	K20DLK	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1807	2021127783	Huỳnh Hồng	Ân	01/01/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	K	
1808	2020123838	Phan Châu	Anh	18/10/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1809	2021123829	Nguyễn Quốc	Anh	02/01/1996	K20TPM	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1810	2021125865	Nguyễn Văn	Ánh	23/09/1996	K20TPM	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	6.0	6.6	6.5	TBK	
1811	2021120926	Lê Trần Anh	Bảo	04/12/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K	
1812	2021127058	Hồ Thăng	Bảo	05/01/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.4	K	
1813	2021120640	Hồ Trung	Can	25/10/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	6.0	7.0	7.4	K	
1814	2020113171	Trần Văn	Công	15/10/1996	K20TPM	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	K	
1815	2020114042	Mai Thị Kim	Cúc	23/06/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	6.9	TBK	
1816	2021124620	Phạm Vũ Hùng	Cường	16/11/1996	K20TPM	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	7.0	6.9	6.7	TBK	
1817	2021126154	Nguyễn Mạnh	Cường	27/01/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	K	
1818	2021214586	Nguyễn Hải	Cường	02/08/1996	K20TPM	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	6.0	7.0	6.9	TBK	
1819	2021124486	Võ Thành	Đạt	22/06/1994	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK	
1820	2021125069	Phùng Nguyễn Thành	Đạt	17/03/1996	K20TPM	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	7.1	K	
1821	2021127278	Trần Đức	Đạt	08/05/1995	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K	
1822	2021127364	Nguyễn Quốc	Đạt	03/11/1995	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K	
1823	2020126467	Võ Thị Hoài	Diễm	02/01/1995	K20TPM	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.3	K	
1824	2021124320	Trương Công	Diễn	10/02/1995	K20TPM	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	6.0	7.0	7.4	K	
1825	2021256456	Phạm Duy	Doanh	17/11/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1826	2020114674	Ngô Nhựt	Đông	24/02/1996	K20TPM	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1827	2021123751	Nguyễn Quang	Đức	01/03/1995	K20TPM	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K	
1828	2021124577	Hoàng	Đức	19/09/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1829	2021125795	Nguyễn Hữu	Đức	22/12/1996	K20TPM	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
1830	2021125999	Đỗ Phú	Đức	18/03/1996	K20TPM	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.1	K	
1831	2021126482	Nguyễn Quang	Đức	12/10/1995	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K	
1832	2021126561	Hoàng Minh	Đức	08/01/1995	K20TPM	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1833	2021164699	Bùi Tiến	Đức	10/03/1996	K20TPM	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	K	
1834	2021124347	Đình Việt	Dũng	06/07/1996	K20TPM	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	

1835	2021125586	Lê Anh	Dũng	18/11/1996	K20TPM	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	6.9	TBK	
1836	2021120828	Nguyễn Trung	Duy	18/11/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	K	
1837	2021124794	Mai Hoài	Duy	01/11/1996	K20TPM	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	7.0	7.5	7.5	K	
1838	2021637753	Nguyễn Đình	Duy	03/06/1996	K20TPM	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1839	2021123809	Nguyễn Hải	Hà	06/08/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1840	2021126338	Võ Văn	Hà	21/06/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K	
1841	2021128263	Hồ Đắc	Hải	15/12/1996	K20TPM	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	7.0	6.0	6.5	6.5	TBK	
1842	2021128378	Nguyễn Việt	Hải	18/02/1995	K20TPM	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	6.7	TBK	
1843	2021625089	Phạm Phú Hoàng	Hải	14/12/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.1	K	
1844	2021124102	Phan Tiến	Hạnh	18/03/1996	K20TPM	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
1845	2021127538	Trần Đình	Hiệp	11/02/1995	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	6.0	7.0	7.0	K	
1846	2021116381	Trần Văn	Hiếu	12/04/1994	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.1	K	
1847	2021124462	Lê Anh	Hiếu	22/10/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K	
1848	2021125958	Huỳnh Đức	Hiếu	10/12/1996	K20TPM	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	8.0	7.0	7.5	6.9	TBK	
1849	2021126241	Huỳnh Nhật	Hòa	17/04/1996	K20TPM	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1850	2021124953	Nguyễn Sang	Hoài	20/11/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K	
1851	2021116461	Trần Huy	Hoàng	10/11/1996	K20TPM	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K	
1852	2021127259	Trần Văn	Hoàng	20/03/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK	
1853	2021125110	Nguyễn Đình Vũ	Hùng	10/11/1996	K20TPM	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	6.0	7.0	7.0	K	
1854	2020124169	Phan Nhật	Hưng	05/08/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.1	K	
1855	2021126057	Nguyễn Dương	Hưng	23/12/1996	K20TPM	7.0	6.0	6.0	6.3										KĐĐK	
1856	2021128098	Lê Văn	Hưng	10/04/1996	K20TPM	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
1857	2021126727	Nguyễn Vũ	Hữu	06/08/1994	K20TPM	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	K	
1858	2021124899	Nguyễn Quang	Huy	19/04/1996	K20TPM	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
1859	2021125998	Huỳnh Văn	Huy	23/02/1996	K20TPM	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.9	TBK	
1860	2021126753	Đặng Phúc Gia	Huy	22/04/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	6.9	TBK	
1861	2020126181	Phan Thị Như	Huyền	10/07/1996	K20TPM	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.4	K	
1862	2021125021	Đoàn Nguyễn	Huyh	18/05/1995	K20TPM	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	6.7	TBK	
1863	2021126199	Nguyễn Tấn	Huyh	18/12/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.1	K	
1864	2021123824	Đình Trọng	Kha	21/12/1996	K20TPM	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.6	TBK	
1865	2021126571	Võ Quang	Khải	10/05/1995	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1866	2020124166	Nguyễn Duy	Khang	06/03/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K	
1867	2021124061	Nguyễn Như Văn	Khoa	30/09/1996	K20TPM	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	6.9	TBK	
1868	2021127911	Nguyễn Trọng	Khôi	21/12/1996	K20TPM	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.6	K	
1869	2020124407	Cao Thị Trung	Kiên	30/08/1994	K20TPM	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1870	2021127877	Đậu Trung	Kiên	22/06/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K	
1871	2021126430	Hà Tuấn	Kiệt	10/01/1996	K20TPM	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	8.0	6.0	7.0	7.0	K	
1872	2021164355	Võ Anh	Kiệt	03/03/1996	K20TPM	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K	
1873	2021121002	Nguyễn Hữu	Kông	30/03/1996	K20TPM	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	6.0	6.6	6.5	TBK	
1874	2021123518	Nguyễn Hồng	Lâm	23/06/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
1875	2021126060	Thái Đình	Lâm	09/05/1995	K20TPM	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.5	K	
1876	2020127778	Phan Thị	Lân	14/03/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K	
1877	2021124423	Huỳnh Văn	Lân	03/12/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.4	K	
1878	2020713163	Võ Văn	Linh	10/06/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	K	
1879	2021124890	Lê Trần Nhật	Linh	08/10/1996	K20TPM	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.8	K	
1880	2021126339	Dương Văn	Lộc	06/12/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK	
1881	2021125040	Ngô Công	Minh	04/08/1995	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	6.0	7.0	6.9	TBK	
1882	2021124025	Nguyễn Văn	Nam	02/10/1995	K20TPM	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.2	K	
1883	2021124731	Đào Văn	Nam	05/10/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1884	2021127091	Huỳnh Hải	Nam	15/07/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	6.0	7.0	7.2	K	
1885	2021118188	Trịnh Quốc	Nghĩa	07/05/1995	K20TPM	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.5	K	
1886	2021123673	Huỳnh Văn	Nghĩa	12/04/1996	K20TPM	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1887	2021127268	Trần Phú	Nghĩa	14/11/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K	
1888	2021128067	Trần Phú	Nguyễn	27/09/1996	K20TPM	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	6.7	TBK	
1889	2020126186	Lê Thị	Nguyễn	27/09/1996	K20TPM	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	K	
1890	2021125799	Lê Hữu	Nhân	01/07/1996	K20TPM	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1891	2021127562	Ca Trần Hoài	Nhân	01/01/1995	K20TPM	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
1892	2021127832	Tôn Thất Vĩnh	Nhật	25/10/1995	K20TPM	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	6.0	7.0	6.9	TBK	
1893	2020127780	Phan Thị	Nhi	27/11/1995	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.5	K	
1894	2021125938	Phan Phước	Như	29/09/1996	K20TPM	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	

1895	2021126868	Bùi Minh	Nhật	29/03/1996	K20TPM	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
1896	2021127350	Hoàng	Phận	01/06/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K	
1897	2020112970	Lưu Quốc	Phong	15/10/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K	
1898	2020113177	Lê Hoàng	Phong	12/05/1996	K20TPM	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1899	2021120545	Đỗ Hoàng	Phong	10/03/1996	K20TPM					7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	6.0	6.5		KDDK	
1900	2021127280	Lê Tiểu	Phú	18/10/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K	
1901	2021123329	Trương Hồng	Phúc	24/12/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	K	
1902	2021123881	Phạm Trọng	Phúc	25/11/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1903	2021125048	Trần Quang	Phúc	27/04/1996	K20TPM	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K	
1904	2021125941	Nguyễn Vũ Nam	Phúc	13/05/1996	K20TPM	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1905	2021127470	Trần Thọ	Phúc	08/02/1996	K20TPM	8.0	7.0	6.0	6.8					8.0	7.0	7.0	7.3		KDDK	
1906	2021125702	Ngô Thanh	Phụng	28/01/1995	K20TPM	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.5	K	
1907	2020124137	Bùi Duy	Phương	20/11/1995	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K	
1908	2021125603	Võ Hoàng	Phương	06/06/1996	K20TPM	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.5	K	
1909	2020112968	Lê Thanh	Quang	17/09/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK	
1910	2021123868	Võ Nhật	Quang	21/01/1996	K20TPM	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	6.0	7.0	7.2	K	
1911	2021125599	Nguyễn Tấn	Quang	06/12/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK	
1912	2020124201	Huỳnh Vũ	Quốc	04/02/1996	K20TPM	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.1	K	
1913	2021123403	Ngô Châu	Quốc	03/06/1996	K20TPM	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.6	TBK	
1914	2021124455	Mai Phước	Quốc	02/01/1996	K20TPM	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.2	K	
1915	2021125797	Nguyễn Việt	Quốc	30/12/1994	K20TPM	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK	
1916	2020124140	Đoàn Hữu	Quý	03/11/1995	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K	
1917	2021434279	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	27/10/1996	K20TPM	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.0	7.8						KDDK	
1918	2020124106	Lê Ngọc	Son	06/09/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1919	2021126179	Nguyễn Ngọc	Son	04/07/1996	K20TPM	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	6.0	6.6	6.9	TBK	
1920	2021127365	Lê Ngọc	Son	07/05/1995	K20TPM	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1921	2021127192	Nguyễn Hữu	Tài	25/10/1995	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.3	K	
1922	2021126540	Dương Ngọc	Tâm	30/09/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K	
1923	2021116749	Huỳnh	Tấn	18/11/1996	K20TPM	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	7.0	6.9	7.0	K	
1924	2021128488	Nguyễn Tiến	Thái	16/02/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.4	K	
1925	2020124767	Phan Minh	Thắng	06/10/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	8.0	7.0	7.5	7.1	K	
1926	2021123907	Nguyễn Xuân	Thắng	11/11/1995	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	5.0	7.0	6.9	6.7	TBK	
1927	2021124200	Nguyễn Thanh	Thắng	16/05/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1928	1921123208	Huỳnh Văn	Thành	28/5/1995	K20TPM	7.0	6.0	8.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.3	K	
1929	2020124153	Huỳnh Đức Công	Thành	08/10/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.5	K	
1930	2020125754	Nguyễn Phan Xuân	Thành	17/01/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.4	K	
1931	2021114717	Thân Trọng	Thành	25/08/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K	
1932	2021123492	Từ Thanh	Thành	15/11/1996	K20TPM	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	K	
1933	2021123504	Nguyễn Hữu	Thành	01/01/1992	K20TPM	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	5.0	7.0	6.9	7.5	K	
1934	2020124402	Võ Thị Thanh	Thảo	18/06/1996	K20TPM	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK	
1935	2021114680	Nguyễn Văn	Thiện	11/11/1996	K20TPM	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K	
1936	2021126349	Vinh	Thịnh	14/11/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	7.1	K	
1937	2021126691	Nguyễn Ngọc	Thịnh	22/01/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	K	
1938	2021114226	Nguyễn Ngọc	Thọ	06/02/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	6.0	6.4	6.8	TBK	
1939	2021125887	Đỗ Thiên	Thư	29/10/1995	K20TPM	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.4	K	
1940	2021125689	Bùi Duy	Thuyết	14/11/1996	K20TPM	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.5	K	
1941	2021126108	Trương Quang	Tiên	14/03/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	6.0	7.0	7.2	K	
1942	2020127703	Nguyễn Thị	Tiên	10/10/1996	K20TPM	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	7.0	6.9	6.8	TBK	
1943	2021123606	Phan Trường	Tín	02/01/1995	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1944	2021123654	Ung Trần Trung	Tín	12/10/1995	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	6.0	6.6	7.0	K	
1945	2021124790	Nguyễn Thanh	Tịnh	26/06/1996	K20TPM	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1946	2021617763	Phan Song	Toàn	01/12/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.4	K	
1947	2020124139	Nông Nhật Minh	Trí	12/09/1995	K20TPM	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	6.0	6.6	6.8	TBK	
1948	2021124275	Nguyễn Thế	Trí	09/12/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1949	2021114131	Ngô Văn	Trình	19/11/1996	K20TPM	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.4	K	
1950	2021125928	Bùi Thế	Trình	29/11/1995	K20TPM	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K	
1951	2021125793	Ngô Tấn	Trung	15/02/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK	
1952	2021125856	Châu Quốc	Trung	18/10/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.5	K	
1953	2021127918	Lê Đức	Trung	27/07/1995	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1954	2021128322	Huỳnh Bùi	Trung	02/10/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K	

1955	1921123250	Hà Ngọc	Trường	05/10/1995	K20TPM	7.0	7.0	8.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	K	
1956	2021126773	Phan Văn Thanh	Tú	24/12/1995	K20TPM	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.0	K	
1957	2021114675	Nguyễn Văn	Tư	28/11/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK	
1958	2021124900	Đặng Quang	Tuấn	01/11/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	6.0	7.0	7.2	K	
1959	2021128208	Võ Anh	Tuấn	10/02/1995	K20TPM	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	7.0	6.9	7.0	K	
1960	2021128359	Nguyễn Thành	Tuấn	02/10/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	6.0	7.0	7.2	K	
1961	2021433409	Nguyễn Anh	Tuấn	12/01/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	6.0	7.0	7.0	K	
1962	2021125053	Thái Thanh	Tùng	15/02/1995	K20TPM	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K	
1963	2021124752	Nguyễn Công Vinh	Tường	28/10/1996	K20TPM	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK	
1964	2021124276	Nguyễn Tấn Minh	Tuyền	20/04/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
1965	2021126197	Nguyễn Đình Anh	Văn	01/04/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1966	2020215036	Phạm Thị Hà	Vi	13/06/1995	K20TPM	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K	
1967	1921123194	Đặng	Việt	04/01/1995	K20TPM	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1968	2021125625	Trịnh Quang	Việt	28/07/1996	K20TPM	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
1969	2021126200	Thái Việt	Việt	25/02/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	6.0	7.0	7.0	K	
1970	2021128224	Đặng Quốc	Việt	10/10/1993	K20TPM	7.0	6.0	5.0	5.8										KDDK	
1971	2020112981	Phạm Hoàng	Vinh	26/11/1994	K20TPM	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.3	K	
1972	2021123516	Nguyễn Hữu	Vinh	22/02/1995	K20TPM	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1973	2021120845	Nguyễn Anh	Vũ	30/01/1994	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.1	K	
1974	2021127060	Nguyễn Văn	Vũ	17/02/1996	K20TPM	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	K	
1975	2021125063	Đào Văn	Vương	25/11/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK	
1976	2021123675	Hồ Thăng	Vỹ	01/08/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1977	2021127906	Lê Thế	Vỹ	17/03/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	6.0	7.0	6.9	TBK	
1978	2021124404	Nguyễn Thanh	Yên	25/03/1996	K20TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.5	K	
1979	2021164284	Nguyễn Trần Quốc	Anh	01/01/1996	K20EVT	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	8.0	7.8	7.1	K	
1980	2021163463	Nguyễn Phi	Cường	01/05/1996	K20EVT	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.5	K	
1981	2021167402	Mai Đỗ Chí	Cường	05/09/1996	K20EVT	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
1982	1921644956	Trương Mạnh	Hà	19/2/1995	K20EVT	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	7.0	6.9	7.1	K	
1983	2021167790	Nguyễn Quốc	Hải	14/12/1996	K20EVT	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
1984	2021350505	Lê Trung	Kiên	30/03/1996	K20EVT	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	7.0	7.1	6.8	TBK	
1985	2021161023	Võ Nguyên	Lai	01/11/1995	K20EVT	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
1986	2021165821	Đặng Văn	Lập	10/04/1996	K20EVT	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	6.9	TBK	
1987	2021170570	Huỳnh Ngọc	Long	07/09/1995	K20EVT	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	6.9	TBK	
1988	2021164030	Huỳnh Ngọc	Nam	19/08/1996	K20EVT	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
1989	2021165738	Võ Đăng	Nghĩa	24/04/1996	K20EVT	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.4	K	
1990	2021177952	Đinh Văn	Nghĩa	16/03/1996	K20EVT	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
1991	2020437134	Nguyễn Hoàng	Nguyên	10/10/1996	K20EVT	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	7.0	6.9	6.5	TBK	
1992	2021163462	Nguyễn Duy	Quang	14/06/1996	K20EVT	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	6.9	TBK	
1993	2021168262	Nguyễn Ngọc	Sang	08/10/1996	K20EVT	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	8.0	7.0	7.5	6.7	TBK	
1994	2021163905	Võ Việt	Sinh	05/09/1996	K20EVT	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	5.0	7.0	6.9	6.5	TBK	
1995	2021164716	Nguyễn Thanh	Son	06/03/1996	K20EVT	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.1	K	
1996	2021166485	Nguyễn Thọ	Thảo	06/03/1996	K20EVT	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	6.7	TBK	
1997	2021164493	Huỳnh Ngọc	Thịnh	14/04/1996	K20EVT	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	7.0	7.1	6.4	TBK	
1998	2020164499	Trần Minh Đan	Thư	25/03/1996	K20EVT	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.6	K	
1999	2021164128	Huỳnh Kim	Thuận	09/03/1996	K20EVT	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	5.0	7.0	6.9	6.7	TBK	
2000	2021166202	Trương Minh	Thuận	24/11/1996	K20EVT	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K	
2001	1921146870	Nguyễn Duy	Trường	17/5/1993	K20EVT	7.0	6.0	8.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	7.0	6.9	7.0	K	
2002	2021166038	Nguyễn Văn	Tuấn	22/01/1996	K20EVT	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	6.7	TBK	
2003	2021646538	Ngô Hoàng	Vũ	01/02/1996	K20EVT	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	7.0	6.9	6.8	TBK	
2004	2021143695	Nguyễn Thành	Dư	26/04/1992	K20TTT	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	7.0	6.9	6.6	TBK	
2005	1920113121	Nguyễn Hoàng Ngọc	Duyên	01/01/1995	K20TTT	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	8.0	7.0	7.2	7.3	K	
2006	2021113728	Trần Việt	Huy	28/02/1996	K20TTT	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
2007	2021223706	Nguyễn Diên	Khoa	30/07/1995	K20TTT	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	7.0	6.9	6.6	TBK	
2008	2021226612	Đoàn Ngọc Hoàng	Mẫn	20/10/1996	K20TTT	5.0	7.0	5.0	5.4	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	5.0	7.0	6.9	6.3	TBK	
2009	2021147727	Nguyễn Hồ	Nhật	31/10/1996	K20TTT	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.0	K	
2010	1911119966	Nguyễn Văn	Phúc	23/1/1994	K20TTT	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	6.0	6.6	7.3	K	
2011	2020144177	Nguyễn Đình	Phước	08/08/1996	K20TTT	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	6.0	6.4	6.7	TBK	
2012	2021147846	Lê Đại	Tài	23/05/1996	K20TTT	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	6.8	TBK	
2013	2020147343	Lê Thị Nhật	Tân	09/06/1996	K20TTT	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	7.1	K	
2014	2021147128	Nguyễn Hiền	Tân	22/05/1995	K20TTT	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	6.8	TBK	

2015	2020147509	Lã Hữu	Thắng	06/10/1996	K20TTT	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
2016	2020144658	Nguyễn Diệu	Thảo	01/01/1996	K20TTT	9.0	7.0	5.0	6.6	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	6.9	TBK
2017	2021147451	Huỳnh Văn	Toàn	14/08/1996	K20TTT	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK
2018	2020224570	Trần Thị Minh	Trang	07/10/1996	K20TTT	9.0	6.0	5.0	6.4	9.0	7.0	5.0	6.6	8.0	6.0	8.0	7.6	6.9	TBK
2019	2020125997	Trần Thị Kim	Tuyền	16/12/1996	K20TTT	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	7.0	6.9	6.7	TBK
2020	2021143674	Doãn Quốc	Việt	19/03/1995	K20TTT	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K
2021	2020212969	Nguyễn Ngọc	Vũ	15/07/1996	K20TTT	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	6.0	6.4	6.8	TBK
2022	2021144865	Lê Phước	Vũ	26/09/1996	K20TTT	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	7.0	6.9	6.8	TBK
2023	2020255709	Trương Thị Tú	Anh	04/09/1996	K20KKT	8.0	7.0	7.0	7.3	9.0	7.0	5.0	6.6	8.0	8.0	7.0	7.5	7.1	K
2024	2021257623	Phạm Tuấn	Anh	03/07/1995	K20KKT									6.0	6.0	7.0	6.5		KĐĐK
2025	2020253575	Huỳnh Thị	Ánh	28/10/1995	K20KKT	8.0	7.0	6.0	6.8	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	8.0	7.0	7.5	7.1	K
2026	2020256772	Vân Thị Ngọc	Ánh	19/05/1996	K20KKT	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
2027	2020257341	Ngô Thị Ngọc	Ánh	06/02/1995	K20KKT	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
2028	2020513149	Trương Thế	Bảo	29/09/1996	K20KKT	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	8.0	7.6	6.9	TBK
2029	2021254135	Dương Quang	Châu	28/06/1996	K20KKT	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.6	TBK
2030	2020253111	Tô Thị Lệ	Chi	05/01/1996	K20KKT	8.0	7.0	7.0	7.3	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K
2031	2020257520	Nguyễn Thị Mỹ	Chung	24/09/1995	K20KKT	8.0	8.0	5.0	6.5	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	6.9	TBK
2032	2020257104	Võ Thị	Điểm	01/10/1996	K20KKT	8.0	7.0	6.0	6.8	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	8.0	7.0	7.5	7.1	K
2033	2021255972	Vũ Nguyễn Trọng	Đông	01/12/1996	K20KKT	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK
2034	2020253599	Nguyễn Thị Cẩm	Dung	10/05/1996	K20KKT	7.0	6.0	5.0	5.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	6.4	TBK
2035	2020254501	Vân Thị Thùy	Dung	22/10/1994	K20KKT	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK
2036	2020256175	Đoàn Thị Thùy	Dung	25/09/1996	K20KKT	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
2037	2020257179	Hồ Thị Kim	Duyên	20/09/1996	K20KKT	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	6.7	TBK
2038	2020260913	Nguyễn Đăng Mỹ	Duyên	02/10/1996	K20KKT	8.0	8.0	6.0	7.0	9.0	7.0	7.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K
2039	2020255674	Đặng Thị Thu	Giang	19/11/1995	K20KKT	8.0	7.0	5.0	6.3	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	6.8	TBK
2040	2020264602	Lê Thị Khánh	Hà	11/11/1995	K20KKT	8.0	8.0	6.0	7.0	9.0	7.0	5.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
2041	2021253828	Lưu Phong	Hải	08/10/1994	K20KKT	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K
2042	2020253624	Võ Thị Ngọc	Hân	10/04/1996	K20KKT	8.0	7.0	5.0	6.3	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK
2043	2020255753	Thân Thị Ngọc	Hân	08/02/1996	K20KKT	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	6.9	TBK
2044	2020253903	Trần Thị Thúy	Hằng	15/07/1996	K20KKT	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK
2045	2020255806	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	20/12/1996	K20KKT	8.0	7.0	5.0	6.3	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K
2046	2020637794	Huỳnh Thị	Hằng	02/04/1996	K20KKT	8.0	8.0	5.0	6.5	9.0	6.0	6.0	6.9	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K
2047	2020253564	Lê Thị Hoàng	Hạnh	10/09/1996	K20KKT	8.0	7.0	6.0	6.8	9.0	5.0	6.0	6.7	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK
2048	2020250720	Nguyễn Thị	Hiền	22/10/1996	K20KKT	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
2049	2020250768	Ngô Thị Thu	Hiền	22/05/1996	K20KKT	8.0	6.0	6.0	6.6	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK
2050	2020254394	Hồ Diệu	Hiền	17/10/1996	K20KKT	8.0	7.0	6.0	6.8	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	8.0	7.0	7.5	7.1	K
2051	2020255697	Phan Thị Diệu	Hiền	16/07/1996	K20KKT	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K
2052	2020267434	Trịnh Thị	Hòa	29/01/1996	K20KKT	8.0	8.0	5.0	6.5	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK
2053	2020253861	Lê Thị Thanh	Hoài	27/12/1995	K20KKT	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK
2054	2021257698	Nguyễn Thành	Hoàng	13/11/1995	K20KKT	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	8.0	7.6	7.1	K
2055	2020250638	Trần Thị Thu	Hồng	03/06/1995	K20KKT	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	6.0	7.0	6.9	TBK
2056	2020257968	Trần Thị Thúy	Hồng	18/09/1995	K20KKT	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K
2057	2020253625	Phạm Mai	Hương	28/12/1996	K20KKT	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	6.7	TBK
2058	2020257972	Trần Thị Lan	Hương	07/06/1996	K20KKT	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K
2059	2020253448	Đào Khánh	Huyền	28/10/1995	K20KKT	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K
2060	2020253500	Phạm Thị	Huyền	31/01/1996	K20KKT	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K
2061	2020258128	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	22/02/1996	K20KKT	8.0	8.0	6.0	7.0	9.0	7.0	7.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K
2062	2021257582	Nguyễn Trần Quốc	Khánh	02/09/1996	K20KKT	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K
2063	2021254537	Trần Việt	Khoa	02/06/1996	K20KKT	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
2064	2020254748	Nguyễn Thị Trúc	Khuyên	09/11/1996	K20KKT	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK
2065	2020250568	Nguyễn Thị	Liên	16/11/1995	K20KKT	8.0	7.0	6.0	6.8	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K
2066	2020258111	Nguyễn Thị	Liễu	10/04/1995	K20KKT	8.0	8.0	6.0	7.0	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K
2067	2020250509	Lê Thị Hoài	Linh	14/03/1996	K20KKT	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
2068	2020256105	Trần Thị Mỹ	Linh	16/06/1996	K20KKT	8.0	7.0	6.0	6.8	9.0	7.0	7.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K
2069	2020256875	Tạ Thị Ngọc	Linh	02/11/1996	K20KKT	8.0	8.0	6.0	7.0	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K
2070	2020264700	Hoàng Thị Mỹ	Linh	27/02/1996	K20KKT	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K
2071	2020255743	Phan Thị Kim	Loan	19/03/1996	K20KKT	8.0	7.0	5.0	6.3	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K
2072	2020256102	Bạch Thị Hồng	Loan	22/01/1995	K20KKT	7.0	7.0	7.0	7.0	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K
2073	2020267627	Bùi Thị Kim	Loan	27/10/1996	K20KKT	8.0	7.0	6.0	6.8	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K
2074	2021250924	Trương Đình	Long	19/05/1996	K20KKT	8.0	7.0	7.0	7.3	6.0	5.0	6.0	5.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK

2075	2020256372	Trương Thị	Ly	13/09/1995	K20KKT	8.0	6.0	5.0	6.1	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
2076	1920258481	Phạm Thị Ngọc	Mai	02/04/1995	K20KKT	8.0	7.0	5.0	6.3	9.0	5.0	6.0	6.7	8.0	6.0	7.0	7.1	6.7	TBK	
2077	2020255651	Nguyễn Thị	Mai	22/12/1995	K20KKT	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
2078	2020253837	Phạm Thị Ánh	Minh	19/05/1996	K20KKT	8.0	7.0	5.0	6.3	9.0	7.0	5.0	6.6	8.0	6.0	7.0	7.1	6.7	TBK	
2079	2020254526	Nguyễn Thị Trà	My	23/08/1996	K20KKT	8.0	6.0	5.0	6.1	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
2080	2020258161	Thái Thị Trúc	My	10/10/1996	K20KKT	8.0	6.0	5.0	6.1	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
2081	2020337760	Dương Hà	My	13/06/1996	K20KKT	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.1	K	
2082	2020258080	Trần Thị	Nam	11/09/1996	K20KKT	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K	
2083	2021254034	Phan Thanh	Nam	03/03/1996	K20KKT	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	6.6	TBK	
2084	2020255715	Nguyễn Thị Thúy	Nga	10/08/1996	K20KKT	7.0	7.0	5.0	6.0	9.0	7.0	7.0	7.6	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K	
2085	2021256327	Dương Thị	Ngân	10/12/1996	K20KKT	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.6	TBK	
2086	2020253945	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	05/12/1996	K20KKT	7.0	7.0	5.0	6.0	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	6.7	TBK	
2087	2020256919	Nguyễn Thị Bào	Ngọc	04/04/1996	K20KKT	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	6.7	TBK	
2088	2020714555	Nguyễn Thị Như	Nguyễn	16/07/1996	K20KKT	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.1	K	
2089	2020257209	Nguyễn Thị Ánh	Nguyễn	24/03/1996	K20KKT	8.0	7.0	5.0	6.3	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
2090	2020255968	Võ Thị Thanh	Nhàn	06/08/1995	K20KKT	8.0	7.0	5.0	6.3	9.0	5.0	7.0	7.2	8.0	6.0	7.0	7.1	6.9	TBK	
2091	2020250770	Dương Quỳnh	Nhung	14/05/1996	K20KKT	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.1	K	
2092	2020253629	Lê Trần Cẩm	Nhung	27/03/1996	K20KKT	8.0	7.0	5.0	6.3	9.0	5.0	6.0	6.7	8.0	6.0	6.0	6.6	6.5	TBK	
2093	2020254630	Lê Thị Hồng	Ny	17/01/1996	K20KKT	8.0	7.0	6.0	6.8	9.0	5.0	7.0	7.2	8.0	8.0	8.0	8.0	7.3	K	
2094	2020254267	Ngô Thị Hồng	Phước	22/10/1995	K20KKT	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
2095	2020216466	Hoàng Thị Mai	Phương	16/10/1996	K20KKT	8.0	7.0	5.0	6.3	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
2096	2020255072	Nguyễn Thị	Phương	09/10/1996	K20KKT	8.0	7.0	5.0	6.3	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	6.8	TBK	
2097	2020258001	Đoàn Ánh	Phương	24/08/1996	K20KKT	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	K	
2098	2020253546	Nguyễn Ngọc Như	Quyên	02/12/1996	K20KKT	7.0	7.0	5.0	6.0	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
2099	2020214157	Đinh Nguyễn Như	Quỳnh	08/06/1996	K20KKT	8.0	7.0	5.0	6.3	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	8.0	6.0	7.0	6.8	TBK	
2100	2020253997	Trần Thị Như	Quỳnh	03/12/1995	K20KKT	8.0	7.0	5.0	6.3	9.0	7.0	7.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
2101	2020257140	Trần Thị Như	Quỳnh	10/06/1996	K20KKT	8.0	7.0	6.0	6.8	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	6.0	6.0	6.6	6.8	TBK	
2102	2020254645	Nguyễn Thị Thu	Sương	29/04/1996	K20KKT	8.0	7.0	5.0	6.3	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K	
2103	2020256359	Hồ Thị Bảo	Sương	03/03/1996	K20KKT	8.0	6.0	5.0	6.1	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	8.0	6.0	7.0	6.7	TBK	
2104	2020257378	Huỳnh Thị Thanh	Tâm	03/11/1995	K20KKT	8.0	7.0	5.0	6.3	9.0	5.0	6.0	6.7	8.0	8.0	7.0	7.5	6.8	TBK	
2105	2021213680	Trần Hữu	Thắng	19/08/1996	K20KKT	8.0	7.0	5.0	6.3	6.0	5.0	5.0	5.3	8.0	8.0	7.0	7.5	6.4	TBK	
2106	2020250654	Phạm Trần Xuân	Thanh	14/01/1996	K20KKT	8.0	6.0	6.0	6.6	9.0	7.0	5.0	6.6	8.0	8.0	7.0	7.5	6.9	TBK	
2107	2020255967	Dương Thị Thanh	Thanh	10/11/1995	K20KKT	8.0	7.0	6.0	6.8	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
2108	2020256568	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	20/06/1996	K20KKT	8.0	8.0	6.0	7.0	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
2109	2020256833	Trần Thị	Thanh	25/08/1996	K20KKT	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.1	K	
2110	2020257586	Lương Thị Hoài	Thanh	19/03/1996	K20KKT	8.0	8.0	5.0	6.5	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	6.8	TBK	
2111	2021256787	Mai Công	Thành	02/06/1996	K20KKT	8.0	7.0	5.0	6.3	6.0	5.0	5.0	5.3	8.0	6.0	7.0	7.1	6.2	TBK	
2112	2021250938	Trịnh Việt	Thạnh	20/05/1996	K20KKT	8.0	7.0	5.0	6.3	6.0	5.0	6.0	5.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.5	TBK	
2113	2020254326	Lê Nguyễn Dạ	Thảo	29/11/1995	K20KKT	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
2114	2020254372	Võ Thị	Thảo	02/01/1996	K20KKT	8.0	7.0	5.0	6.3	9.0	7.0	5.0	6.6	8.0	6.0	7.0	7.1	6.7	TBK	
2115	2020256463	Nguyễn Thị Phương	Thảo	08/11/1996	K20KKT	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.5	K	
2116	2020267123	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	09/03/1996	K20KKT	8.0	8.0	5.0	6.5	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
2117	2020724373	Nguyễn Thị	Thảo	17/05/1996	K20KKT	8.0	8.0	5.0	6.5	9.0	7.0	5.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
2118	2021256322	Võ Thị Thu	Thảo	05/04/1996	K20KKT	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.4	K	
2119	2020255670	Trương Quỳnh	Thị	01/07/1996	K20KKT	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K	
2120	2021254909	Lê Huỳnh	Thịnh	02/10/1996	K20KKT	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K	
2121	2020254843	Lê Thị Anh	Thư	28/01/1996	K20KKT	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	6.7	TBK	
2122	2020258107	Nguyễn Thị Trang	Thư	24/10/1995	K20KKT	8.0	7.0	6.0	6.8	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
2123	2020314064	Nguyễn Thị Anh	Thư	20/09/1996	K20KKT	8.0	7.0	7.0	7.3	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K	
2124	2020516425	Nguyễn Thị Thu	Thuận	14/01/1996	K20KKT	8.0	8.0	6.0	7.0	9.0	7.0	7.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K	
2125	2020254097	Trương Thị	Thương	12/10/1996	K20KKT	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
2126	2020256790	Trương Thị Ngọc	Thương	19/06/1996	K20KKT	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
2127	2020256383	Trần Thị Lệ	Thúy	26/10/1996	K20KKT	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
2128	2021514709	Phan Phạm Thị Cẩm	Thùy	10/06/1996	K20KKT	8.0	7.0	6.0	6.8	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
2129	1920259085	Nguyễn Thị Thu	Thúy	27/12/1995	K20KKT	8.0	7.0	7.0	7.3	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	7.0	5.0	6.3	6.9	TBK	
2130	2021257260	Kiều Văn	Tiến	05/03/1995	K20KKT	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8						KDDK	
2131	2020253124	Hoàng Thị	Tinh	11/11/1992	K20KKT	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K	
2132	2021256786	Trần Đức	Toàn	17/06/1996	K20KKT	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	7.3	K	
2133	2020252826	Nguyễn Bào	Trâm	05/10/1996	K20KKT	8.0	7.0	7.0	7.3	9.0	7.0	5.0	6.6	8.0	6.0	6.0	6.6	6.8	TBK	
2134	2020257210	Nguyễn Ngọc Bào	Trâm	04/06/1994	K20KKT	8.0	7.0	5.0	6.3	9.0	7.0	5.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	

2135	2020255885	Huỳnh Thị Huyền	Trân	09/02/1996	K20KKT	8.0	7.0	6.0	6.8	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	8.0	7.0	7.5	7.1	K
2136	2020250516	Trần Thị Thu	Trang	28/05/1996	K20KKT	7.0	6.0	6.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK
2137	2020253800	Lê Thu	Trang	24/05/1996	K20KKT	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	8.0	7.0	7.5	6.8	TBK
2138	2020256285	Phạm Thị Thùy	Trang	23/04/1996	K20KKT	8.0	6.0	7.0	7.1	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K
2139	2020257450	Huỳnh Minh	Trang	06/02/1996	K20KKT	8.0	8.0	6.0	7.0	9.0	7.0	7.0	7.6	8.0	8.0	6.0	7.0	7.2	K
2140	2020265922	Hồ Thị Như	Trang	07/11/1996	K20KKT	8.0	8.0	7.0	7.5	9.0	7.0	5.0	6.6	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K
2141	2020267655	Lê Thị Phương	Trang	10/03/1996	K20KKT	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	6.0	6.6	6.7	TBK
2142	2020254155	Trần Thùy	Trình	10/10/1996	K20KKT	8.0	7.0	8.0	7.8	9.0	7.0	5.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K
2143	2020254452	Phạm Thị Tú	Trình	06/01/1996	K20KKT	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK
2144	2020527367	Trần Thị Bích	Trình	14/12/1996	K20KKT	8.0	8.0	5.0	6.5	9.0	7.0	7.0	7.6	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K
2145	2021254129	Nguyễn Việt	Trình	04/06/1996	K20KKT	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
2146	2020254339	Nguyễn Phạm Thanh	Trúc	26/10/1996	K20KKT	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK
2147	2021250826	Nguyễn Phước	Trường	30/12/1996	K20KKT	8.0	7.0	5.0	6.3	6.0	5.0	6.0	5.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.5	TBK
2148	2021257059	Nguyễn Hữu Ngọc	Trường	31/12/1996	K20KKT	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	8.0	7.0	7.5	6.7	TBK
2149	1921252345	Phạm Anh	Tuấn	13/10/1995	K20KKT	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK
2150	2020267182	Vân Thị Ánh	Tuyết	12/01/1996	K20KKT	8.0	8.0	6.0	7.0	9.0	7.0	5.0	6.6	8.0	6.0	7.0	7.1	6.9	TBK
2151	2020254554	Trần Thị Mỹ	Uyên	10/04/1996	K20KKT	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
2152	2020258213	Lữ Thục	Uyên	25/04/1996	K20KKT	8.0	8.0	5.0	6.5	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK
2153	1920255453	Huỳnh Thị Xuân	Vân	29/05/1995	K20KKT	8.0	8.0	7.0	7.5	9.0	5.0	7.0	7.2	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K
2154	2021254323	Huỳnh Bá	Vinh	24/03/1996	K20KKT	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K
2155	2020253497	Võ Thị Ái	Vy	30/12/1996	K20KKT	8.0	7.0	5.0	6.3	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	8.0	6.0	7.0	6.8	TBK
2156	2020257198	Hồ Lê	Vy	26/12/1993	K20KKT	8.0	7.0	6.0	6.8	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K
2157	2020258288	Trần Thị	Xuyến	15/04/1996	K20KKT	8.0	8.0	5.0	6.5	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	6.9	TBK
2158	2021214920	Phan Văn Hồng	Ân	07/08/1992	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.4	K
2159	2020215085	Hoàng Phương	Anh	15/12/1996	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	7.0	7.0	7.0	7.2	K
2160	2020216488	Trịnh Văn Huỳnh	Anh	30/07/1996	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	7.1	K
2161	2020216630	Đỗ Thị Minh	Anh	28/02/1996	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	7.0	8.0	7.0	7.2	7.4	K
2162	2021217262	Đỗ Văn Tuấn	Anh	26/09/1996	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.2	K
2163	2020213116	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	08/10/1996	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
2164	2020213189	Tông Thị Ngọc	Ánh	09/02/1996	K20QTH	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	8.0	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	7.7	K
2165	2021213438	Trần Văn	Ánh	27/02/1995	K20QTH	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	7.0	5.0	6.0	8.0	6.0	7.0	7.1	6.5	TBK
2166	2021213783	Nguyễn Huỳnh Gia	Bào	28/10/1996	K20QTH	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.4	TBK
2167	2021216153	Nguyễn Anh	Bào	15/09/1996	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K
2168	2020214426	Dương Quỳnh	Châu	20/10/1996	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	6.9	TBK
2169	2020215931	Lê Thị Minh	Châu	13/07/1996	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	6.9	TBK
2170	2020714422	Nguyễn Lê Bảo	Châu	12/09/1996	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	8.0	7.0	7.5	7.3	K
2171	2021215629	Huỳnh Văn	Chiến	22/08/1996	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	7.3	K
2172	2020713347	Lương Thục	Chính	28/03/1995	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	8.0	7.0	7.5	7.1	K
2173	2021216027	Võ Thanh	Chung	29/10/1996	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K
2174	2021214879	Đoàn Phước	Cường	22/03/1996	K20QTH	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	6.9	TBK
2175	2021210548	Bùi Thành	Đạt	19/05/1995	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	7.0	8.0	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	7.4	K
2176	2020216190	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	30/08/1996	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	8.0	7.0	7.2	7.1	K
2177	2020217393	Nguyễn Thị Huyền	Diệu	16/10/1995	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	K
2178	2021214398	Hồ Trần Quang	Định	22/04/1996	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K
2179	2021218411	Phạm Thành	Đồng	10/10/1996	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	9.0	8.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.5	K
2180	2021214454	Lê Văn	Đức	04/08/1996	K20QTH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K
2181	2021216672	Trần Bá	Đức	22/12/1995	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K
2182	2021217728	Phạm Trung	Đũng	13/05/1996	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	7.1	K
2183	2021210823	Doãn Chí	Duy	12/04/1996	K20QTH	8.0	6.0	7.0	7.1	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	6.0	7.0	7.1	7.1	K
2184	2021217130	Nguyễn Hoàng	Duy	25/04/1996	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K
2185	2020216407	Nguyễn Thị	Giang	24/11/1996	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	K
2186	2020216535	Trịnh Thu	Giang	06/04/1995	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.4	K
2187	2020214411	Lý Ngân	Hà	27/06/1996	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	6.9	TBK
2188	2020215104	Tạ Thị Hoàng	Hài	25/03/1996	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	7.3	K
2189	2020216678	Võ Thị	Hài	15/11/1996	K20QTH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	8.0	8.0	7.3	K
2190	2021213313	Đoàn Phi	Hài	12/02/1995	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	8.0	7.0	7.5	7.1	K
2191	2020214915	Bùi Thị Thu	Hằng	20/08/1994	K20QTH	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.2	K
2192	2020216927	Đinh Thị Mỹ	Hạnh	05/06/1996	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	7.0	8.0	7.5	7.2	K
2193	2021216780	Trần Đức	Hào	08/02/1996	K20QTH	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.5	K
2194	2020216564	Phạm Thị Thanh	Hậu	29/06/1996	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K

2195	2020213368	Trần Thị Thanh	Hiền	15/10/1995	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	6.0	7.0	7.1	6.8	TBK	
2196	2020214165	Phan Công	Hiền	21/05/1996	K20QTH	8.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.0	8.0	7.5	8.0	7.0	6.0	6.8	7.4	K	
2197	2020214922	Trần Thị	Hiền	18/12/1995	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	8.0	7.0	7.2	6.9	TBK	
2198	2020218074	Tạ Ngọc	Hiền	01/04/1996	K20QTH	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K	
2199	2021627907	Nguyễn Văn	Hiền	10/07/1996	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.4	K	
2200	2021215822	Lê Đức Hoàng	Hiệp	02/08/1996	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	8.0	7.0	7.2	7.1	K	
2201	2020213121	Nguyễn Trung	Hiếu	25/08/1996	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	8.0	7.0	7.5	7.1	K	
2202	2021214466	Nguyễn Văn	Hiếu	09/08/1996	K20QTH	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
2203	2021213544	Nguyễn Đức	Hoàng	06/05/1995	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	7.0	8.0	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	7.3	K	
2204	2021214390	Ngô Tấn	Huân	31/10/1996	K20QTH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
2205	2020213952	Nguyễn Thị Ân	Huệ	26/03/1995	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	7.0	9.0	8.0	7.0	8.0	7.0	7.2	7.5	K	
2206	2021215608	Trần Kim	Hùng	01/03/1995	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.5	K	
2207	2021216079	Trần Đình	Hưng	09/05/1996	K20QTH	7.0	6.0	6.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	6.7	TBK	
2208	2020214130	Lê Thị Minh	Hương	09/01/1996	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	7.0	6.0	6.8	6.7	TBK	
2209	2020217772	Phan Xuân	Hương	06/11/1994	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	8.0	7.0	7.2	7.3	K	
2210	2026715568	Phan Thị Thu	Hường	20/12/1996	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K	
2211	2020213044	Trần Gia	Huy	27/07/1996	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
2212	2021217927	Dương Phú	Huy	17/04/1995	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
2213	161327514	Trần Cao Minh	Huyền	12/07/1992	K20QTH									7.0	7.0	7.0	7.0		KDDK	
2214	2020214548	Đặng Vũ Như	Huyền	08/01/1996	K20QTH	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	6.7	TBK	
2215	2021165097	Lê Trường	Khánh	01/01/1996	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	6.0	8.0	7.6	7.1	K	
2216	2021213982	Nguyễn Văn	Khánh	20/05/1995	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.1	K	
2217	2021210717	Nguyễn Thanh	Khoa	10/10/1996	K20QTH	8.0	6.0	5.0	6.1	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	6.0	6.0	6.6	6.4	TBK	
2218	2021214271	Trần Minh	Khôi	06/06/1994	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
2219	2021213679	Đặng Trung	Kiên	12/11/1996	K20QTH	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	6.9	TBK	
2220	2021218356	Đình Gia	Kiên	12/11/1995	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
2221	2020214225	Hồ Gia	Kỳ	15/01/1995	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.3	K	
2222	2020218214	Vô Thị	Lài	28/08/1996	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.5	K	
2223	2021214244	Châu Quang Hoàng	Lâm	19/09/1996	K20QTH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.3	K	
2224	2020214517	Nguyễn Hoàng	Lan	10/02/1996	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	7.0	7.0	7.0	7.2	K	
2225	2021217132	Đoàn Thị Thảo	Lan	20/08/1996	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	8.0	8.0	8.0	7.1	K	
2226	2020215741	Trần Thị Hồng	Lê	13/10/1996	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	K	
2227	2020216211	Trần Thị	Lê	30/09/1996	K20QTH	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K	
2228	2020218392	Phạm Thị Mỹ	Lệ	02/01/1996	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	7.3	K	
2229	161327228	Phạm Ngọc Phương	Linh	19/12/1991	K20QTH									8.0	6.0	7.0	7.1		KDDK	
2230	2020214972	Lê Thị Doãn	Loan	03/05/1996	K20QTH	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.5	K	
2231	2021213512	Huỳnh Bá	Long	11/04/1996	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	7.0	5.0	6.0	8.0	8.0	8.0	8.0	6.9	TBK	
2232	2021634609	Nguyễn Văn Hiền	Lương	26/03/1996	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	7.0	7.0	7.0	7.2	K	
2233	2020345466	Nguyễn Vũ Hương	Ly	17/11/1996	K20QTH	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	6.0	7.0	7.0	K	
2234	2020217096	Châu Thị Hòa	Mỹ	17/04/1995	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	8.0	7.0	7.2	7.1	K	
2235	2021217187	Đặng Hữu Nhật	Nam	23/10/1992	K20QTH	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
2236	2020213714	Nguyễn Hồ Thiên	Nga	25/05/1996	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	8.0	6.0	6.7	6.7	TBK	
2237	2020218338	Đỗ Thị	Ngân	26/07/1996	K20QTH	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	8.0	8.0	7.7	K	
2238	2020216293	Phạm Trung	Nghĩa	14/02/1996	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	8.0	7.0	7.2	7.3	K	
2239	2020217071	Mai Ánh	Ngọc	16/05/1996	K20QTH	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
2240	2020214726	Lê Trung	Nhân	12/11/1996	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K	
2241	2021210695	Phạm Nguyễn Đình	Nhân	14/08/1996	K20QTH	8.0	6.0	6.0	6.6	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.2	6.6	TBK	
2242	2021215734	Phạm Thành	Nhân	22/09/1996	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	7.5	K	
2243	2021210652	Trần Công	Nhật	04/09/1996	K20QTH	6.0	7.0	6.0	6.2	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.4	TBK	
2244	2020213964	Nguyễn Lâm Thùy	Nhung	10/11/1996	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	8.0	6.0	6.7	6.8	TBK	
2245	2020217929	Hồ Ngọc Quỳnh	Oanh	07/01/1995	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
2246	1911627699	Phan	Phú	24/08/1995	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	8.0	8.0	7.5	K	
2247	2021215812	Nguyễn Văn	Phúc	21/06/1994	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K	
2248	2021348061	Trần Đắc	Phúc	04/07/1995	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K	
2249	2020216892	Phan Thị Kim	Phụng	19/07/1996	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.4	K	
2250	2020213648	Trần Thị Nhật	Phương	12/11/1996	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	7.0	8.0	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	7.4	K	
2251	2020214567	Châu Nguyễn Mỹ	Phượng	08/12/1996	K20QTH	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	6.7	TBK	
2252	2020217575	Nguyễn Thị	Phượng	25/05/1996	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	7.0	7.0	7.0	7.2	K	
2253	2020213802	Hoàng Minh	Quan	10/06/1996	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	7.0	8.0	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	7.3	K	
2254	2021215768	Phan Minh	Quân	23/04/1996	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	

2255	2021216861	Phan Tấn	Quang	13/02/1996	K20QTH									7.0	7.0	7.0	7.0		KĐĐK	
2256	2021214063	Huỳnh Ngọc	Quốc	02/03/1996	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK	
2257	2021214395	Hồ Lê Cường	Quốc	23/08/1996	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.2	K	
2258	2021214944	Nguyễn Lê Đình	Quý	22/01/1996	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.4	K	
2259	2020216829	Vy Nữ Như	Quỳnh	15/07/1995	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	7.5	K	
2260	2021210535	Nguyễn Ngọc	Tài	04/12/1996	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	7.0	5.0	6.0	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
2261	2021717309	Phạm Xuân	Tài	06/10/1996	K20QTH	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.6	TBK	
2262	2021523866	Đặng Ngọc	Thái	07/07/1996	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K	
2263	2021217648	Hồ Trung	Thắng	12/04/1995	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	8.0	8.0	7.4	K	
2264	2021213532	Trần Duy	Thanh	15/10/1990	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	7.0	5.0	6.0	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
2265	2021217958	Nguyễn Hoài	Thanh	29/04/1996	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	8.0	6.0	6.7	6.8	TBK	
2266	2020124476	Trần Kim	Thành	18/02/1996	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	7.0	8.0	7.5	8.0	8.0	8.0	8.0	7.6	K	
2267	2021216047	Võ Văn	Thành	29/05/1995	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K	
2268	2021215886	Nguyễn Hữu	Thạnh	06/04/1996	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	8.0	8.0	7.2	K	
2269	2020213919	Nguyễn Thị Phương	Thảo	06/11/1996	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	6.0	6.5	7.1	K	
2270	2020217348	Huỳnh Thị Phương	Thảo	22/01/1995	K20QTH	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K	
2271	2020217840	Nguyễn Thị Phương	Thảo	01/09/1996	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.2	K	
2272	2020214824	Trần Phương	Thị	22/10/1996	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	7.3	K	
2273	2021231909	Trần Nguyễn Hữu	Thịnh	29/07/1996	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.1	K	
2274	2020213631	Nguyễn Thị	Thơ	24/11/1996	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	5.0	7.0	6.9	6.7	TBK	
2275	2020210691	Nguyễn Thị Anh	Thư	23/02/1995	K20QTH	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	7.0	8.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	7.4	K	
2276	2021214928	Lê Trung	Thuận	11/07/1996	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.4	K	
2277	2020217764	Nguyễn Thị Hoài	Thương	24/06/1996	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K	
2278	2020214638	Nguyễn Minh Hoàng	Thy	18/12/1996	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	K	
2279	2020214690	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	05/06/1996	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
2280	2021216666	Nguyễn Văn	Tình	01/01/1996	K20QTH	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	6.7	TBK	
2281	2020624206	Đỗ Việt Danh	Toại	21/01/1996	K20QTH	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	6.0	7.0	6.9	TBK	
2282	2020213190	Đỗ Nguyên	Toàn	06/08/1996	K20QTH	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	7.0	8.0	7.8	6.9	TBK	
2283	2020217966	Võ Thị Huyền	Trâm	16/07/1996	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	6.9	TBK	
2284	2020214904	Phan Thị Lệ	Trang	17/07/1996	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	7.0	8.0	7.5	6.9	TBK	
2285	2020217394	Trần Thị Thu	Trang	19/06/1996	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K	
2286	2021217118	Nguyễn Bình	Triều	03/09/1994	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K	
2287	2020215078	Vũ Thị	Trình	11/03/1995	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
2288	2021174516	Hà Quang	Trường	21/10/1996	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	6.0	7.0	7.1	6.8	TBK	
2289	2021214614	Bùi Tá	Trường	08/04/1996	K20QTH	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	7.0	6.9	6.6	TBK	
2290	2021214453	Nguyễn Anh	Tú	29/06/1996	K20QTH	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	6.8	TBK	
2291	1921215060	Trần Lê Công	Tùng	22/1/1995	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8						KĐĐK	
2292	2021213450	Phạm Đức	Tùng	24/09/1996	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	7.0	5.0	6.0	8.0	6.0	6.0	6.6	6.5	TBK	
2293	2021214456	Trần Đình	Tùng	02/01/1996	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.2	K	
2294	2021213699	Đào Ngọc	Tuyền	22/08/1996	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	6.7	TBK	
2295	2020216891	Đông Thị	Tuyền	26/04/1996	K20QTH	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K	
2296	2020214479	Trần Thị Bích	Vân	19/04/1996	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	7.3	K	
2297	2021213682	Phạm Việt	Vinh	02/09/1996	K20QTH	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
2298	2021215108	Ngô Văn Trường	Vinh	30/12/1995	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	6.9	TBK	
2299	2021216716	Ngô Trương Quang	Vinh	10/05/1996	K20QTH	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.6	TBK	
2300	2021715076	Phạm Thanh	Vinh	12/02/1996	K20QTH	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
2301	2021213766	Trương Trần	Vũ	03/10/1994	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	6.9	TBK	
2302	2021217115	Trần Anh	Vũ	19/08/1993	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.4	K	
2303	2021355488	Trần Anh	Vũ	13/09/1995	K20QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	7.3	K	
2304	2021126545	Nguyễn Bá	Vương	05/06/1995	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	6.0	7.0	7.1	7.0	K	
2305	2020213331	Phan Thị Bảo	Vy	28/10/1996	K20QTH	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	8.0	7.0	7.5	6.8	TBK	
2306	2020213468	Phạm Thị Hoàng	Vy	12/04/1996	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	7.0	8.0	7.5	8.0	6.0	7.0	7.1	7.1	K	
2307	2020213683	Nguyễn Lê Tường	Vy	15/01/1995	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	7.0	6.0	6.8	6.7	TBK	
2308	2020214082	Nguyễn Thị Thu	Vy	03/05/1996	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	8.0	6.0	6.7	6.5	TBK	
2309	2020218199	Đình Thị Ngọc	Ý	27/12/1995	K20QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.4	K	
2310	2020213140	Trần Thị Hoàng	Yến	10/11/1995	K20QTH	8.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.6	K	
2311	2020525605	Trần Lê Khả	Ái	12/05/1996	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K	
2312	2021523373	Nguyễn Hữu	An	16/07/1993	K20YDH	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	7.5	K	
2313	2020524969	Hoàng Nguyễn Hồng	Ân	02/09/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K	
2314	1921528667	Mai Duy	Anh	18/8/1995	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	6.0	7.0	6.5	6.9	TBK	

2315	2020522741	Lê Đức	Anh	12/01/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.5	K	
2316	2020522774	Trần Thị	Anh	13/07/1993	K20YDH	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.7	K	
2317	2020523257	Trần Tuấn	Anh	22/06/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	7.2	K	
2318	2020523758	Lê Thị Trâm	Anh	14/08/1995	K20YDH	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	K	
2319	2020523937	Trần Nhật	Anh	17/10/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
2320	2020524037	Lê Thị Quỳnh	Anh	28/06/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.5	K	
2321	2020526246	Trần Kim Xuân	Anh	26/02/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	8.0	7.0	7.5	7.5	K	
2322	2020526918	Nguyễn Thị Kim	Anh	04/03/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.2	K	
2323	2020527636	Nguyễn Thị Tú	Anh	30/01/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K	
2324	2021523922	Đoàn Trần Minh	Anh	12/01/1996	K20YDH	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	7.0	6.9	6.5	TBK	
2325	2020526644	Nguyễn Thị	Ánh	12/04/1995	K20YDH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
2326	2020527449	Huỳnh Ngọc	Ánh	25/08/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.1	K	
2327	2021523842	Nguyễn Ngọc	Bách	29/03/1995	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.4	K	
2328	2021524483	Nguyễn Huy	Bảo	22/11/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
2329	2020526106	Đặng Thị Ngọc	Bích	22/10/1996	K20YDH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.1	K	
2330	2020527651	Nguyễn Thị Kim	Bình	10/08/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.4	K	
2331	2020217834	Trần Thị	Cam	24/01/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	9.0	7.0	8.0	8.1	9.0	8.0	7.0	7.8	7.7	K	
2332	2021526591	Nguyễn Ngọc	Cầm	25/11/1995	K20YDH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	6.8	TBK	
2333	2021526413	Nguyễn Như	Công	03/10/1996	K20YDH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
2334	2020524925	Nguyễn Thị Thu	Cúc	18/07/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.2	K	
2335	2021523821	Hoàng Hiếu	Cường	23/12/1996	K20YDH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
2336	2021524544	Vô Văn	Cường	16/08/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.4	K	
2337	2021526645	Nguyễn Hải	Dân	22/11/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	6.0	7.0	7.1	7.3	K	
2338	1921524548	Đoàn Công	Đạt	12/06/1995	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K	
2339	2021523314	Phạm Phú	Đạt	01/03/1991	K20YDH									7.0	6.0	7.0	6.8		KDDK	
2340	2021523778	Nguyễn Thành	Đạt	17/05/1996	K20YDH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	6.7	TBK	
2341	2021525964	Lã Quốc	Đạt	12/03/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
2342	2021527876	Trần Văn	Đạt	09/11/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	7.0	7.1	7.0	K	
2343	2020526198	Phạm Thu	Diễm	03/05/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K	
2344	2020526762	Bùi Thị Kiều	Diễm	09/09/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	K	
2345	2020520822	Phạm Thị Ngọc	Diệp	10/08/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K	
2346	2020522873	Nguyễn Thị Minh	Diệu	04/01/1994	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.6	K	
2347	2020523435	Nguyễn Thị Mai	Diệu	10/06/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	K	
2348	2020527127	Huỳnh Thị Quý	Diệu	22/03/1996	K20YDH	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K	
2349	2020528250	Nguyễn Huyền	Địu	20/06/1996	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	7.0	7.1	7.6	K	
2350	2020528018	Hoàng Hoài	Đông	19/02/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.4	K	
2351	1920521836	Lê Sỹ	Đồng	15/4/1995	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	6.0	7.0	7.1	7.3	K	
2352	2021520612	Nguyễn Văn	Đức	25/11/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
2353	2021525010	Phan Đăng Minh	Đức	16/01/1996	K20YDH	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.6	K	
2354	2020520692	Lê Thị Thủy	Dung	17/10/1995	K20YDH	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.5	K	
2355	2020520756	Mạc Thị Bảo	Dung	10/02/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	6.0	7.0	7.0	K	
2356	2020523415	Dương Lê Ngọc	Dung	13/11/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	7.4	K	
2357	2020524840	Đinh Thị Hoàng	Dung	17/03/1996	K20YDH	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	K	
2358	2020525777	Nguyễn Thùy	Dung	01/04/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.2	K	
2359	2020522742	Lâm Đức	Dũng	24/09/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
2360	2020522776	Trần Trung	Dũng	15/05/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.1	K	
2361	2020522789	Đàm Minh	Dũng	20/10/1996	K20YDH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.7	TBK	
2362	2020523898	Phan Thanh Thùy	Dương	20/12/1996	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	6.0	7.0	7.1	7.2	K	
2363	2020526922	Nguyễn Thùy	Dương	19/01/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	6.9	TBK	
2364	2020527178	Phan Thị Thủy	Dương	11/05/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.4	K	
2365	2021526166	Phùng Nhật	Duy	14/03/1996	K20YDH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	K	
2366	2021526924	Lê Văn	Duy	15/09/1994	K20YDH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.9	TBK	
2367	2020522924	Nguyễn Thị Kỳ	Duyên	13/08/1996	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.4	K	
2368	2020526546	Bùi Mỹ	Duyên	14/12/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.5	K	
2369	2020526734	Lê Nguyễn Phương	Duyên	20/01/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K	
2370	2020523642	Vân Trường	Giang	24/07/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.9	TBK	
2371	2020525026	Nguyễn Hà Trúc	Giang	17/04/1996	K20YDH	8.0	5.0	8.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K	
2372	2020523263	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	11/11/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	6.0	7.0	7.1	7.0	K	
2373	2020524044	Trương Thị Thu	Hà	17/04/1996	K20YDH	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.5	K	
2374	2020528210	Nguyễn Thị Cẩm	Hà	28/04/1993	K20YDH					8.0	7.0	7.0	7.3						KDDK	

2375	2020528370	Lê Thị Thanh	Hà	06/06/1994	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.5	K	
2376	2021526808	Trần Ngọc	Hải	26/11/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.3	K	
2377	2020524814	Trần Văn Gia	Hân	28/04/1995	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.5	K	
2378	2021524962	Đặng Quang	Hân	05/06/1995	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	8.0	8.0	7.4	K	
2379	2020525052	Huỳnh Thị Yến	Hăng	16/11/1995	K20YDH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.3	K	
2380	2020525594	Nguyễn Thị Diệu	Hăng	26/04/1996	K20YDH	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.7	K	
2381	2020525707	Nguyễn Thị Cẩm	Hăng	16/08/1996	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K	
2382	2020528091	Phạm Thị Thu	Hăng	23/11/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	7.5	K	
2383	2020528319	Trần Thị Lệ	Hăng	12/10/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	9.0	8.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.6	K	
2384	2020523977	Võ Trần Mỹ	Hạnh	27/02/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.4	K	
2385	2020520777	Trương Thị	Hào	14/10/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	6.0	7.0	7.2	K	
2386	2020526396	Hồ Quyên Kim	Hào	24/05/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K	
2387	2020523260	Đặng Thị	Hiền	17/02/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.5	K	
2388	2020523664	Đặng Thị Thanh	Hiền	03/12/1995	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.4	K	
2389	2020524045	Hoàng Thị Thu	Hiền	26/11/1996	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.4	K	
2390	2020525929	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	04/01/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.4	K	
2391	2020526457	Lê Thị Thu	Hiền	26/05/1996	K20YDH	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K	
2392	2020523250	Nguyễn Xuân	Hiệp	20/02/1990	K20YDH	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.8	9.0	8.0	7.0	7.8	7.8	K	
2393	2020523425	Nguyễn Thị Ái	Hiệp	11/08/1996	K20YDH	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.5	K	
2394	2021527308	Nguyễn Hoàng	Hiệp	17/09/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K	
2395	1921123143	Hồ Nguyễn Bá	Hiếu	01/05/1995	K20YDH	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
2396	2020527762	Lê Thị	Hiếu	26/12/1996	K20YDH	8.0	5.0	8.0	7.4	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K	
2397	2021523812	Hoàng Trung	Hiếu	06/11/1995	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K	
2398	2020523565	Lê Thị Thanh	Hoa	23/08/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
2399	2020520789	Huỳnh Thị Thanh	Hòa	08/08/1996	K20YDH	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.6	K	
2400	2020523306	Võ Thị Ái	Hòa	17/11/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
2401	2020520529	Trần Thị	Hoàn	11/12/1995	K20YDH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K	
2402	2021524046	Trần	Hoàn	12/06/1995	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.3	K	
2403	2020522804	Đỗ Duy Minh	Hoàng	15/07/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
2404	2020524147	Nguyễn Thị Kim	Hoàng	07/10/1995	K20YDH	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.3	K	
2405	2021520578	Võ Thanh	Hoàng	17/04/1993	K20YDH	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.5	K	
2406	2021525843	Đặng Mai	Hoàng	09/07/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.1	K	
2407	2021526361	Nguyễn Huy	Hoàng	01/06/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.2	K	
2408	1920528369	Nguyễn Thị Thanh	Hồng	01/10/1995	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	7.2	K	
2409	2021524914	Trần Quang	Hùng	09/03/1995	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.3	K	
2410	2021526399	Phạm Quốc	Hùng	20/09/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K	
2411	1921524593	Nguyễn Văn	Hưng	09/04/1994	K20YDH	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	6.0	6.6	6.0	6.0	7.0	6.5	7.0	K	
2412	2020513604	Nguyễn Thanh	Hương	09/11/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	6.0	7.0	7.1	K	
2413	2020526073	Chế Thị Thanh	Hương	01/01/1996	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
2414	2020523892	Phan Thị	Hường	11/06/1995	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	7.0	6.0	6.8	6.9	TBK	
2415	2021524557	Trần Ngọc	Hữu	24/07/1996	K20YDH	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.4	TBK	
2416	2021527871	Bùi Lê Phước	Hữu	15/09/1995	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	6.0	7.0	7.1	K	
2417	1921528261	Nguyễn Trần Ngọc	Huy	05/01/1995	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	5.0	6.1	6.8	TBK	
2418	2020522748	Nguyễn Bá	Huy	02/11/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	5.0	6.5	8.0	8.0	7.0	7.5	7.1	K	
2419	2021523562	Nguyễn Quốc	Huy	06/09/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
2420	2021524841	Trần	Huy	10/01/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K	
2421	2021525855	Trần Quang	Huy	30/11/1995	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.1	K	
2422	2021526439	Phan Duy	Huy	24/10/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.4	K	
2423	2020526751	Đỗ Thị Trúc	Huyền	14/01/1995	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.0	K	
2424	2020520878	Lê Trần Khánh	Huyền	20/07/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	7.1	K	
2425	2020522810	Lê Ngọc	Huyền	04/04/1996	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K	
2426	2020524353	Kiều Thị Thanh	Huyền	16/03/1996	K20YDH	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K	
2427	2020527353	Lê Thị Thanh	Huyền	12/07/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.5	K	
2428	2020527571	Hoàng Thị	Huyền	22/01/1995	K20YDH					7.0	7.0	6.0	6.5						KĐĐK	
2429	2020522713	Võ Minh	Kha	10/08/1996	K20YDH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
2430	2021525005	Lê Hoàng	Kha	02/03/1994	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.3	K	
2431	2021523555	Nguyễn Trần Vĩnh	Khang	17/12/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.1	K	
2432	2020523272	Tăng Văn	Khánh	17/11/1995	K20YDH	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K	
2433	2021526597	Trần Châu	Khánh	10/07/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K	
2434	2020524145	Nguyễn Vũ Anh	Khoa	24/03/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	8.0	7.0	7.5	7.1	K	

2435	2021523734	Võ Anh	Khoa	01/05/1995	K20YDH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
2436	2021527143	Nguyễn Minh	Khôi	05/08/1995	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.2	K	
2437	2021524961	Hồ Công	Khương	18/11/1995	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K	
2438	2021524668	Ngô Trường	Khuyên	06/12/1996	K20YDH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	8.0	7.0	7.5	6.8	TBK	
2439	2020524109	Nguyễn Thị	Kiều	20/05/1996	K20YDH	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
2440	2020523437	Trần Thị	Kính	12/10/1996	K20YDH	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K	
2441	2020524272	Đỗ Thị	Lập	22/09/1996	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	6.0	6.6	7.3	K	
2442	2020523223	Phạm Diệu	Linh	27/02/1996	K20YDH	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.1	K	
2443	2020523878	Lê Thị Mỹ	Linh	30/09/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
2444	2021527993	Trần Bảo Tiên	Linh	22/10/1996	K20YDH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	7.0	7.1	6.8	TBK	
2445	2020520647	Lê Thị Ý	Loan	05/05/1995	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.1	K	
2446	2020523877	Lê Thị Mỹ	Loan	30/09/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.1	K	
2447	2020524536	Phan Thị	Loan	23/08/1996	K20YDH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.9	TBK	
2448	2020525692	Đặng Thị Tố	Loan	10/12/1996	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	6.0	6.8	6.9	TBK	
2449	2020527527	Nguyễn Thị	Lợi	28/02/1995	K20YDH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
2450	2021528403	Huỳnh Thanh	Long	01/07/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	7.1	K	
2451	2021524733	Đặng Tiến	Lực	28/06/1995	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	6.0	7.0	7.1	7.3	K	
2452	2020528184	Nguyễn Thị	Luyên	17/05/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
2453	1920522469	Trần Thị Ngọc	Ly	02/08/1995	K20YDH	8.0	5.0	8.0	7.4	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K	
2454	2020523686	Lê Thị Khánh	Ly	20/11/1995	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.6	K	
2455	2020526543	Phạm Thị	Ly	28/07/1996	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.4	K	
2456	2020527730	Hồ Lê Quyền My	Ly	11/12/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
2457	2020523308	Trần Thị Như	Lý	25/08/1996	K20YDH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
2458	2020525903	Nguyễn Thị Thanh	Mai	11/04/1996	K20YDH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K	
2459	2021526585	Nguyễn Đức	Mạnh	24/07/1996	K20YDH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	K	
2460	2020522752	Phạm Đoàn Quang	Minh	01/12/1995	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	8.0	7.6	7.4	K	
2461	2021527646	Lê Công	Minh	06/08/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	5.0	6.0	6.4	7.1	K	
2462	2020523431	Vũ Thị Kiều	My	16/02/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
2463	2020523436	Đặng Ngọc My	My	23/05/1995	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.5	K	
2464	2020523785	Nguyễn Thị Hoàng	My	23/06/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
2465	2020525917	Nguyễn Thoại Quỳnh	My	01/05/1995	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.3	K	
2466	2020526251	Hoàng Hà	My	25/08/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.5	K	
2467	2020527608	Phan Ngọc Hà	My	08/03/1996	K20YDH	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.6	K	
2468	2020523585	Nguyễn Thị Ái	Mỹ	26/08/1994	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.2	K	
2469	2020523123	Nguyễn Đình Tài	Nam	14/02/1996	K20YDH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	5.0	8.0	7.4	7.3	K	
2470	2020526326	Nguyễn Thành	Nam	18/02/1996	K20YDH	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.1	K	
2471	2021527301	Lưu Phương	Nam	02/03/1995	K20YDH	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
2472	2020524693	Nguyễn Anh	Nga	17/07/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	K	
2473	2020524853	Cao Thị Hằng	Nga	08/12/1996	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K	
2474	2020526247	Nguyễn Thị Thiên	Nga	08/11/1995	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.2	K	
2475	2020526417	Trần Thị Quỳnh	Nga	26/10/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	7.1	K	
2476	2020528000	Tô Thị	Nga	21/07/1996	K20YDH	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	7.5	K	
2477	2021524706	Ngô Thị Kiều	Nga	15/03/1996	K20YDH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K	
2478	2020524599	Nguyễn Khánh	Ngân	13/07/1996	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.2	K	
2479	2020525643	Vô Thị Thúy	Ngân	20/01/1996	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K	
2480	2020526348	Huỳnh Châu	Ngân	12/04/1996	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.5	K	
2481	2020527097	Đinh Thị Kim	Ngân	01/04/1996	K20YDH	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.4	K	
2482	2020528297	Trương Thị Mỹ	Ngân	16/07/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.5	K	
2483	2021523694	Trần Văn	Nghĩa	07/11/1996	K20YDH									7.0	6.0	7.0	6.8		KĐĐK	
2484	2021526347	Nguyễn Nhân	Nghĩa	02/12/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K	
2485	2020522781	Ksor Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	06/06/1995	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.5	K	
2486	2020522827	Trần Phan Tiểu	Ngọc	03/11/1996	K20YDH	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.1	K	
2487	2020527564	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	04/09/1996	K20YDH	8.0	5.0	8.0	7.4	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.1	K	
2488	1921524635	Nguyễn Duy	Nguyên	22/8/1995	K20YDH	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	6.0	7.0	7.1	7.0	K	
2489	2020522818	Lê Thảo	Nguyên	14/09/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	6.8	TBK	
2490	2020523482	Phan Thảo	Nguyên	26/12/1994	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.5	K	
2491	2020526382	Phùng Thị	Nguyên	10/09/1996	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.4	K	
2492	2021523336	Nguyễn Khánh	Nguyên	03/09/1996	K20YDH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	6.9	TBK	
2493	1920524864	Phạm Thị	Nguyệt	18/1/1995	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K	
2494	2021526165	Hoàng Minh	Nhật	19/03/1995	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K	

2495	2020523879	Hồ Thị Hiền	Nhi	07/10/1996	K20YDH	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.7	K
2496	2020524400	Hà Bảo	Nhi	31/01/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK
2497	2020525786	Đặng Tiêu	Nhi	22/07/1993	K20YDH	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.3	K
2498	2020525908	Nguyễn Thị Thùy	Nhi	22/01/1995	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.2	K
2499	2020524335	Nguyễn Đỗ Quỳnh	Như	11/01/1996	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.6	K
2500	2020525003	Nguyễn Phan Quỳnh	Như	14/09/1996	K20YDH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	6.0	6.6	6.5	TBK
2501	2020526302	Lê Thị Quỳnh	Như	19/08/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K
2502	2020526606	Phạm Quỳnh	Như	17/04/1996	K20YDH	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.8	K
2503	2020523927	Nguyễn Hoàng Cẩm	Nhung	02/07/1996	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K
2504	2020525589	Võ Thị Tuyết	Nhung	28/01/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K
2505	2020528318	Mai Thị Hồng	Nhung	29/04/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.4	K
2506	2020523676	Huỳnh Thị Thùy	Ni	24/10/1996	K20YDH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	6.8	TBK
2507	2020526558	Trần Thị My	Nu	21/07/1996	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.4	K
2508	2020527522	Nguyễn Thị	Nữ	18/05/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1					8.0	7.0	7.0	7.3		KĐĐK
2509	2020523370	Lê Nguyễn Hoàng	Oanh	28/12/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.5	K
2510	2021526196	Nguyễn Văn	Pháp	10/10/1996	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K
2511	2020522721	Nguyễn Ngọc	Phát	14/04/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.9	TBK
2512	2020522819	Nguyễn Hoài	Phong	04/11/1996	K20YDH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.1	K
2513	2021524763	Dương Phan Kim	Phú	20/09/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K
2514	2020522722	Nguyễn Thanh	Phúc	25/05/1995	K20YDH	8.0	7.0	6.0	6.8					8.0	7.0	7.0	7.3		KĐĐK
2515	2020523396	Lê Thị Hồng	Phúc	29/01/1996	K20YDH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K
2516	2020525649	Nguyễn Thị	Phúc	29/08/1995	K20YDH	8.0	6.0	9.0	8.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.4	K
2517	2021520643	Nguyễn Lê Hữu	Phúc	06/11/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	8.0	8.0	7.1	K
2518	2020524260	Đàm Long Lê Thiện	Phước	26/02/1996	K20YDH	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	7.2	K
2519	2021527692	Đặng Tiến	Phước	13/06/1994	K20YDH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	K
2520	1920267992	Huỳnh Thị Yến	Phương	10/06/1995	K20YDH									8.0	7.0	7.0	7.3		KĐĐK
2521	2020523391	Nguyễn Hoàng Mai	Phương	17/09/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.1	K
2522	2020523685	Nguyễn Thị Hà	Phương	29/03/1996	K20YDH	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.6	K
2523	2020526250	Bùi Nguyễn Minh	Phương	18/09/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	6.9	TBK
2524	2020526588	Đặng Thị Minh	Phương	11/09/1996	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.4	K
2525	2020528023	Nguyễn Trần Diệu	Phương	01/01/1996	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	8.0	5.0	6.5	8.0	6.0	7.0	7.1	7.1	K
2526	2021526103	Võ Hồng	Phương	25/06/1995	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K
2527	2020528457	Ma Thị	Phượng	08/09/1996	K20YDH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K
2528	2021526570	Phạm Bùi Duy	Quân	05/06/1996	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.2	K
2529	2020524110	Trần Văn	Quang	25/05/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	6.8	TBK
2530	2021526851	Võ Đại	Quốc	18/04/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	8.0	6.0	7.0	7.1	K
2531	2021527315	Phạm Phú	Quý	11/09/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	K
2532	2021525803	Huỳnh Bá	Quyền	05/03/1995	K20YDH					7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	7.0	6.0	6.8		KĐĐK
2533	2020524463	Kiều Ngọc	Quỳnh	29/07/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.1	K
2534	2020524803	Ấu Hồ Trúc	Quỳnh	26/03/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K
2535	2020525839	Phạm Thị Lệ	Quỳnh	28/08/1995	K20YDH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK
2536	2020525919	Hồ Tiêu	Quỳnh	06/06/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
2537	2020527748	Trương Thị Lệ	Quỳnh	16/10/1995	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.1	K
2538	2020528005	Lê Thùy Bảo	Quỳnh	04/11/1995	K20YDH	8.0	5.0	8.0	7.4	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.5	K
2539	2021527960	Võ Ngọc	Rơ	02/08/1996	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.3	K
2540	2020522757	Nguyễn Thị Thanh	Sang	20/06/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.5	K
2541	2021520637	Trần Văn	Sĩ	10/12/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K
2542	2021523353	Tạ Thanh	Sơn	22/01/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.1	K
2543	2020523410	Văn Thị	Sương	07/04/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	5.0	7.0	6.9	7.3	K
2544	2020526191	Nguyễn Thị Minh	Sương	11/05/1996	K20YDH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.1	K
2545	2020527184	Trương Thị Thu	Sương	29/02/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.4	K
2546	2021520649	Nguyễn Thành	Tài	09/07/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	8.0	7.6	7.2	K
2547	2021528251	Phan Tấn	Tài	02/12/1996	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K
2548	2020520600	Hoàng Thị Minh	Tâm	29/07/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	7.0	K
2549	2020522759	Lê Thị Thanh	Tâm	12/03/1996	K20YDH	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.5	K
2550	2020525055	Nguyễn Thị Băng	Tâm	12/12/1994	K20YDH	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.5	K
2551	2021523357	Phạm Bá	Tân	03/11/1996	K20YDH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	7.0	6.9	6.6	TBK
2552	2021523639	Nguyễn Cao Nhật	Tân	19/05/1993	K20YDH					6.0	7.0	6.0	6.2						KĐĐK
2553	2021528120	Võ Hoàng	Tây	25/05/1996	K20YDH									8.0	7.0	7.0	7.3		KĐĐK
2554	2021528066	Trần Văn	Thái	16/12/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.0	K

2555	2020524083	Hoàng Hồng	Thắm	08/04/1996	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.2	K
2556	2021527749	Nguyễn Thanh	Thắng	03/01/1994	K20YDH	7.0	6.0	6.0	6.3										KDDK
2557	2020524801	Ngô Thị Thanh	Thanh	01/02/1996	K20YDH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	6.8	TBK
2558	2021524789	Hồ Văn	Thành	08/07/1996	K20YDH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K
2559	2020524546	Đỗ Thái Uyên	Thao	20/04/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K
2560	1920524297	Nguyễn Huỳnh Phương	Thảo	02/06/1995	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	6.0	6.8	7.2	K
2561	2020520738	Võ Thị Phương	Thảo	04/07/1996	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.6	K
2562	2020522699	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	26/04/1995	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	6.8	TBK
2563	2020523155	Đặng Ngọc Thạch	Thảo	01/04/1995	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	7.5	K
2564	2020523303	Huỳnh Như	Thảo	14/07/1996	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.5	K
2565	2020523318	Nguyễn Ngọc Ánh	Thảo	07/03/1995	K20YDH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.7	TBK
2566	2020523411	Quảng Võ Thanh	Thảo	25/09/1996	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.2	K
2567	2020524221	Lê Thị Hiếu	Thảo	18/07/1996	K20YDH	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	7.0	5.0	6.0	8.0	8.0	6.0	7.0	6.6	TBK
2568	2020524633	Nguyễn Thùy Miên	Thảo	09/10/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	6.0	7.0	7.2	K
2569	2020524669	Nguyễn Thị Phương	Thảo	17/02/1996	K20YDH	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	6.0	7.0	7.5	K
2570	2020524968	Lê Trần Phương	Thảo	21/09/1996	K20YDH	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK
2571	2020525989	Trần Thị Thu	Thảo	29/08/1995	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.5	K
2572	2020526016	Võ Thị Thu	Thảo	18/02/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.4	K
2573	2020526101	Trần Thị Thu	Thảo	03/06/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.5	K
2574	2020526683	Nguyễn Thị Châu	Thảo	28/10/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.2	K
2575	2020526921	Võ Thị Phương	Thảo	20/02/1995	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	6.0	6.4	7.0	K
2576	2021525011	Võ Đình	Thi	21/10/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.7	TBK
2577	2021526549	Nguyễn Hữu	Thi	28/09/1996	K20YDH	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	6.9	TBK
2578	2020524053	Phan Nguyễn Ngọc	Thịnh	11/01/1996	K20YDH	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.4	K
2579	2021523316	Nguyễn Đức	Thịnh	26/05/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.1	K
2580	2020526092	Huỳnh Thị	Thoa	12/12/1996	K20YDH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K
2581	2020526194	Trần Thị Kim	Thoa	12/12/1995	K20YDH	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K
2582	2020528024	Nguyễn Thị Kim	Thoa	10/09/1996	K20YDH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K
2583	2020527168	Phan Thị Hoài	Thu	30/09/1996	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.3	K
2584	1920524841	Lê Công Anh	Thư	03/09/1994	K20YDH	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
2585	2020522763	Võ Trương Minh	Thư	25/11/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K
2586	2021524985	Âu Thiên	Thư	15/09/1996	K20YDH	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
2587	2020520825	Nguyễn Thị	Thuần	12/11/1995	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	9.0	7.0	9.0	8.6	8.0	6.0	8.0	7.6	7.8	K
2588	2020523895	Huỳnh Thị	Thuận	06/05/1995	K20YDH	8.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	5.0	7.0	6.9	7.1	K
2589	2021523475	Nguyễn Văn	Thuận	14/08/1996	K20YDH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK
2590	2020523981	Nguyễn Thị Thương	Thương	05/09/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	6.0	7.0	7.1	K
2591	2020526205	Nguyễn Thị Hồng	Thúy	19/12/1996	K20YDH	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.2	K
2592	1920524817	Trần Thị	Thúy	30/6/1995	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	7.0	7.5	7.3	K
2593	2020523304	Đặng Thị Kim	Thúy	21/02/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	7.1	K
2594	2020524257	Huỳnh Phương Thảo	Tiên	12/01/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.3	K
2595	2020527635	Võ Hà Cẩm	Tiên	01/04/1996	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	5.0	7.0	6.9	7.4	K
2596	2020527697	Trương Phạm Hạnh	Tiên	25/08/1995	K20YDH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	9.0	8.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.3	K
2597	2021527869	Đình Văn	Tiên	07/12/1994	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K
2598	2021523305	Võ Quang	Tiến	17/10/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.9	TBK
2599	2021527888	Trần Văn	Tiến	01/04/1995	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K
2600	2020524168	Nguyễn Thị Kim	Tiền	18/07/1996	K20YDH	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K
2601	2021524519	Đình Văn	Tĩnh	17/11/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K
2602	2021524631	Phạm Quang	Toàn	14/03/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K
2603	2021523439	Văn Tấn	Trai	07/04/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K
2604	2020520657	Huỳnh Thị Ngọc	Trâm	04/06/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.1	K
2605	2020524073	Nguyễn Phạm Tú	Trâm	30/12/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K
2606	2020525973	Vương Thị	Trâm	19/05/1995	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	7.1	K
2607	2020527789	Lương Thị	Trâm	01/10/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K
2608	1920529438	Nguyễn Thị Phương	Trang	02/08/1995	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K
2609	2020520567	Nguyễn Thị Thùy	Trang	02/03/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	6.0	7.0	7.2	K
2610	2020522764	Bùi Nguyễn Huyền	Trang	27/08/1996	K20YDH	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	6.0	6.6	7.1	K
2611	2020522785	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	03/10/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	6.0	7.0	6.9	TBK
2612	2020523669	Nguyễn Hồ Linh	Trang	30/11/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K
2613	2020524740	Hoàng Thị Hoài	Trang	20/06/1995	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	9.0	8.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.6	K
2614	2020525009	Võ Thùy	Trang	28/06/1996	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.5	K

2615	2020525663	Hoàng Thị Thu	Trang	10/11/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
2616	2020526256	Nguyễn Đoàn Khánh	Trang	07/02/1996	K20YDH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.1	K	
2617	2020527452	Nguyễn Lê Kiều	Trang	10/05/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K	
2618	2020527884	Võ Thị Thùy	Trang	03/06/1995	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	6.0	7.0	7.1	7.4	K	
2619	2020528032	Võ Thị Thùy	Trang	03/03/1995	K20YDH	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	9.0	8.0	8.5	9.0	9.0	9.0	9.0	8.8	G	
2620	2020527529	Trần Thị	Tranh	16/12/1995	K20YDH	8.0	6.0	6.0	6.6										KDDK	
2621	2021524723	Huỳnh Sử Minh	Trí	27/05/1996	K20YDH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK	
2622	1920524242	Trung Thị Kim	Trinh	22/9/1995	K20YDH	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
2623	2020523659	Từ Thị Mỹ	Trinh	03/09/1996	K20YDH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
2624	2020525060	Nguyễn Phương	Trinh	16/04/1996	K20YDH	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.4	K	
2625	2020525655	Vương Thị Xuân	Trinh	27/04/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.5	K	
2626	2020526221	Lê Nguyễn Ái	Trinh	05/05/1995	K20YDH	8.0	5.0	8.0	7.4	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.5	K	
2627	2020527258	Kiều Thị Huyền	Trinh	21/12/1996	K20YDH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
2628	2020528357	Trịnh Thị Tuyết	Trinh	22/06/1996	K20YDH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K	
2629	2021520844	Nguyễn Việt	Trọng	12/06/1996	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K	
2630	2021526897	Tô Văn	Trọng	15/03/1994	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.0	K	
2631	2020526643	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	20/01/1996	K20YDH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K	
2632	2020520966	Phan Thị	Trung	28/12/1995	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.4	K	
2633	2021524362	Nguyễn Mạnh	Tuân	07/02/1994	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K	
2634	2021526121	Nguyễn Minh	Tuấn	19/09/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.1	K	
2635	2021528216	Nguyễn Mạnh	Tuấn	30/05/1995	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	6.0	6.6	6.7	TBK	
2636	2021528289	Lê Thanh	Tuấn	18/04/1989	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	9.0	8.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.6	K	
2637	2021520721	Nguyễn Duy	Tùng	10/11/1996	K20YDH	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
2638	2020525900	Dương Thị	Tuyền	24/03/1996	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.4	K	
2639	2020522788	Nguyễn Thanh	Tuyền	30/12/1996	K20YDH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
2640	2020525595	Nguyễn Vũ Phương	Uyên	15/01/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.1	K	
2641	2020528119	Phạm Thị Thu	Uyên	29/03/1996	K20YDH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.1	K	
2642	2020520587	Trịnh Ngọc	Vân	13/01/1995	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	7.0	6.9	7.0	K	
2643	2020523332	Nguyễn Tường	Vân	31/07/1996	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.5	K	
2644	2020524438	Đào Thị Thanh	Vân	10/09/1995	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	5.0	7.0	6.9	7.3	K	
2645	2020524598	Lê Thị Hải	Vân	05/02/1996	K20YDH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
2646	2020524967	Võ Trần Tố	Vân	02/02/1995	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.4	K	
2647	2020526478	Đoàn Thị	Vân	01/03/1996	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	7.5	K	
2648	2020528458	Phùng Thị	Vân	08/03/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.1	K	
2649	2020522734	Trương Vũ Đình	Vân	22/09/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
2650	2021526659	Nguyễn Anh	Vân	09/04/1994	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.0	7.8	7.8	K	
2651	2021526913	Nguyễn Duy	Văn	06/01/1995	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K	
2652	2020525755	Phạm Thị Hoài	Vi	15/04/1996	K20YDH	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.2	K	
2653	2020526203	Nguyễn Thị Tường	Vi	22/10/1995	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.3	K	
2654	2020526271	Phạm Tường	Vi	16/06/1996	K20YDH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
2655	2020527051	Hà Thị Tường	Vi	04/07/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.0	K	
2656	2021524511	Lê Tôn	Viện	12/03/1995	K20YDH	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K	
2657	2021524475	Lê Quang	Vinh	26/09/1996	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.0	K	
2658	2021524069	Lê Nhất	Vũ	07/11/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.5	K	
2659	2021526070	Phạm Tuấn	Vũ	01/06/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
2660	1920524459	Lương Võ Tường	Vy	05/03/1995	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	5.0	8.0	7.4	8.0	5.0	6.0	6.4	7.0	K	
2661	2020520776	Đỗ Thị Tường	Vy	28/09/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K	
2662	2020524798	Nguyễn Cao Kiều	Vy	25/12/1995	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.2	K	
2663	2020525940	Lê Thị Hoàng	Vy	03/04/1995	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.5	K	
2664	2020526253	Phan Thị Thảo	Vy	22/07/1995	K20YDH	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.6	K	
2665	2020527742	Nguyễn Khoa Thanh	Vy	19/10/1996	K20YDH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
2666	2021520693	Nguyễn Mai Đăng	Vy	26/03/1995	K20YDH									8.0	8.0	7.0	7.5		KDDK	
2667	2021527261	Phạm Phú	Vỹ	25/08/1987	K20YDH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.5	K	
2668	2020524056	Trần Thị Thanh	Xuân	20/04/1996	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.2	K	
2669	2020524464	Hồ Thị	Xuân	28/03/1996	K20YDH	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
2670	2020522706	Bạch Thị Như	Ý	27/06/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	8.0	7.4	7.3	K	
2671	2020714970	Hà Mai Như	Ý	25/02/1996	K20YDH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.3	K	
2672	2020527597	Vũ Thị Mỹ	Yên	12/10/1996	K20YDH	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	6.0	7.0	7.4	K	
2673	2020526873	Võ Thị Hải	Yến	07/08/1995	K20YDH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K	
2674	2020246899	Lê Thị Lan	Anh	12/10/1995	K20QNH	9.0	8.0	5.0	6.8	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	

2675	2020246869	Nguyễn Đức	Độ	29/11/1996	K20QNH	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK	
2676	2021244170	Nguyễn Lê Duy	Hoà	29/05/1996	K20QNH	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	8.5	8.3	8.0	G	
2677	2021246266	Phạm Khắc	Hường	20/01/1996	K20QNH	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	6.7	TBK	
2678	2020233001	Lê Quang	Huy	22/05/1994	K20QNH	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	7.0	7.1	6.7	TBK	
2679	2020244144	Nguyễn Đăng	Khoa	07/04/1996	K20QNH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	8.0	5.0	6.5	6.4	TBK	
2680	2020243359	Hồ Ngọc Bảo	Linh	02/12/1996	K20QNH	9.0	6.0	6.0	6.9	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K	
2681	2020247557	Hoàng Hải	Linh	22/09/1996	K20QNH	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	6.0	7.0	7.0	K	
2682	2021243865	Trương Vũ	Linh	15/11/1996	K20QNH	8.0	8.0	5.0	6.5	9.0	7.0	7.0	7.6	8.0	8.0	5.0	6.5	6.9	TBK	
2683	2020240943	Nguyễn Thị Hoàng	Ly	07/05/1996	K20QNH	8.0	7.0	6.0	6.8	9.0	6.0	6.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
2684	2020213035	Phan Trần Lê Trà	My	07/11/1996	K20QNH	9.0	6.0	5.0	6.4	9.0	7.0	5.0	6.6	8.0	6.0	7.0	7.1	6.7	TBK	
2685	2021247218	Nguyễn Văn	Nam	27/12/1995	K20QNH	8.0	8.0	5.0	6.5	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
2686	2021245817	Nguyễn Văn	Nguyễn	29/02/1996	K20QNH	8.0	8.0	5.0	6.5	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	8.0	7.8	6.9	TBK	
2687	2020246081	Đặng Hà Ý	Nhi	26/12/1995	K20QNH	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	6.0	7.0	7.3	K	
2688	2020244443	Phạm Quỳnh	Như	02/03/1996	K20QNH	7.0	8.0	7.0	7.2	9.0	7.0	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	7.8	K	
2689	2020246628	Trần Thị Hồng	Nhung	15/08/1996	K20QNH	9.0	7.0	7.0	7.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.3	K	
2690	2021248265	Lê Phước	Phú	08/01/1996	K20QNH	7.0	6.0	5.0	5.8										KDDK	
2691	2021245830	Cao Văn	Quý	01/03/1995	K20QNH	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	7.1	K	
2692	2021246479	Nguyễn Tiến Bình	Sinh	17/10/1996	K20QNH	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK	
2693	2020622960	Nguyễn Ngọc	Tâm	17/07/1996	K20QNH	8.0	7.0	5.0	6.3					8.0	8.0	7.0	7.5		KDDK	
2694	2020248487	Thân Thị Mộng	Thi	01/10/1995	K20QNH	8.0	8.0	5.0	6.5	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
2695	2021246555	Trần Dương	Tiến	15/06/1996	K20QNH	8.0	8.0	5.0	6.5	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.3	K	
2696	2020246404	Phạm Phương	Trình	08/02/1995	K20QNH	8.0	7.0	5.0	6.3	9.0	7.0	7.0	7.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.9	TBK	
2697	2020646767	Nguyễn Thị Loan	Trình	19/09/1996	K20QNH	9.0	8.0	6.0	7.3	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	8.0	7.0	7.5	7.3	K	
2698	2020232796	Đào Thị Thanh	Trúc	06/08/1996	K20QNH	9.0	7.0	5.0	6.6	9.0	6.0	6.0	6.9	8.0	8.0	6.0	7.0	6.8	TBK	
2699	2020243650	Lê Vũ Hoài	Vy	04/06/1996	K20QNH	8.0	7.0	5.0	6.3	9.0	6.0	6.0	6.9	8.0	5.0	7.0	6.9	6.7	TBK	
2700	2020246491	Phạm Thị Kim	Chi	01/02/1996	K20QTC	9.0	7.0	5.0	6.6	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.7	TBK	
2701	2021236340	Nguyễn Hữu	Cường	10/06/1996	K20QTC	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	TBK	
2702	2021237129	Trần Minh	Cường	06/09/1996	K20QTC	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	8.0	7.0	7.2	6.6	TBK	
2703	2020317472	Phan Thị Mỹ	Diên	01/10/1996	K20QTC	9.0	6.0	5.0	6.4	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	7.0	7.0	7.0	6.8	TBK	
2704	2021233958	Nguyễn Trường	Dũng	20/12/1996	K20QTC	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	5.0	5.6	6.0	TBK	
2705	2020233600	Nguyễn Mai Ánh	Dương	13/10/1996	K20QTC	9.0	8.0	5.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	K	
2706	2020234286	Phạm Thị Thu	Hà	12/07/1996	K20QTC	9.0	7.0	5.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	7.0	7.0	7.0	6.6	TBK	
2707	2020238498	Nguyễn Thanh	Hà	23/09/1996	K20QTC	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.3	K	
2708	2020236403	Lê Phương Mỹ	Hạnh	25/07/1995	K20QTC	9.0	6.0	5.0	6.4	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.7	TBK	
2709	2021234558	Đặng Văn Trường	Hiếu	13/05/1996	K20QTC	8.0	7.0	5.0	6.3	9.0	7.0	7.0	7.6	7.0	7.0	8.0	7.5	7.1	K	
2710	2020234380	Lê Thị Minh	Huệ	27/01/1996	K20QTC	8.0	6.0	6.0	6.6	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	8.0	8.0	7.7	7.0	K	
2711	2020235698	Nguyễn Thảo	Hương	04/09/1996	K20QTC	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	K	
2712	2020725023	Lại Ngọc Hương	Huyền	08/06/1996	K20QTC	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	7.0	8.0	7.5	7.2	K	
2713	2021358459	Hoàng Đức	Khánh	19/06/1995	K20QTC	8.0	8.0	8.5	8.3	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.5	8.3	8.2	G	
2714	2020236295	Võ Lê Minh	Khôi	20/08/1996	K20QTC	8.0	7.0	5.0	6.3	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.6	TBK	
2715	2021234178	Ca Thị Mỹ	Lệ	25/11/1996	K20QTC	9.0	6.0	5.0	6.4	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	7.0	7.0	7.0	6.6	TBK	
2716	2020224223	Nguyễn Thị Thùy	Linh	23/03/1996	K20QTC	9.0	8.0	6.0	7.3	9.0	7.0	7.0	7.6	7.0	8.0	7.0	7.2	7.4	K	
2717	2021213715	Trương Quang	Lộc	24/06/1996	K20QTC	7.0	6.0	5.0	5.8	6.0	5.0	5.0	5.3	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	TBK	
2718	2020265986	Nguyễn Thị Khánh	Ly	01/01/1996	K20QTC	9.0	7.0	5.0	6.6	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	8.0	7.0	7.2	6.8	TBK	
2719	2021237496	Nguyễn Phước	Minh	05/05/1996	K20QTC	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	6.0	7.0	6.8	6.6	TBK	
2720	2020236901	Ngô Nguyễn Trà	My	29/03/1996	K20QTC	9.0	6.0	8.0	7.9	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	8.0	7.0	7.2	7.4	K	
2721	2020235833	Đỗ Quỳnh	Nga	22/10/1996	K20QTC	9.0	6.0	5.0	6.4	9.0	7.0	7.0	7.6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	K	
2722	2020234278	Hoàng Kim	Ngân	03/04/1996	K20QTC	9.0	7.0	5.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	8.0	7.0	7.2	6.7	TBK	
2723	2020235896	Trần Lê Khánh	Ngọc	06/06/1996	K20QTC	9.0	7.0	5.0	6.6	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	8.0	7.0	7.2	6.8	TBK	
2724	2020214207	Lê Hữu Nhất	Nguyễn	01/06/1996	K20QTC	9.0	8.0	6.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	7.0	7.0	7.0	6.9	TBK	
2725	2021345273	Nguyễn Nguyễn Hiếu	Nhân	09/09/1996	K20QTC	9.0	6.0	5.0	6.4	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	5.0	6.0	6.1	6.4	TBK	
2726	2020520887	Lê Thị Tuyết	Nhung	09/09/1996	K20QTC	9.0	6.0	5.0	6.4	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	7.0	7.0	7.0	6.9	TBK	
2727	2020234091	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	27/04/1996	K20QTC	9.0	7.0	5.0	6.6	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.7	TBK	
2728	2020233722	Nguyễn Ngọc Nguyễn	Phương	14/05/1996	K20QTC	9.0	7.0	5.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	8.0	7.0	7.2	6.7	TBK	
2729	2020245014	Nguyễn Thị Tuấn	Quỳnh	07/07/1996	K20QTC	9.0	7.0	5.0	6.6	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	6.0	6.3	6.5	TBK	
2730	2020233613	Vũ Thị Thanh	Tâm	16/11/1996	K20QTC	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	K	
2731	2020237967	Trần Nguyễn Kim	Tâm	12/05/1996	K20QTC	6.0	7.0	5.0	5.7	6.0	5.0	5.0	5.3	7.0	8.0	7.0	7.2	6.1	TBK	
2732	2021713612	Lâm Quốc	Thịnh	29/10/1996	K20QTC	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	7.0	8.0	7.5	6.6	TBK	
2733	2020514018	Lê Phương	Thùy	09/11/1996	K20QTC	9.0	7.0	5.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	6.0	7.0	6.8	6.6	TBK	
2734	1920235302	Phan Thị Bảo	Trâm	29/1/1995	K20QTC	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.3	K	

2735	2020235930	Lưu Hoàng Bích	Trâm	12/09/1996	K20QTC	9.0	6.0	5.0	6.4	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.7	TBK	
2736	2020244955	Đặng Thị Thùy	Trang	22/12/1995	K20QTC	9.0	7.0	5.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	8.0	7.0	7.2	6.9	TBK	
2737	2020234389	Phạm Thị Hoài	Trình	14/10/1996	K20QTC	8.0	6.0	6.0	6.6	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.7	TBK	
2738	2020234504	Nguyễn Trần Khánh	Trình	26/03/1995	K20QTC	8.0	6.0	5.0	6.1	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	7.0	6.0	6.5	6.4	TBK	
2739	2020234594	Trần Đỗ Ngọc	Trình	13/11/1996	K20QTC	9.0	7.0	5.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	K	
2740	2020253620	Nguyễn Cao Thục	Trình	22/05/1996	K20QTC	9.0	6.0	5.0	6.4	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	6.0	8.0	7.3	6.9	TBK	
2741	2020236420	Đinh Thị Thảo	Trúc	02/01/1996	K20QTC	9.0	7.0	5.0	6.6	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.7	TBK	
2742	2021237299	Nguyễn Lê Duy	Trung	02/09/1995	K20QTC	7.0	6.0	5.0	5.8	6.0	5.0	7.0	6.3	7.0	8.0	6.0	6.7	6.3	TBK	
2743	2020234391	Nguyễn Thị Anh	Tú	16/11/1996	K20QTC	9.0	6.0	6.0	6.9	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	8.0	7.0	7.2	7.1	K	
2744	2020245876	Phan Thị	Tuyết	10/10/1996	K20QTC	9.0	7.0	5.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	7.0	6.0	6.5	6.5	TBK	
2745	2020235580	Nguyễn Thị Nhật	Uyên	01/06/1996	K20QTC	8.0	7.0	6.0	6.8	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	8.0	7.0	7.2	6.9	TBK	
2746	2020236695	Trần Thảo Tường	Vy	10/10/1996	K20QTC	9.0	7.0	5.0	6.6	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	7.0	6.0	6.5	6.6	TBK	
2747	2021154290	Huỳnh Ngọc	Cường	18/11/1996	K20KST	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
2748	2021154425	Lê Minh	Hải	07/06/1996	K20KST	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
2749	2021154787	Trần Ngọc	Huy	26/06/1996	K20KST	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	7.0	6.9	6.8	TBK	
2750	2021154883	Phan Minh	Đạt	27/09/1996	K20KST	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	8.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K	
2751	2021157468	Hồ Văn	Chương	11/11/1996	K20KST	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	7.0	7.3	6.5	TBK	
2752	2021163602	Nguyễn Thế	Đức	15/01/1996	K20KST	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	6.6	TBK	
2753	2021164686	Trương Quốc	Đũng	01/06/1995	K20KST	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	7.0	6.9	6.8	TBK	
2754	2021166189	Nguyễn Duy	Hải	13/06/1996	K20KST	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	7.0	6.9	6.7	TBK	
2755	2021166389	Phan Vũ Đình	Nguyên	10/02/1996	K20KST	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.0	K	
2756	2021166733	Lê Đặng Minh	Quang	16/12/1996	K20KST	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	6.4	TBK	
2757	2021176740	Nguyễn Nguyên	Thiện	25/07/1996	K20KST	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	6.7	TBK	
2758	2021177264	Phan Văn	Tùng	01/01/1994	K20KST	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
2759	2021217336	Nguyễn Trường	An	01/12/1995	K20PSU-QTH	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.4	TBK	
2760	2020716879	Nguyễn Thị Thùy	Anh	12/09/1995	K20PSU-QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	8.0	6.0	6.7	6.9	TBK	
2761	2020213815	Võ Thị Ngọc	Ánh	25/06/1996	K20PSU-QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
2762	2021218062	Thái Phúc	Bảo	02/10/1996	K20PSU-QTH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
2763	2020216914	Phạm Linh	Chi	09/02/1996	K20PSU-QTH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.7	TBK	
2764	2021214792	Trương Phước	Đức	27/04/1996	K20PSU-QTH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK	
2765	2020213021	Trần Thị Thùy	Dung	06/12/1996	K20PSU-QTH	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK	
2766	2021216249	Nguyễn Hữu	Duy	04/09/1996	K20PSU-QTH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
2767	2020216675	Nguyễn Hữu Mỹ	Duyên	21/12/1996	K20PSU-QTH	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	7.0	7.5	7.5	K	
2768	2020355857	Lê Vũ Kỳ	Duyên	06/03/1996	K20PSU-QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.4	K	
2769	2020220539	Từ Thị Thùy	Giang	19/05/1996	K20PSU-QTH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
2770	2021213886	Trần Duy	Hải	10/09/1996	K20PSU-QTH	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.4	TBK	
2771	2020213379	Trần Gia	Hân	15/10/1996	K20PSU-QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	6.0	7.0	6.7	TBK	
2772	2020213388	Hà Thị Thu	Hiền	07/01/1996	K20PSU-QTH	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.5	TBK	
2773	2020710573	Huỳnh Như	Hiền	17/08/1996	K20PSU-QTH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K	
2774	2021216374	Nguyễn Đình	Hiền	15/06/1995	K20PSU-QTH	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	8.0	8.0	7.9	K	
2775	2021216536	Nguyễn Đại	Hòa	11/05/1996	K20PSU-QTH	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
2776	2021217867	Trần Huy	Hoàng	28/09/1996	K20PSU-QTH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.7	TBK	
2777	2020210989	Nguyễn Thị Thanh	Hương	02/02/1996	K20PSU-QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	6.0	7.0	6.7	TBK	
2778	2020218245	Nguyễn Thị Hoài	Hương	10/10/1996	K20PSU-QTH	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.6	TBK	
2779	2020218376	Nguyễn Thị Thu	Hương	10/04/1995	K20PSU-QTH	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K	
2780	2020213690	Phạm Nhật	Huyền	08/11/1995	K20PSU-QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
2781	2020217157	Nguyễn Thị Minh	Huyền	05/11/1996	K20PSU-QTH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
2782	2020212767	Đào Duy	Kha	23/10/1996	K20PSU-QTH	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.6	TBK	
2783	2021217782	Bùi Tư	Khoa	04/05/1996	K20PSU-QTH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.7	TBK	
2784	2020216698	Trương Thị Thanh	Kiều	09/06/1996	K20PSU-QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK	
2785	2020217897	Hoàng Thị Mỹ	Linh	04/03/1996	K20PSU-QTH	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK	
2786	2021227111	Nguyễn Trúc	Linh	27/02/1996	K20PSU-QTH	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
2787	2020634055	Trần Thanh	Loan	03/12/1996	K20PSU-QTH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.1	K	
2788	2021358045	Phan Văn Hoàng	Long	15/08/1996	K20PSU-QTH	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.6	TBK	
2789	2021213312	Nguyễn Bá	Luân	16/12/1996	K20PSU-QTH	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.3	TBK	
2790	2020254880	Nguyễn Thị Hoàng	Mai	02/03/1996	K20PSU-QTH	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.6	TBK	
2791	2021213660	Hoàng Triệu	Mẫn	03/01/1995	K20PSU-QTH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	6.8	TBK	
2792	2021338418	Trịnh Nhật	Minh	18/10/1996	K20PSU-QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
2793	2020216444	Phạm Thị Ly	Na	25/06/1996	K20PSU-QTH	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.1	K	
2794	2021215699	Nguyễn Hữu	Nam	06/11/1996	K20PSU-QTH	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.4	TBK	

2795	2021216283	Hồ Nguyễn	Nghiêm	31/10/1996	K20PSU-QTH	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	6.8	TBK	
2796	2020214096	Ngô Thị Minh	Ngọc	16/06/1996	K20PSU-QTH	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.5	TBK	
2797	1920216586	Nguyễn Thanh	Ngọc	30/9/1995	K20PSU-QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
2798	2020216627	Võ Thị Như	Nguyễn	19/08/1994	K20PSU-QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK	
2799	2021213738	Trịnh Quang	Nhân	10/03/1994	K20PSU-QTH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	6.0	6.6	7.0	7.0	6.0	6.5	6.7	TBK	
2800	2021213739	Nguyễn Phi	Nhân	31/07/1996	K20PSU-QTH	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.6	TBK	
2801	2021217285	Trần Quốc Khánh	Nhân	24/08/1996	K20PSU-QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
2802	2020217223	Vân Thị	Nhi	01/02/1996	K20PSU-QTH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.7	TBK	
2803	2020217320	Đặng Trần Diệu	Nhi	11/02/1996	K20PSU-QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	6.0	7.0	6.9	TBK	
2804	2020214080	Ngô Hoàng Cẩm	Nhung	17/08/1996	K20PSU-QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	6.0	7.0	7.0	K	
2805	2021214176	Trần Thị Na	Oanh	18/09/1996	K20PSU-QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K	
2806	2020217471	Trần Ngọc Hồng	Phúc	01/08/1995	K20PSU-QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
2807	2021217446	Dương Công	Phúc	14/11/1996	K20PSU-QTH	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
2808	2020213684	Phạm Thị Hoài	Phương	02/11/1996	K20PSU-QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK	
2809	2020214357	Trương Kim Ngọc	Quỳnh	21/07/1996	K20PSU-QTH	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.6	TBK	
2810	2020248181	Phạm Diễm	Quỳnh	22/12/1996	K20PSU-QTH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	6.0	7.0	6.6	TBK	
2811	2021213581	Huỳnh Kim	Sang	30/06/1996	K20PSU-QTH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
2812	2021217399	Trần Ngọc	Son	09/10/1996	K20PSU-QTH	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	6.6	TBK	
2813	2020216896	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	06/11/1996	K20PSU-QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	6.0	7.0	6.9	TBK	
2814	2020217676	Đặng Thị Thanh	Tâm	17/04/1996	K20PSU-QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	7.0	6.0	6.5	6.7	TBK	
2815	2021214418	Nguyễn Tiến	Thành	05/06/1996	K20PSU-QTH	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.5	TBK	
2816	2020218371	Phan Phương	Thảo	01/07/1996	K20PSU-QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	K	
2817	2020213855	Nguyễn Thị Kim	Thoa	22/10/1996	K20PSU-QTH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.7	TBK	
2818	2020215736	Trương Nhật Bảo	Thy	28/03/1996	K20PSU-QTH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	6.0	7.0	6.6	TBK	
2819	2020214823	Lê Cẩm	Tiên	27/11/1996	K20PSU-QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK	
2820	2020713910	Đặng Thủy	Tiên	13/06/1996	K20PSU-QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	6.9	TBK	
2821	2020213754	Nguyễn Thị Hương	Trà	04/10/1995	K20PSU-QTH	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.4	K	
2822	2020212927	Võ Thị Hoài	Trâm	10/07/1996	K20PSU-QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK	
2823	2020218372	Trần Thị Thùy	Trâm	24/08/1996	K20PSU-QTH	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK	
2824	2020214917	Huỳnh Minh	Trang	09/02/1996	K20PSU-QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
2825	2020217444	Trần Thị Thùy	Trang	02/03/1996	K20PSU-QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K	
2826	2020713456	Trương Thủy	Trang	21/06/1996	K20PSU-QTH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
2827	2020213921	Hồ Thị Nhật	Trúc	15/12/1996	K20PSU-QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	6.9	TBK	
2828	2020213948	Lê Hoàng Thanh	Trúc	09/06/1996	K20PSU-QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K	
2829	2021215624	Võ Tấn	Trung	25/11/1996	K20PSU-QTH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
2830	2020213633	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	25/07/1995	K20PSU-QTH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
2831	2020213583	Nguyễn Thị Tố	Uyên	06/10/1996	K20PSU-QTH	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	6.7	TBK	
2832	2020214152	Nguyễn Lê Phương	Uyên	07/07/1996	K20PSU-QTH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K	
2833	2020217984	Phạm Thị Tường	Vi	17/02/1996	K20PSU-QTH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.1	K	
2834	2021213467	Nguyễn Văn	Việt	17/07/1996	K20PSU-QTH	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.5	TBK	
2835	2020210627	Trần Thị Khánh	Vy	08/11/1996	K20PSU-QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
2836	2020214950	Phạm Khánh	Vy	02/08/1996	K20PSU-QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	6.9	TBK	
2837	2020217196	Trịnh Khánh	Vy	12/09/1996	K20PSU-QTH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	7.0	6.0	6.5	6.5	TBK	
2838	2020217912	Hà Thị Như	Ý	09/11/1996	K20PSU-QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K	
2839	2021235878	Đoàn Quốc	Bảo	07/01/1996	K20PSU-QNH	7.0	5.0	6.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.4	TBK	
2840	2020244359	Nguyễn Lan	Dung	21/01/1996	K20PSU-QNH	7.0	6.0	8.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.4	K	
2841	2021267983	Nguyễn Hữu Tùng	Giang	17/10/1995	K20PSU-QNH	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK	
2842	2020243647	Nguyễn Cao Hồng	Hà	31/03/1996	K20PSU-QNH	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K	
2843	2020244502	Trần Thu	Hà	18/02/1996	K20PSU-QNH	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	6.0	7.0	6.8	TBK	
2844	2021247699	Hà Đức	Hải	02/02/1995	K20PSU-QNH	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
2845	2020238465	Phạm Thị Mỹ	Hạnh	22/11/1996	K20PSU-QNH	7.0	7.0	9.0	8.0	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	6.0	7.0	7.3	K	
2846	2020244533	Nguyễn Thị Minh	Hiền	29/04/1996	K20PSU-QNH	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
2847	2021248257	Nguyễn Phan Trí	Hiếu	18/12/1996	K20PSU-QNH	7.0	5.0	6.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.4	TBK	
2848	2020244104	Phan Thị Diệu	Huyền	08/03/1996	K20PSU-QNH	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.7	TBK	
2849	2021213942	Nguyễn Ngọc	Khánh	28/04/1996	K20PSU-QNH	7.0	6.0	6.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK	
2850	2021246365	Lê Vĩnh	Khôi	03/10/1996	K20PSU-QNH	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.5	TBK	
2851	2020245000	Nguyễn Phan Diễm	Lý	28/08/1996	K20PSU-QNH	7.0	6.0	6.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	6.0	7.0	6.5	TBK	
2852	2021244618	Nguyễn Trung	Mạnh	05/07/1996	K20PSU-QNH	7.0	6.0	6.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK	
2853	2020244076	Lê	Na	22/10/1996	K20PSU-QNH	7.0	7.0	7.0	7.0					7.0	8.0	6.0	6.7		KDDK	
2854	2020244415	Hoàng Thị Dục	Nghi	21/06/1996	K20PSU-QNH	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	6.0	7.0	7.1	K	

2855	2021246709	Bùi Đình	Nghĩa	25/06/1994	K20PSU-QNH	7.0	6.0	5.0	5.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.5	TBK	
2856	2021216282	Nguyễn Hoàng	Sang	01/09/1996	K20PSU-QNH	7.0	6.0	8.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
2857	2020236314	Trần Thị Hồng	Sương	01/12/1995	K20PSU-QNH	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	6.0	7.0	6.8	TBK	
2858	2020232932	Nguyễn Thị Thành	Tâm	08/07/1996	K20PSU-QNH	7.0	6.0	9.0	7.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	6.0	7.0	7.0	K	
2859	2020340676	Trương Thị	Tâm	01/08/1996	K20PSU-QNH	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	6.0	7.0	6.6	TBK	
2860	2020240655	Trương Thị Cẩm	Thúy	21/11/1995	K20PSU-QNH	7.0	6.0	6.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	6.0	7.0	6.5	TBK	
2861	2020226916	Huỳnh Hoàng Quý	Tinh	01/10/1996	K20PSU-QNH	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.1	K	
2862	2020330507	Hồ Thị Huyền	Trang	23/10/1996	K20PSU-QNH	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.5	TBK	
2863	2020244346	Phạm Mỹ	Trí	20/05/1996	K20PSU-QNH	7.0	6.0	6.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.5	TBK	
2864	2021514784	Phạm Xuân	Trí	12/10/1996	K20PSU-QNH	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.5	TBK	
2865	2020713622	Đặng Thị Bình	An	17/12/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK	
2866	2020714377	Hoàng Thị Mỹ	An	04/08/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
2867	2020723311	Nguyễn Thị Quỳnh	An	27/02/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
2868	2020213843	Nguyễn Minh	Anh	31/05/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK	
2869	2020713013	Nguyễn Thị Lan	Anh	25/01/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K	
2870	2020713609	Võ Lê Thị Trâm	Anh	30/09/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.1	K	
2871	2020714420	Võ Hoài Bảo	Anh	03/08/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	8.0	7.8					8.0	7.0	7.0	7.3		KĐĐK	
2872	2020714442	Phạm Thị Kim	Anh	10/08/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
2873	2020714547	Huỳnh Trần Thùy	Anh	20/07/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.1	K	
2874	2020714799	Lê Nguyễn Bích	Anh	20/01/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
2875	2020716844	Trần Thị Vân	Anh	23/11/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
2876	2021713893	Nguyễn Xuân	Bắc	29/07/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.5	TBK	
2877	2021348337	Nguyễn Văn	Bảo	20/10/1995	K20PSU-DLK	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.0	7.0	7.0	6.7	6.7	TBK	
2878	2021713752	Trần Công Duy	Bảo	25/2/1995	K20PSU-DLK	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.5	TBK	
2879	2020717186	Võ Thị	Bìn	07/10/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
2880	2021714239	Lê Tất	Ca	10/02/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	6.0	6.6										KĐĐK	
2881	2021715701	Châu Ngọc Tịnh	Chân	31/03/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
2882	2020713062	Ngô Thị Ngọc	Châu	26/02/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.6	TBK	
2883	2020716384	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	20/11/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
2884	2020355493	Đoàn Trần Kim	Chi	05/09/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	K	
2885	2020724158	Phạm Thị Hải	Cơ	03/12/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
2886	2021716091	Võ Thành	Công	25/04/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	6.0	7.0	7.0	K	
2887	2020713935	Nguyễn Thị	Cúc	18/09/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	9.0	8.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.5	K	
2888	2021123729	Lương Hoàng	Cương	05/11/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
2889	2020713051	Lê Viết	Cường	21/06/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
2890	2020714648	Phạm Hưng	Cường	03/09/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	7.0	7.0	7.0	6.6	TBK	
2891	2021256720	Nguyễn Nhật	Cường	20/04/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.6	TBK	
2892	2021714663	Phạm Nguyên	Cường	23/06/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	K	
2893	2021713458	Phạm Thành	Dân	15/07/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
2894	2020714494	Đặng Thị Hồng	Đào	15/08/1996	K20PSU-DLK	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
2895	2020518158	Hoàng Thị Kiều	Diễm	24/03/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK	
2896	2020714753	Nguyễn Thị Nguyễn	Đoan	09/03/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K	
2897	2021714562	Ngô	Du	23/04/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK	
2898	2021714332	Nguyễn Duy	Đức	19/07/1995	K20PSU-DLK	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	6.0	6.0	5.0	5.5	6.1	TBK	
2899	2020715012	Đinh Thị Thùy	Dung	03/01/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.6	TBK	
2900	2020715684	Phan Thị Thùy	Dung	06/09/1995	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	6.9	TBK	
2901	2020717505	Đinh Hoàng	Dung	06/08/1995	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.0	7.0	7.0	6.7	6.8	TBK	
2902	2021346987	Nguyễn Hoàng	Duy	18/05/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.6	TBK	
2903	2021713959	Nguyễn Anh	Duy	17/11/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
2904	2021715640	Trần Quang	Duy	14/08/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK	
2905	2021716089	Đinh Trần Khương	Duy	01/10/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK	
2906	2020345304	Nguyễn Thanh	Duyên	02/12/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K	
2907	2020647199	Nguyễn Thị Hữu	Duyên	27/12/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	7.0	6.0	6.5	6.7	TBK	
2908	2020714662	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	26/02/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
2909	2020714804	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	29/03/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
2910	2020716258	Phạm Thị Mỹ	Duyên	08/03/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK	
2911	2020717913	Trần Thị Trúc	Duyên	21/06/1995	K20PSU-DLK	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK	
2912	2020715668	Nguyễn Châu	Giang	23/03/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
2913	2020713939	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	30/04/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
2914	2020716078	Nguyễn Thị Thúy	Hà	17/05/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K	

2915	2020713661	Đinh Thị	Hải	02/03/1995	K20PSU-DLK	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	6.8	TBK	
2916	2021717310	Lê Trọng	Hân	13/10/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	5.0	5.0	6.0	5.5	6.1	TBK	
2917	2020714386	Trần Thị Thu	Hằng	24/09/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
2918	2020715924	Nguyễn Thu	Hằng	13/02/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.0	7.0	7.0	6.7	6.7	TBK	
2919	2020715044	Lê Thị Hồng	Hạnh	13/07/1995	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
2920	2020345426	Nguyễn Ngọc	Hiền	19/11/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK	
2921	2020713591	Đặng Thị Diệu	Hiền	25/07/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK	
2922	2020713689	Nguyễn Thị Như	Hiền	04/09/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
2923	2020714010	Nguyễn Thị Thu	Hiền	21/12/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K	
2924	2020714203	Nguyễn Thành	Hiển	22/04/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	6.0	7.0	7.0	6.7	6.4	TBK	
2925	2020714255	Nguyễn Dương Ngọc	Hiếu	04/07/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
2926	2020714806	Đoàn Thị Thu	Hoài	21/09/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
2927	2021713957	Ngô Minh	Huân	05/12/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK	
2928	2020213162	Trần Đình	Hùng	05/06/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.9	TBK	
2929	2020713870	Võ Thị	Hương	19/06/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
2930	2021348271	Nguyễn Văn	Huy	30/08/1995	K20PSU-DLK	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	5.0	6.1	5.0	7.0	7.0	6.4	6.2	TBK	
2931	2020717732	Trương Khánh	Huyền	04/04/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.0	7.0	7.0	6.7	6.9	TBK	
2932	2020341017	Lý Gia	Hy	14/09/1995	K20PSU-DLK	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.9	TBK	
2933	2021713466	Nguyễn Công Gia	Khải	01/02/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
2934	2021715737	Nguyễn Cửu	Khải	14/11/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	6.0	6.8	6.3	TBK	
2935	2020243443	Nguyễn Như Bảo	Khánh	02/02/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	6.0	7.0	6.9	TBK	
2936	2021713499	Nguyễn Đình	Lâm	29/04/1995	K20PSU-DLK	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
2937	2020345450	Võ Thị Tố	Lan	01/11/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K	
2938	2020717959	Nguyễn Thị Thùy	Liên	10/05/1995	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K	
2939	2020348480	Nguyễn Trần Hà	Linh	09/01/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK	
2940	2020714416	Nguyễn Mỹ	Linh	26/11/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K	
2941	2020716180	Huỳnh Lý Thùy	Linh	22/04/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
2942	2020716364	Mạc Thị Mai	Linh	01/01/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	8.0	7.0	7.5	7.1	K	
2943	1920716776	Hoàng Lê Ngọc	Lộc	28/02/1995	K20PSU-DLK	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
2944	2021714508	Huỳnh Hữu	Lộc	09/02/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK	
2945	2021716776	Hoàng Lê Ngọc	Lộc	28/2/1995	K20PSU-DLK	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	6.8	TBK	
2946	2021714756	Võ Lê Đức	Long	11/07/1995	K20PSU-DLK	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.7	TBK	
2947	2021727292	Võ Đình	Long	29/06/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	6.0	7.0	6.0	6.2	6.4	TBK	
2948	2021713567	Nguyễn Bá	Luân	19/06/1994	K20PSU-DLK	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	5.0	7.0	7.0	6.4	6.4	TBK	
2949	2021713365	Nguyễn Trung	Lương	28/10/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	6.0	6.0	7.0	6.5	6.3	TBK	
2950	2020348176	Lê Thị	Ly	01/05/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK	
2951	2020715854	Lê Ngô Khánh	Ly	23/09/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
2952	2020724079	Hồ Thị Thảo	Ly	22/07/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.1	K	
2953	2021358105	Nguyễn Huỳnh Nhật	Minh	30/04/1995	K20PSU-DLK	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	6.0	7.0	7.0	6.7	6.4	TBK	
2954	2021714336	Trần Khải	Minh	07/07/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	6.5	TBK	
2955	2020713747	Lê Thảo	My	18/07/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.4	K	
2956	2020713635	Huỳnh Thị Thanh	Mỹ	12/10/1995	K20PSU-DLK	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
2957	2020714125	Đặng Thị Vi	Na	06/06/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.5	TBK	
2958	2021714334	Hồ Quốc	Nam	28/12/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	5.0	6.1	6.0	7.0	5.0	5.7	6.4	TBK	
2959	2020713775	Nguyễn Phan Thùy	Ngân	24/11/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	9.0	8.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	7.6	K	
2960	2021216812	Huỳnh Trọng	Nghĩa	13/03/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	8.0	7.6	7.1	K	
2961	2020345332	Trần Nguyễn Như	Ngọc	15/03/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.5	TBK	
2962	2020714009	Hồ Thị Ánh	Ngọc	04/11/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
2963	2020714240	Nguyễn Lê Bảo	Ngọc	07/08/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
2964	2020714399	Cao Thị Hồng	Ngọc	10/04/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
2965	2020714569	Nguyễn Thị Tố	Ngọc	16/05/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.6	TBK	
2966	2020714660	Nguyễn Ngô Thảo	Ngọc	02/09/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K	
2967	2020715781	Đào Lê	Ngọc	23/07/1995	K20PSU-DLK	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
2968	2020324312	Nguyễn Thị Thảo	Nguyễn	12/09/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.5	TBK	
2969	2020345385	Huỳnh Thị Nhật	Nguyễn	11/10/1995	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK	
2970	2020713055	Nguyễn Thảo	Nguyễn	17/09/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
2971	2020714344	Hà Ngọc	Nguyễn	13/12/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	8.0	7.8	6.9	TBK	
2972	2021716366	Lại Thị Hạnh	Nguyễn	04/09/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
2973	2021714507	Kiều Quang	Nhật	29/01/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK	
2974	1920715702	Trần Thị Huỳnh	Nhi	16/06/1995	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	

2975	2020717573	Hoàng Thị Ý	Nhi	22/09/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	9.0	8.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.5	K
2976	2021715702	Trần Thị Huỳnh	Nhi	27/12/1993	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK
2977	2020718320	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	19/05/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K
2978	2020256176	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	06/12/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK
2979	2020710645	Hoàng Thị Quỳnh	Nhung	09/01/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK
2980	2020714655	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nhung	16/01/1996	K20PSU-DLK	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	8.0	7.0	7.2	6.7	TBK
2981	2020713902	Nguyễn Ánh Hồng	Ni	05/02/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK
2982	2021716324	Ngô La	Ny	20/02/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK
2983	2020710840	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	31/10/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK
2984	2021713857	Phạm Vũ	Phong	22/05/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK
2985	2020340881	Nguyễn Thị Thiện	Phúc	20/08/1995	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK
2986	2020713708	Hồ Minh	Phúc	08/04/1995	K20PSU-DLK	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K
2987	2020327519	Lê Lâm	Phụng	29/07/1995	K20PSU-DLK	8.0	7.0	9.0	8.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.3	K
2988	2020725035	Nguyễn Thái Anh	Phụng	21/05/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	6.6	TBK
2989	2020213099	Trần Nguyễn Như	Phương	15/04/1995	K20PSU-DLK	8.0	6.0	6.0	6.6	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	6.0	6.0	6.3	6.2	TBK
2990	2020713018	Bùi Kiều	Phương	26/12/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	6.0	7.0	7.0	6.7	6.9	TBK
2991	2020714987	Nguyễn Trần Đan	Phương	04/10/1996	K20PSU-DLK	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	G
2992	2020718065	Nguyễn Bích	Phương	17/08/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.6	TBK
2993	2021224126	Đoàn Ngọc	Phương	24/03/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.6	TBK
2994	2021713413	Hồ Nhật	Phương	24/08/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	6.0	7.0	7.0	6.7	6.6	TBK
2995	2020357022	Vũ Thị Cát	Phượng	29/07/1995	K20PSU-DLK	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	7.0	6.0	6.5	6.5	TBK
2996	2020715622	Trương Hoàng Minh	Quân	07/04/1995	K20PSU-DLK	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK
2997	2020724497	Ngô Lệ	Quân	04/11/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	7.0	7.0	7.0	6.7	TBK
2998	2020717930	Hồ Tôn Nữ Diễm	Quyên	24/10/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	6.0	7.0	6.7	TBK
2999	2020711907	Trần Thị Như	Quỳnh	17/12/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	6.0	7.0	7.0	K
3000	2020714435	Bùi Nguyễn Như	Quỳnh	23/04/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.6	TBK
3001	2020716542	Phạm Nguyễn Mai	Quỳnh	27/08/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K
3002	2021713509	Trương Tấn	Sang	06/10/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK
3003	2020715620	Nguyễn Thị Kiều	Sương	24/07/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	6.8	TBK
3004	2020718035	Hoàng Thị Thanh	Sương	10/01/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K
3005	2020340934	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	01/12/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.5	TBK
3006	2020714846	Nguyễn Thị Ý	Tây	22/05/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	6.9	TBK
3007	2020717957	Trần Thị	Thắm	28/01/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K
3008	2021340689	Nguyễn Văn Tấn	Thắng	20/10/1994	K20PSU-DLK	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.6	TBK
3009	2021718106	Võ Như	Thắng	29/04/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	7.0	6.9	6.9	TBK
3010	2021726030	Lê Tự Phước	Thắng	10/12/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	9.0	8.3	8.0	7.0	5.0	6.3	6.0	7.0	6.0	6.2	6.9	TBK
3011	2020513457	Đinh Thy Ý	Thành	23/04/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	8.0	6.0	7.0	6.4	TBK
3012	2021713596	Đỗ Đạt	Thành	20/06/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K
3013	2020214151	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	12/05/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	6.0	7.0	7.2	K
3014	2020358499	Lục Phan Thu	Thảo	10/07/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.3	TBK
3015	2020713727	Trần Thu	Thảo	12/01/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK
3016	2020713822	Nguyễn Thị Phương	Thảo	01/05/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
3017	2020713956	Nguyễn Thị Thạch	Thảo	27/03/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.1	K
3018	2020714363	Nguyễn Thị Hiền	Thảo	24/12/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	8.5	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	G
3019	2020716395	Nguyễn Thị	Thảo	01/04/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K
3020	2021713380	Lê Đoàn Anh	Thảo	23/01/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK
3021	2021713826	Nguyễn Hữu	Thịnh	03/10/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK
3022	2021714980	Trần Đình	Thông	12/01/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK
3023	2020224202	Nguyễn Thị Minh	Thư	30/09/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
3024	2020715778	Nguyễn Thị Ngọc	Thư	04/11/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	K
3025	2020718400	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	09/11/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K
3026	2020716270	Phan Thị Hoài	Thương	09/10/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK
3027	2020326362	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	09/09/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	K
3028	2020718373	Trần Thị Thanh	Thúy	12/10/1995	K20PSU-DLK	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK
3029	2021714072	Cao Thị Thanh	Thúy	13/09/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
3030	2020356127	Nguyễn Thị Ngọc	Thủy	04/04/1995	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK
3031	2020714417	Trần Thị Thanh	Thủy	09/03/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
3032	2020716605	Huỳnh Thị Bích	Thủy	26/04/1995	K20PSU-DLK	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
3033	2020710766	Nguyễn Ngọc Đan	Thy	01/01/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK
3034	2020713713	Phạm Ngọc Quỳnh	Tiên	17/10/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK

3035	2020714251	Nguyễn Ngọc Cát	Tiền	07/08/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.6	TBK		
3036	2021714393	Nguyễn Cao	Tiền	23/12/1995	K20PSU-DLK	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	6.0	7.0	6.0	6.2	6.4	TBK		
3037	2020215838	Lê Thị Quý	Tĩnh	13/10/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	K		
3038	2020716119	Trần Thị Kim	Tòa	09/05/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K		
3039	2021713744	Phan Hoàng Thanh	Toàn	31/10/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.6	TBK		
3040	2020713054	Nguyễn Thị Hồng	Trâm	31/03/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK		
3041	2020716288	Nguyễn Ngọc Thảo	Trâm	29/03/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	K		
3042	2020717829	Thân Thị Hiền	Trâm	24/10/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.5	K		
3043	2020712700	Đặng Thị Thùy	Trang	08/04/1996	K20PSU-DLK	8.0	8.0	9.0	8.5	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	G		
3044	2020713839	Lê Thị Thùy	Trang	15/12/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K		
3045	2020713844	Nguyễn Hoàng Uyên	Trang	26/12/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	6.9	TBK		
3046	2020714364	Nguyễn Thị Diễm	Trang	05/03/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.4	K		
3047	2020714568	Nguyễn Minh	Trang	28/12/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	8.0	7.8	7.0	K		
3048	2020713122	Lê Minh	Trắng	30/01/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.4	K		
3049	2021715667	Trần Việt	Trí	27/10/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	8.0	7.8	6.8	TBK		
3050	2020714683	Nguyễn Thị Thùy	Triều	22/08/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK		
3051	2020713197	Nguyễn Huỳnh Bảo	Trình	09/04/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	6.0	7.0	6.7	TBK		
3052	2020714444	Mai Thị Mỹ	Trình	20/10/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K		
3053	2021716867	Bùi Thái	Trọng	04/08/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K		
3054	2020718340	Trương Ái Thanh	Trúc	09/08/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	5.0	6.1	7.0	6.0	5.0	5.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.4	TBK		
3055	2020340987	Lâm Thị Cẩm	Tú	11/09/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	6.0	7.0	7.0	K		
3056	2020348235	Lê Hà Cẩm	Tú	25/11/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.5	TBK		
3057	2020348497	Lê Trần Ngọc	Tú	28/08/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	8.5	8.1	8.0	7.0	9.0	8.3	8.0	7.0	8.5	8.1	8.2	G		
3058	2021348153	Huỳnh Anh	Tuần	24/02/1996	K20PSU-DLK	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK		
3059	2021714343	Nguyễn Lê Thanh	Tùng	17/10/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.7	TBK		
3060	2021714356	Phan Gia	Tùng	29/03/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.5	TBK		
3061	2020355481	Trần Thị Ngọc	Tuyết	26/06/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.7	TBK		
3062	2020637873	Nguyễn Thị	Ty	06/10/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK		
3063	2020714283	Nguyễn Thị Hoàng	Uyên	02/08/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK		
3064	2020717460	Trần Thị Thu	Uyên	20/09/1995	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K		
3065	2020724549	Vương Hoàng	Uyên	26/09/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.6	TBK		
3066	2020345302	Phan Thị Hồng	Vân	06/06/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	6.0	7.0	6.7	TBK		
3067	2020716185	Ngô Thị Ánh	Vân	12/08/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K		
3068	2020715631	Lê Trần Thúy	Vi	03/07/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K		
3069	2020716611	Hoàng Thị Thảo	Vi	12/11/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K		
3070	2021713484	Lê Trần Bá	Vinh	15/02/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	7.1	K		
3071	2021713670	Nguyễn Đình	Vương	22/01/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K		
3072	2021725873	Lê Anh	Vương	01/06/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	7.6	K		
3073	2020714293	Đào Hoàng Anh	Vy	04/11/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK		
3074	2020714366	Trần Thúy	Vy	19/08/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K		
3075	2020716391	Trần Thị Ngọc	Vy	10/11/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.6	TBK		
3076	2020716392	Nguyễn Thị Thúy	Vy	03/10/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K		
3077	2020718362	Nguyễn Quỳnh	Vy	29/10/1996	K20PSU-DLK	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.6	TBK		
3078	2020714563	Nguyễn Hà Bảo	Yến	10/12/1996	K20PSU-DLK	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK		
3079	2021127757	Lê Thiên	Ân	31/03/1996	K20CMU-TPM	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	5.0	6.1	7.0	6.0	7.0	6.8	6.5	TBK		
3080	2021121911	Phan Sỹ Nhật	Anh	11/09/1996	K20CMU-TPM	7.0	6.0	5.0	5.8	8.0	6.0	5.0	6.1	7.0	6.0	6.0	6.3	6.1	TBK		
3081	2021124410	Nguyễn Trung	Anh	19/05/1996	K20CMU-TPM	7.0	5.0	6.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK		
3082	2021127064	Lê Tuấn	Anh	20/06/1995	K20CMU-TPM	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	6.9	TBK		
3083	2021125062	Ngô Khắc	Bắc	18/06/1995	K20CMU-TPM	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.6	TBK	
3084	2021127328	Lê Huy	Bảo	05/09/1996	K20CMU-TPM	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.6	TBK		
3085	2021123968	Phan Trọng	Bình	05/11/1996	K20CMU-TPM	7.0	6.0	6.0	6.3	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	7.0	7.1	6.4	TBK		
3086	1921142608	Phạm Chí	Cường	31/5/1995	K20CMU-TPM	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	5.0	6.1	7.0	6.0	6.0	6.3	6.5	TBK		
3087	2021123434	Huỳnh Bá	Cường	25/02/1995	K20CMU-TPM	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK		
3088	2021124101	Nguyễn Văn	Danh	13/08/1996	K20CMU-TPM	7.0	6.0	6.0	6.3	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.6	TBK		
3089	2021124813	Đoàn Thành	Đạt	27/01/1996	K20CMU-TPM	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	6.9	TBK		
3090	2021124490	Đỗ Thanh	Đô	05/01/1996	K20CMU-TPM	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	7.0	7.1	6.4	TBK		
3091	2021123885	Nguyễn Trần Huy	Đức	09/06/1996	K20CMU-TPM	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	6.0	5.0	6.1	7.0	7.0	7.0	7.0	6.6	TBK		
3092	2020124348	Lê Thị Thùy	Dung	18/11/1996	K20CMU-TPM	7.0	6.0	6.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	6.7	TBK		
3093	2021123938	Dương Công	Dũng	13/07/1996	K20CMU-TPM	7.0	6.0	5.0	5.8	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	7.0	6.0	6.5	6.2	TBK		
3094	2021126514	Phan Văn	Dũng	24/07/1995	K20CMU-TPM	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK		

3095	2021123665	Nguyễn Tùng	Dương	26/01/1996	K20CMU-TPM	7.0	7.0	8.0	7.5	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
3096	2021124521	Võ Ngọc	Duy	23/05/1995	K20CMU-TPM	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
3097	2021124017	Phạm Văn	Hân	10/05/1996	K20CMU-TPM	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	6.0	5.0	6.1	6.0	7.0	7.0	6.7	6.5	TBK	
3098	2021124352	Trần Ngọc	Hay	10/09/1995	K20CMU-TPM	7.0	5.0	5.0	5.6	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	7.0	7.1	6.3	TBK	
3099	2021126613	Trần Xuân	Hiệp	02/10/1995	K20CMU-TPM	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
3100	2021124325	Văn Quý	Hiếu	14/03/1996	K20CMU-TPM	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	7.0	7.1	6.8	TBK	
3101	2021124597	Mai Vũ	Hòa	29/08/1996	K20CMU-TPM	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	5.0	6.0	6.4	6.3	TBK	
3102	2021124832	Trần Kim	Hoàng	14/01/1995	K20CMU-TPM	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.7	TBK	
3103	2021125049	Hồ Minh	Hoàng	10/12/1996	K20CMU-TPM	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	7.0	7.1	7.0	7.0	6.0	6.5	6.7	TBK	
3104	2021125661	Trương Quốc	Hoàng	25/03/1995	K20CMU-TPM	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	5.0	6.0	6.4	6.0	7.0	7.0	6.7	6.7	TBK	
3105	2021123364	Lê Mạnh	Hùng	07/09/1995	K20CMU-TPM	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
3106	2021434819	Đỗ Xuân	Hùng	20/6/1996	K20CMU-TPM	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	5.0	5.9	7.0	7.0	6.0	6.5	6.3	TBK	
3107	2021127102	Nguyễn Văn Phước	Hưng	12/11/1996	K20CMU-TPM	8.0	5.0	8.0	7.4	8.0	6.0	5.0	6.1	6.0	6.0	8.0	7.0	6.8	TBK	
3108	2021348152	Nguyễn Minh	Hưng	21/11/1996	K20CMU-TPM					8.0	6.0	5.0	6.1	7.0	7.0	7.0	7.0		KĐĐK	
3109	2021124807	Nguyễn Hồng Doãn	Huy	06/03/1996	K20CMU-TPM	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K	
3110	2021125664	Trần Thanh	Huy	14/04/1996	K20CMU-TPM	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	5.0	6.1	6.0	7.0	6.0	6.2	6.4	TBK	
3111	2021125890	Võ Văn	Huy	04/04/1996	K20CMU-TPM	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
3112	2021244467	Thái Nguyễn Bá	Huy	05/06/1996	K20CMU-TPM	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.5	TBK	
3113	2021358415	Nguyễn Thanh	Huy	15/05/1995	K20CMU-TPM	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	7.0	7.1	6.8	TBK	
3114	2021124947	Nguyễn Việt	Huyền	03/10/1996	K20CMU-TPM	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.3	TBK	
3115	2020113005	Lý Bảo	Khánh	08/10/1991	K20CMU-TPM	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.5	TBK	
3116	2020114713	Châu Anh	Khánh	22/02/1996	K20CMU-TPM	7.0	5.0	6.0	6.1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	7.0	7.1	6.4	TBK	
3117	2021123782	Lê Đình Nhật	Khánh	26/07/1996	K20CMU-TPM	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	5.0	5.0	5.9	7.0	6.0	7.0	6.8	6.5	TBK	
3118	2021123792	Võ Quang	Khánh	23/05/1995	K20CMU-TPM	7.0	6.0	6.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	6.0	7.0	7.0	6.7	6.4	TBK	
3119	2021124349	Võ Hoàng Minh	Khánh	16/06/1996	K20CMU-TPM	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.5	TBK	
3120	2021513830	Lê Nguyên	Khôi	21/05/1996	K20CMU-TPM	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
3121	2021124604	Nguyễn Trần	Khuong	28/10/1996	K20CMU-TPM	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
3122	2021123947	Hoàng Quang	Kim	02/02/1995	K20CMU-TPM	7.0	6.0	6.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	6.0	7.0	6.8	6.5	TBK	
3123	2021126182	Bùi Văn	Lai	18/04/1996	K20CMU-TPM	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	5.0	6.1	7.0	7.0	7.0	7.0	6.7	TBK	
3124	2021123742	Lê Xuân	Lâm	30/01/1996	K20CMU-TPM	7.0	6.0	5.0	5.8	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	6.0	7.0	6.8	6.3	TBK	
3125	2021124945	Ngô Xuân	Lâm	06/08/1996	K20CMU-TPM	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.3	TBK	
3126	2021128069	Lê Thanh	Lâm	30/11/1996	K20CMU-TPM	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	7.0	7.0	7.0	6.4	TBK	
3127	2020127964	Nguyễn Thị Như	Lệ	02/01/1996	K20CMU-TPM	7.0	5.0	6.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.6	TBK	
3128	2020123980	Đào Thị Ngọc	Liên	03/09/1996	K20CMU-TPM	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
3129	2020127744	Doãn Diệp	Linh	19/04/1996	K20CMU-TPM	7.0	6.0	6.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
3130	2021128397	Mai Bảo	Lộc	19/03/1996	K20CMU-TPM	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	7.0	7.1	6.8	TBK	
3131	2021124606	Nguyễn Duy	Long	10/10/1995	K20CMU-TPM	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	6.7	TBK	
3132	2021124603	Trương Tấn	Luân	15/12/1996	K20CMU-TPM	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	7.0	7.1	6.6	TBK	
3133	2021125671	Lê Quốc	Mạnh	20/10/1996	K20CMU-TPM	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
3134	2020125883	Thái Thị Hồng	Minh	13/03/1996	K20CMU-TPM	7.0	7.0	9.0	8.0	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.2	K	
3135	2021124413	Hoài Nguyễn Anh	Minh	23/08/1996	K20CMU-TPM	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	6.0	6.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.7	TBK	
3136	2021127334	Đỗ Phạm Hoàng	Minh	11/08/1996	K20CMU-TPM	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
3137	2021123741	Nguyễn Nhật	Nam	18/04/1996	K20CMU-TPM	7.0	5.0	6.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	TBK	
3138	2021513402	Nguyễn Đắc	Nam	07/03/1996	K20CMU-TPM	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
3139	2020127769	Lê Kim	Nghĩa	02/01/1995	K20CMU-TPM	7.0	6.0	6.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	TBK	
3140	2021124432	Nguyễn Trọng	Nghĩa	10/02/1996	K20CMU-TPM	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	6.0	6.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.8	TBK	
3141	2021123345	Lương Văn	Nguyễn	15/08/1996	K20CMU-TPM	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	6.0	6.6	6.4	TBK	
3142	2021123542	Trần Hoàng Phước	Nguyễn	25/11/1996	K20CMU-TPM	7.0	6.0	6.0	6.3	8.0	6.0	5.0	6.1	6.0	6.0	8.0	7.0	6.5	TBK	
3143	2021125083	Võ Đăng	Nguyễn	01/09/1996	K20CMU-TPM					8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	7.0	7.0	7.0		KĐĐK	
3144	2020112702	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	29/08/1996	K20CMU-TPM	7.0	7.0	8.0	7.5	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.3	K	
3145	2020113165	Nguyễn Minh	Nhân	14/03/1996	K20CMU-TPM	7.0	6.0	6.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.5	TBK	
3146	2021340726	Trần Hữu Thiện	Nhân	28/08/1995	K20CMU-TPM	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	6.8	TBK	
3147	2021126688	Nguyễn Minh	Nhật	19/05/1995	K20CMU-TPM	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.2	K	
3148	2021124100	Phạm Thành	Nhật	02/01/1996	K20CMU-TPM	7.0	6.0	6.0	6.3	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.6	TBK	
3149	2021123407	Nguyễn Đức	Pháp	17/10/1995	K20CMU-TPM	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
3150	2021124408	Trần Duy Nhật	Phương	07/01/1996	K20CMU-TPM	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	8.0	7.0	7.2	6.7	TBK	
3151	2021123507	Vương Nhật	Quang	28/08/1996	K20CMU-TPM	7.0	6.0	5.0	5.8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	7.0	7.1	6.5	TBK	
3152	2021123671	Nguyễn Hữu Đăng	Quang	03/05/1996	K20CMU-TPM	7.0	6.0	6.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	6.0	6.0	6.3	6.5	TBK	
3153	2021127276	Trần	Quang	15/02/1996	K20CMU-TPM	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	7.0	7.1	6.6	TBK	
3154	2020166298	Thái Hàn	Quốc	17/11/1996	K20CMU-TPM	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	6.0	5.0	6.1	6.0	7.0	6.0	6.2	6.4	TBK	

3155	2021123594	Đoàn Hoàng Ngọc	Quý	05/09/1996	K20CMU-TPM	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	5.0	5.0	5.9	6.0	7.0	6.0	6.2	6.3	TBK	
3156	2021125064	Trần Trường	Quý	27/02/1996	K20CMU-TPM	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	5.0	6.1	7.0	6.0	7.0	6.8	6.5	TBK	
3157	2021127165	Trần Quang Bảo	Quý	14/06/1996	K20CMU-TPM	8.0	5.0	5.0	5.9	6.0	6.0	5.0	5.5	8.0	6.0	7.0	7.1	6.2	TBK	
3158	2021126308	Lê Ngọc	Rin	24/04/1996	K20CMU-TPM	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	5.0	5.0	5.9	7.0	6.0	7.0	6.8	6.5	TBK	
3159	2021127456	Hồ Tịnh	Sinh	13/01/1995	K20CMU-TPM	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
3160	2020112967	Trần Bình	Sơn	09/05/1996	K20CMU-TPM	7.0	5.0	6.0	6.1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	5.0	6.0	6.4	6.2	TBK	
3161	2020115750	Nguyễn Ngọc	Sơn	07/10/1996	K20CMU-TPM	7.0	6.0	8.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	6.0	7.0	6.0	6.2	6.6	TBK	
3162	2021126011	Nguyễn Tùng	Sơn	28/05/1995	K20CMU-TPM	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK	
3163	2021128347	Nguyễn Hồng	Sơn	14/11/1996	K20CMU-TPM	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	5.0	6.1	7.0	7.0	7.0	7.0	6.3	TBK	
3164	2020123888	Trần Thị Thảo	Sương	09/09/1996	K20CMU-TPM	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
3165	2021217474	Hoàng Văn	Sỹ	17/03/1995	K20CMU-TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K	
3166	2021123909	Đặng Tấn	Tài	01/09/1996	K20CMU-TPM	7.0	5.0	6.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	TBK	
3167	2021125633	Trần Anh	Tài	17/02/1996	K20CMU-TPM	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	6.0	6.0	7.0	6.5	6.3	TBK	
3168	2021124243	Phan Thanh	Tây	02/12/1995	K20CMU-TPM	7.0	5.0	6.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	6.0	6.6	6.3	TBK	
3169	2021125915	Trần Quốc	Thắng	02/12/1995	K20CMU-TPM	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
3170	2021127743	Hoàng Bá Gia	Thành	27/05/1995	K20CMU-TPM	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.5	TBK	
3171	2021348332	Nguyễn Văn	Thành	29/02/1996	K20CMU-TPM	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	7.0	7.1	6.6	TBK	
3172	2021126378	Trương Bảo	Thị	30/10/1995	K20CMU-TPM	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.7	TBK	
3173	2021124273	Huỳnh Ngọc	Thiện	25/04/1996	K20CMU-TPM	7.0	6.0	6.0	6.3	8.0	5.0	5.0	5.9	7.0	6.0	6.0	6.3	6.2	TBK	
3174	2021126380	Huỳnh Phú	Thịnh	26/09/1996	K20CMU-TPM	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	5.0	6.1	7.0	5.0	7.0	6.6	6.4	TBK	
3175	2021126906	Nguyễn Hữu	Thịnh	06/07/1996	K20CMU-TPM	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.6	TBK	
3176	2021127483	Trần Nhật	Thịnh	24/05/1996	K20CMU-TPM	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	5.0	5.9	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	TBK	
3177	2021123556	Phan Huy	Thông	12/05/1995	K20CMU-TPM	7.0	6.0	5.0	5.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.3	TBK	
3178	2021124288	Trần Văn	Thức	23/08/1996	K20CMU-TPM	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
3179	2021124572	Lê Hữu	Tiến	03/06/1996	K20CMU-TPM	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	6.8	TBK	
3180	2021126143	Trần Đại	Tiến	20/11/1996	K20CMU-TPM	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK	
3181	2021128156	Nguyễn Mỹ	Toàn	19/01/1995	K20CMU-TPM	8.0	5.0	8.0	7.4					8.0	6.0	7.0	7.1		KĐĐK	
3182	2021128308	Nguyễn Tấn	Toàn	24/04/1996	K20CMU-TPM	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
3183	2021145087	Trần Việt	Toàn	10/12/1995	K20CMU-TPM	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
3184	2020713970	Dương Bảo	Trần	08/10/1996	K20CMU-TPM	7.0	5.0	6.0	6.1					8.0	7.0	7.0	7.3		KĐĐK	
3185	2021124433	Văn Phú Thành	Trí	12/12/1996	K20CMU-TPM	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.3	TBK	
3186	2021124634	Phạm Văn	Trí	02/09/1996	K20CMU-TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	7.0	6.0	6.5	6.7	TBK	
3187	2021123461	Ngô Quang	Trung	30/03/1996	K20CMU-TPM	7.0	5.0	6.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	6.5	TBK	
3188	2021123731	Đỗ Thế	Trung	03/01/1996	K20CMU-TPM	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
3189	2021125933	Trần Đình	Trung	19/08/1996	K20CMU-TPM	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.5	TBK	
3190	2020112973	Trần Minh	Tú	05/06/1996	K20CMU-TPM	7.0	5.0	8.0	7.1	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	6.0	6.6	6.5	TBK	
3191	2021127739	Võ Ngọc Minh	Tú	01/09/1996	K20CMU-TPM	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
3192	2021124525	Nguyễn Anh	Tuấn	09/05/1996	K20CMU-TPM	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
3193	2021114350	Dương Nguyễn Anh	Tùng	29/04/1996	K20CMU-TPM	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
3194	2021123656	Dương Thanh	Tùng	18/08/1996	K20CMU-TPM	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK	
3195	2021125632	Trần Xuân	Tùng	15/01/1996	K20CMU-TPM	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	5.0	6.1	6.0	7.0	7.0	6.7	6.7	TBK	
3196	2021173833	Phạm Xuân	Tuyên	17/08/1996	K20CMU-TPM	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
3197	2020113167	Nguyễn Đắc	Viên	13/08/1996	K20CMU-TPM	7.0	6.0	5.0	5.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.6	TBK	
3198	2021127578	Lê Anh	Việt	20/04/1995	K20CMU-TPM	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	TBK	
3199	2021127275	Trần	Vinh	15/02/1996	K20CMU-TPM	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.6	TBK	
3200	2020113114	Lữ Thanh	Vinh	13/03/1996	K20CMU-TPM	7.0	6.0	8.0	7.3	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	7.0	7.1	6.8	TBK	
3201	2021123719	Hồ Anh	Vũ	12/04/1996	K20CMU-TPM	7.0	6.0	5.0	5.8	8.0	5.0	5.0	5.9	7.0	6.0	7.0	6.8	6.2	TBK	
3202	2021123872	Nguyễn Đăng	Vũ	23/07/1996	K20CMU-TPM	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	7.0	7.0	7.0	6.7	TBK	
3203	2020113206	Lê Trần Bảo	An	15/09/1995	K20CMU-TMT	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.3	TBK	
3204	2021216483	Võ Quốc	Cường	03/02/1995	K20CMU-TMT	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	7.0	6.0	6.5	6.2	TBK	
3205	2021113358	Phạm Ngọc	Đại	20/03/1996	K20CMU-TMT	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
3206	2021116881	Phan Bá Hải	Đặng	27/02/1996	K20CMU-TMT	8.0	5.0	8.0	7.4	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	7.0	6.0	6.5	6.7	TBK	
3207	2020113571	Trần Thị Ngọc	Dung	17/09/1996	K20CMU-TMT	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	6.0	6.0	6.3	6.5	TBK	
3208	2021113503	Nguyễn Văn	Dũng	30/04/1993	K20CMU-TMT									8.0	8.0	6.0	7.0		KĐĐK	
3209	2021116045	Nguyễn Văn	Dũng	13/04/1996	K20CMU-TMT	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	6.0	6.6	6.5	TBK	
3210	2021116690	Đỗ Nguyễn	Duy	10/04/1996	K20CMU-TMT	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	7.0	6.0	6.5	6.3	TBK	
3211	2021117775	Hồng Hải	Hậu	18/02/1996	K20CMU-TMT	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.5	TBK	
3212	2021117718	Đậu Văn	Hiếu	22/08/1996	K20CMU-TMT	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK	
3213	2021118307	Nguyễn Mạnh	Hùng	13/10/1995	K20CMU-TMT	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.4	TBK	
3214	2021115774	Hoàng Đức	Huy	21/08/1996	K20CMU-TMT	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.3	TBK	

3215	2021117485	Võ Trung	Huy	13/08/1996	K20CMU-TMT	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.3	TBK	
3216	2021114434	Nguyễn Đắc	Long	27/04/1996	K20CMU-TMT	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
3217	2021125932	Nguyễn Thành	Long	10/04/1994	K20CMU-TMT	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	6.0	6.4	6.8	TBK	
3218	2021114884	Nguyễn	Lực	19/04/1996	K20CMU-TMT	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.4	TBK	
3219	2021113490	Hoàng Nguyễn Bình	Minh	08/10/1996	K20CMU-TMT	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.7	TBK	
3220	2021114538	Nguyễn Ngọc	Quang	21/10/1996	K20CMU-TMT	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	6.0	6.6	6.8	TBK	
3221	2020112937	Nguyễn Anh	Tây	04/04/1996	K20CMU-TMT	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	5.0	6.1	7.0	6.0	6.0	6.3	6.1	TBK	
3222	2020117081	Nguyễn Thị Hoàng	Thảo	25/05/1996	K20CMU-TMT	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK	
3223	2021113449	Phan Nguyễn Xuân	Thiện	25/08/1996	K20CMU-TMT	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.4	TBK	
3224	2021114421	Hồ Phước	Thịnh	08/12/1996	K20CMU-TMT	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	8.0	8.0	7.7	6.9	TBK	
3225	1921126470	Phan Duy	Thuận	24/12/1995	K20CMU-TMT	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK	
3226	2021113341	Mai Xuân	Thương	30/09/1994	K20CMU-TMT	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	6.0	6.8	6.4	TBK	
3227	2020116292	Trương Ngọc	Tín	14/02/1996	K20CMU-TMT	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	6.0	6.6	6.4	TBK	
3228	2021114885	Lê Minh	Trí	29/02/1996	K20CMU-TMT	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK	
3229	2020113196	Nguyễn Minh	Trình	01/01/1996	K20CMU-TMT	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.5	TBK	
3230	2021116778	Nguyễn Ngọc	Tuấn	13/06/1996	K20CMU-TMT	8.0	5.0	7.0	6.9	7.0	7.0	5.0	6.0	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK	
3231	2021125791	Lương Đỗ Nguyễn Anh	Tuấn	02/06/1996	K20CMU-TMT	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	6.0	5.0	6.1	7.0	6.0	6.0	6.3	6.4	TBK	
3232	2020114707	Phan Văn	Tùng	04/01/1996	K20CMU-TMT	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.7	TBK	
3233	2021115969	Nguyễn Sơn	Tùng	26/02/1996	K20CMU-TMT	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	6.0	6.5	6.5	TBK	
3234	2021114513	Đương Quang	Văn	28/10/1996	K20CMU-TMT	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	6.0	7.0	6.4	TBK	
3235	2021117890	Nguyễn Hoàng	Việt	02/10/1996	K20CMU-TMT	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK	
3236	2021114451	Nguyễn Thịnh	Vượng	12/03/1996	K20CMU-TMT	8.0	7.0	6.0	6.8					7.0	8.0	7.0	7.2		KĐĐK	
3237	2020123147	Đinh Đình	Xuân	22/11/1996	K20CMU-TMT	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK	
3238	2020123871	Nguyễn Thị Thùy	Châu	12/03/1996	K20CMU-TTT	8.0	6.0	9.0	8.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	7.0	7.0	7.0	7.5	K	
3239	1921146155	Lý Quốc	Chương	04/05/1995	K20CMU-TTT	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
3240	2020146725	Phạm Thị Thủy	Điểm	14/09/1996	K20CMU-TTT	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	7.0	7.0	7.0	6.8	TBK	
3241	2021147139	Đặng Ngọc Thế	Dũng	14/06/1992	K20CMU-TTT	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.7	TBK	
3242	2020147296	Trần Cao Khánh	Hà	07/03/1996	K20CMU-TTT	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	8.0	7.0	7.2	6.5	TBK	
3243	2020524472	Nguyễn Thị Thủy	Hà	17/03/1996	K20CMU-TTT	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
3244	2021148108	Nguyễn Đức	Hoàng	29/10/1996	K20CMU-TTT	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	7.0	7.1	7.0	6.0	6.0	6.3	6.6	TBK	
3245	2021213587	Huỳnh Thanh	Hưng	06/01/1994	K20CMU-TTT	8.0	5.0	8.0	7.4	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
3246	1921149510	Đào Xuân	Huy	15/01/1995	K20CMU-TTT	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK	
3247	2020357284	Phan Thị Hương	Lam	10/03/1996	K20CMU-TTT	8.0	7.0	9.0	8.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.5	K	
3248	2020114873	Nguyễn Thị Xuân	Mỹ	10/06/1996	K20CMU-TTT	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	7.0	7.0	7.0	7.1	K	
3249	2010113119	Hồ Thị Hà	Nguyễn	10/12/1996	K20CMU-TTT	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	8.0	7.0	7.2	6.5	TBK	
3250	2020216231	Lê Phan Linh	Nguyễn	22/10/1995	K20CMU-TTT	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	7.0	7.0	7.0	6.7	TBK	
3251	2021433707	Châu Hoàng	Pháp	27/12/1996	K20CMU-TTT	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	6.8	TBK	
3252	2021144068	Nguyễn Phạm Hoàng	Sơn	01/10/1996	K20CMU-TTT	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	6.0	7.0	6.9	TBK	
3253	2021433960	Trần Văn	Thái	01/05/1996	K20CMU-TTT	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	6.8	TBK	
3254	2021143408	Nguyễn Đăng	Thạnh	26/04/1996	K20CMU-TTT	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	6.0	7.0	6.9	TBK	
3255	2020143508	Phí Lê Thu	Thảo	17/07/1996	K20CMU-TTT	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K	
3256	2020125639	Nguyễn Thị Minh	Tiền	18/05/1996	K20CMU-TTT	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.4	K	
3257	2020527200	Hà Thị	Trang	07/09/1996	K20CMU-TTT	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.1	K	
3258	2021143323	Trần Quang	Trung	09/01/1995	K20CMU-TTT					8.0	6.0	5.0	6.1	6.0	7.0	6.0	6.2		KĐĐK	
3259	2021144387	Kim Trần Minh	Tuân	12/03/1996	K20CMU-TTT	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	6.0	6.6	6.9	TBK	
3260	2021143598	Trần Duy	Tuệ	09/07/1996	K20CMU-TTT	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	8.0	6.0	6.7	6.9	TBK	
3261	2021418422	Đinh Ngọc	Cường	14/01/1996	K20CSU-KTR	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	6.0	7.0	6.8	6.9	TBK	
3262	2021416587	Lê Quốc	Đạt	12/06/1996	K20CSU-KTR	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	6.0	7.0	6.8	6.7	TBK	
3263	2021414234	Lê Hoài Nghĩa	Hiệp	12/09/1995	K20CSU-KTR	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	5.0	6.1	7.0	6.0	6.0	6.3	6.3	TBK	
3264	2021416671	Lê Nhật	Hiếu	13/06/1995	K20CSU-KTR	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	6.0	5.0	5.8	6.3	TBK	
3265	2021415136	Nguyễn Quốc	Hoàng	18/10/1996	K20CSU-KTR	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	6.0	6.0	6.3	6.6	TBK	
3266	2021415022	Phạm Xuân	Huy	12/11/1995	K20CSU-KTR	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	6.0	7.0	6.8	7.1	K	
3267	2021415131	Nguyễn Lâm Vũ	Huy	02/08/1996	K20CSU-KTR	8.0	5.0	8.0	7.4	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK	
3268	2021416133	Lê Đình	Kiệt	09/02/1996	K20CSU-KTR	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	7.0	6.0	6.5	6.2	TBK	
3269	2020413294	Nguyễn Xuân	Long	07/12/1996	K20CSU-KTR	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	6.0	5.0	6.1	7.0	7.0	6.0	6.5	6.5	TBK	
3270	2021415115	Lại Thanh	Long	17/08/1996	K20CSU-KTR					8.0	5.0	5.0	5.9	7.0	5.0	7.0	6.6		KĐĐK	
3271	2021415126	Nguyễn Duy	Nghĩa	22/02/1996	K20CSU-KTR	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	5.0	6.0	6.4	7.0	7.0	7.0	7.0	6.6	TBK	
3272	2020415159	Hồ Ngọc Tâm	Nguyễn	04/01/1995	K20CSU-KTR	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	7.0	7.0	7.0	6.6	TBK	
3273	2021416393	Nguyễn Trọng	Nhân	05/01/1996	K20CSU-KTR	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	5.0	5.9	7.0	6.0	7.0	6.8	6.5	TBK	
3274	2021724552	Nguyễn	Phán	30/4/1996	K20CSU-KTR	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	7.0	6.9	6.5	TBK	

3275	2020413301	Mai Thanh	Son	11/06/1996	K20CSU-KTR	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	6.6	TBK	
3276	2021414946	Nguyễn Hữu	Tài	18/09/1996	K20CSU-KTR					8.0	5.0	5.0	5.9	7.0	6.0	5.0	5.8		KDDK	
3277	2021415121	Phan Duy	Tân	12/01/1996	K20CSU-KTR	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	6.0	7.0	6.8	6.6	TBK	
3278	2021416728	Võ Văn	Thái	28/08/1996	K20CSU-KTR	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	6.0	6.6	6.8	TBK	
3279	2021417443	Trương Tấn	Thành	03/08/1996	K20CSU-KTR	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.3	TBK	
3280	2021413519	Đỗ Mạnh	Tiến	14/04/1996	K20CSU-KTR	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	5.0	6.1	7.0	7.0	6.0	6.5	6.3	TBK	
3281	2021425147	Đỗ Mạnh	Tuân	01/11/1996	K20CSU-KTR	8.0	5.0	8.0	7.4	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	6.9	TBK	
3282	2020418445	Hồ Ngọc Uyên	Uyên	30/08/1996	K20CSU-KTR	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	6.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.7	TBK	
3283	2020613232	Hoàng Tuấn	Anh	13/11/1991	K20CSU-XDD	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	6.0	6.6	6.4	TBK	
3284	2021610557	Nguyễn Hoàng	Công	02/03/1996	K20CSU-XDD	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	7.0	7.1	6.5	TBK	
3285	2021613961	Bùi Mạnh	Cường	21/04/1996	K20CSU-XDD	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	6.0	6.8	6.4	TBK	
3286	2021616708	Trần Đình	Đạt	19/07/1995	K20CSU-XDD	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	6.0	6.6	6.4	TBK	
3287	2021616777	Trần Đức	Hiếu	14/03/1996	K20CSU-XDD	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	5.0	6.0	6.4	6.2	TBK	
3288	2021614677	Nguyễn Đăng	Lâm	11/05/1996	K20CSU-XDD	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	7.0	7.1	6.7	TBK	
3289	2021613667	Nguyễn Quốc	Lưu	12/02/1995	K20CSU-XDD	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	6.0	6.6	6.2	TBK	
3290	1921173897	Lê Văn	Nam	27/12/1995	K20CSU-XDD	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	6.0	6.8	6.4	TBK	
3291	2021618198	Nguyễn Văn	Phát	30/04/1996	K20CSU-XDD	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	7.0	7.1	6.5	TBK	
3292	2021355482	Nguyễn Đăng	Quang	21/08/1996	K20CSU-XDD	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	7.0	8.0	6.0	6.7	6.9	TBK	
3293	2021617217	Nguyễn Văn Thành	Tài	22/02/1996	K20CSU-XDD	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	5.0	5.0	5.9	7.0	7.0	7.0	7.0	6.4	TBK	
3294	2021340510	Trần Thanh	Trung	23/07/1994	K20CSU-XDD	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	7.0	7.1	6.6	TBK	
3295	2021613355	Đông Thanh	Trung	06/10/1996	K20CSU-XDD	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	5.0	7.0	6.9	6.8	TBK	
3296	2021436061	Phạm Quốc	Đạt	09/04/1996	K20ADH	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
3297	2020437131	Trần	Đông	22/03/1996	K20ADH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.4	K	
3298	2020113128	Phạm Trịnh Hương	Giang	01/04/1996	K20ADH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K	
3299	2020112813	Trần Minh	Hải	06/03/1996	K20ADH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.9	TBK	
3300	2020415123	Nguyễn Trần Duyên	Hải	21/01/1996	K20ADH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	5.0	6.1	7.0	7.0	7.0	7.0	6.7	TBK	
3301	2021434264	Hà Nguyễn	Hải	26/08/1996	K20ADH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
3302	2020413283	Nguyễn Đức	Hậu	05/05/1996	K20ADH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	7.0	7.1	6.9	TBK	
3303	2021434845	Nguyễn Châu	Huân	22/09/1996	K20ADH	7.0	6.0	6.0	6.3	8.0	6.0	3.0	5.1	6.0	7.0	6.0	6.2	5.9	TB	
3304	2021433691	Nguyễn Phan Minh	Huy	21/10/1996	K20ADH	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	5.0	6.1	6.0	5.0	6.0	5.8	6.1	TBK	
3305	2011417518	Trần Trung	Kiên	04/10/1996	K20ADH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	7.0	5.0	6.0	6.3	TBK	
3306	2020112959	Trần Hoài	Linh	07/12/1996	K20ADH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	7.0	6.0	6.5	6.6	TBK	
3307	2021438063	Nguyễn Trọng	Luân	14/12/1996	K20ADH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.7	TBK	
3308	2021433641	Lê Việt	Mạnh	01/04/1996	K20ADH	8.0	6.0	8.0	7.6					8.0	7.0	5.0	6.3		KDDK	
3309	2021434811	Nguyễn Văn	Minh	21/11/1996	K20ADH	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
3310	2021437356	Nguyễn Văn Bình	Minh	29/10/1996	K20ADH	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	6.0	6.6	6.3	TBK	
3311	2021436013	Lê Phú	Nam	21/09/1996	K20ADH	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	6.0	6.4	6.9	TBK	
3312	2020437537	Huỳnh Lê Thúy	Nga	20/12/1996	K20ADH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
3313	2021433459	Phan Lê Hiền	Nghĩa	22/04/1994	K20ADH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	6.0	6.6	6.8	TBK	
3314	2020436095	Bùi Thị Bích	Ngọc	21/07/1996	K20ADH	8.0	7.0	9.0	8.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.4	K	
3315	2021435902	Trương Hoàng	Phước	05/11/1996	K20ADH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK	
3316	2020413252	Trần Hồng	Quang	28/06/1996	K20ADH	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	6.0	5.0	6.1	7.0	7.0	6.0	6.5	6.5	TBK	
3317	2020434956	Nguyễn Vi Li	Sa	18/09/1996	K20ADH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K	
3318	2021436694	Trần Tấn	Sang	17/01/1996	K20ADH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	5.0	5.0	5.9	6.2	TBK	
3319	2021426512	Bạch Mai	Son	08/09/1992	K20ADH	8.0	6.0	7.0	7.1					8.0	7.0	6.0	6.8		KDDK	
3320	2020413253	Lương Văn	Sỹ	20/01/1996	K20ADH	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.4	TBK	
3321	2021425145	Bùi Xuân	Tài	13/03/1996	K20ADH	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	7.0	7.1	6.9	TBK	
3322	2021435008	Hà Việt	Thắng	15/11/1996	K20ADH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.7	TBK	
3323	2021433465	Trần Ngọc	Thạnh	23/01/1996	K20ADH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.7	TBK	
3324	2020434871	Phan Khánh	Thảo	25/01/1995	K20ADH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K	
3325	2020437570	Võ Thị Phương	Thảo	26/10/1996	K20ADH	8.0	6.0	9.0	8.1	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	8.0	6.0	6.7	7.0	K	
3326	2021433709	Phạm Anh	Thiện	19/07/1996	K20ADH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	5.0	6.3	6.0	7.0	7.0	6.7	6.7	TBK	
3327	2021434281	Nguyễn Thành	Thông	15/07/1996	K20ADH	7.0	6.0	9.0	7.8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	8.0	7.0	7.5	7.3	K	
3328	2020433698	Nguyễn Phan Anh	Thư	21/08/1996	K20ADH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	8.0	8.0	7.4	K	
3329	2021457262	Lê Hoài	Thương	11/02/1992	K20ADH	8.0	7.0	6.0	6.8					8.0	8.0	7.0	7.5		KDDK	
3330	2020635800	Phan Thị Hồng	Thủy	12/01/1996	K20ADH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K	
3331	2021433607	Phan Thành	Toại	07/09/1996	K20ADH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	5.0	6.1	7.0	5.0	6.0	6.1	6.4	TBK	
3332	2020436841	Nguyễn Thị Bảo	Trâm	29/09/1996	K20ADH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K	
3333	2020113019	Trương Minh	Trí	16/11/1996	K20ADH	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	8.0	7.0	7.5	6.9	TBK	
3334	2021435825	Bùi Minh	Trí	20/12/1996	K20ADH	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.4	TBK	

3335	2021434520	Nguyễn Phước	Trung	03/06/1996	K20ADH	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	6.0	7.0	6.6	TBK	
3336	2011126654	Lê Tự Anh	Tuấn	05/11/1996	K20ADH	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK	
3337	2021425138	Huỳnh Nguyễn Tuấn	Bảo	03/11/1996	K20KTN	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	8.0	7.0	7.5	6.8	TBK	
3338	2020426574	Trịnh Thị	Chi	23/06/1996	K20KTN	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	7.0	8.0	8.0	7.7	7.2	K	
3339	2020425149	Nguyễn Lê Thục	Đan	19/06/1996	K20KTN	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	6.0	6.4	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	K	
3340	2021425139	Trần Quang	Đặng	08/05/1996	K20KTN	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK	
3341	2021425140	Võ Văn	Dự	30/01/1996	K20KTN	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK	
3342	2020425150	Huỳnh Thị Thùy	Dung	17/04/1996	K20KTN	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	5.0	5.9	7.0	8.0	7.0	7.2	6.8	TBK	
3343	2020428427	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	25/02/1995	K20KTN	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	6.0	6.4	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	K	
3344	2020428341	Dương Thị	Hà	05/01/1996	K20KTN	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	5.0	5.0	5.9	7.0	8.0	7.0	7.2	6.7	TBK	
3345	2020713834	Huỳnh Gia	Hân	30/07/1996	K20KTN	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	5.0	5.0	5.9	7.0	8.0	7.0	7.2	6.7	TBK	
3346	2021425141	Nguyễn Văn	Hậu	20/02/1996	K20KTN	8.0	6.0	9.0	8.1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K	
3347	2021425142	Lê Công	Hiếu	01/12/1995	K20KTN	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	5.0	5.0	5.9	7.0	7.0	6.0	6.5	6.1	TBK	
3348	2021425767	Phạm Minh	Hùng	17/11/1996	K20KTN	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	6.0	6.4	7.0	7.0	6.0	6.5	6.7	TBK	
3349	2020428451	Ngô Ngọc	Khanh	05/01/1996	K20KTN	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	8.0	7.0	7.2	6.9	TBK	
3350	2021428435	Hồ Minh	Nhật	19/05/1994	K20KTN	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	5.0	5.0	5.9	7.0	7.0	7.0	7.0	6.4	TBK	
3351	2020425057	Phan Thị	Phương	02/11/1996	K20KTN	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	8.0	7.0	7.5	7.1	K	
3352	2020425144	Trương Thị Trúc	Phương	23/06/1996	K20KTN	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	7.0	7.0	7.0	6.6	TBK	
3353	2021428438	Trần Đức	Tài	15/08/1995	K20KTN	8.0	6.0	9.0	8.1	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K	
3354	2021425156	Trần Lê Thiên	Thanh	01/03/1995	K20KTN	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	5.0	5.9	7.0	8.0	7.0	7.2	6.6	TBK	
3355	2020420976	Trần Minh Thu	Thùy	25/03/1995	K20KTN	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	8.0	7.0	7.5	6.9	TBK	
3356	2021420906	Trần Quốc	Triều	24/07/1996	K20KTN	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
3357	2021425158	Huỳnh Quang	Trung	02/03/1996	K20KTN	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK	
3358	2021625002	Đỗ Thành	Chung	25/02/1994	K20XDC	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	7.1	K	
3359	2021626601	Ngô Quốc	Đạt	11/11/1995	K20XDC	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.4	TBK	
3360	2021626637	Nguyễn Văn	Đông	29/11/1996	K20XDC	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
3361	2021628296	Võ Thế	Hiển	06/09/1993	K20XDC	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK	
3362	2021623894	Trần Hoàng	Hiếu	17/07/1996	K20XDC	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	7.0	6.0	6.5	6.3	TBK	
3363	2021626131	Nguyễn Tấn	Hiếu	18/09/1995	K20XDC	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	K	
3364	2020624870	Nguyễn Huy	Hoàng	23/02/1996	K20XDC	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6						KDDK	
3365	2021624259	Thân Nguyễn Nhật	Hoàng	05/02/1996	K20XDC	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK	
3366	2021626621	Trần Đức	Hoàng	04/12/1996	K20XDC	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	6.9	TBK	
3367	2021626889	Lê Thế	Hoành	04/11/1996	K20XDC	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
3368	2020612987	Phạm Xuân	Huân	20/02/1996	K20XDC	8.0	5.0	8.0	7.4	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	8.0	6.0	7.0	7.0	K	
3369	2021418450	Tô Duy	Khánh	30/07/1996	K20XDC	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	6.0	6.6	6.4	TBK	
3370	2021624607	Vũ Văn	Phúc	14/11/1995	K20XDC	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK	
3371	2021625077	Nguyễn Việt	Quảng	09/07/1996	K20XDC	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.4	TBK	
3372	2021627633	Đình Phú	Quốc	26/07/1996	K20XDC	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK	
3373	2020624708	Phan Lê Công	Thành	01/01/1996	K20XDC	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
3374	2021627589	Hoàng Minh	Thành	18/02/1996	K20XDC	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK	
3375	2021626788	Nguyễn Đình	Thị	05/08/1996	K20XDC	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.6	TBK	
3376	2021626834	Phan Nhật	Thị	05/04/1996	K20XDC	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK	
3377	2021624796	Đỗ Quang	Tiến	29/01/1996	K20XDC	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K	
3378	2021627374	Phạm Công	Trung	20/06/1996	K20XDC	8.0	5.0	8.0	7.4	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK	
3379	2021625732	Trần Minh	Tú	20/12/1996	K20XDC	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	6.0	6.6	6.5	TBK	
3380	2021628085	Nguyễn Thanh	Tùng	19/04/1996	K20XDC	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K	
3381	2020622963	Hồ Quốc	Việt	10/11/1996	K20XDC	8.0	7.0	6.0	6.8	6.0	7.0	6.0	6.2	7.0	7.0	6.0	6.5	6.5	TBK	
3382	2021626065	Lâm Gia	Vũ	18/08/1995	K20XDC	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	5.0	6.1	6.6	TBK	
3383	2021628083	Lê Hoàng	Vũ	15/08/1996	K20XDC	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K	
3384	2020712765	Nguyễn Minh	Xuân	26/11/1996	K20XDC	8.0	5.0	8.0	7.4	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.9	TBK	
3385	1920265626	Lê Thị Quỳnh	Như	26/02/1995	K19KDN					8.0	7.0	7.0	7.3						KDDK	B. Lưu
3386	1820235343	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	15/10/1994	K18QTC									7.0	8.0	7.0	7.2		84096	Ghép